

Trầm Hương

tạp chí văn học nghệ thuật



Trầm Hương 8 – Bộ Mới – 2012



TRẦM HƯƠNG
Tạp chí văn học nghệ thuật

Năm Thứ 8 . Bộ Mới . Số 8

Chủ nhiệm: **Nguyễn Đức Nhơn**
Chủ bút: **Túy Hà**

Thông Tin Liên Lạc
Tuyha81@yahoo.com
doanthachngoc@yahoo.com
Website: <http://hoiquantramhuong.net>

Tranh bìa :
Phụ bản và minh họa: Nghi Hà
Trình bày và layout: Túy Hà
In tại
Mr.Print Ân Quán

DIỄN ĐÀN VĂN HỌC TRẦM HƯƠNG THỰC HIỆN

LỜI VÀO

Mới đây mà Tạp chí Trầm Hương số 8 (bộ mới) đã đến tay thân hữu và bạn đọc. Đó là một nỗ lực rất lớn của Ban Điều Hành và Ban Biên Tập. Chúng tôi không nói ra nhưng quý Độc giả cũng thấy được những khó khăn của ngành báo giấy hiện thời. Nhiều tờ báo thương mại đã phải đình bản vì không còn người đọc, không còn quảng cáo; huống chi là một Tạp chí Văn học, chỉ dựa vào lòng hảo tâm của thân hữu mà sống. Nhưng chỉ có nỗ lực của BDH và BBT cũng không làm được gì nếu không có sự ủng hộ của quý Mạnh Thường Quân còn thiết tha với những dòng chữ thân thương trải mình trên trang giấy qua nhiều thế hệ.

Đất trời vừa bước vào thu, chút se lạnh buổi sáng, chút ấm áp buổi trưa và chút gọi cảm buổi chiều đã khơi dậy lòng đam mê chữ nghĩa và đó là lý do mà TH 8 đã ra đời đúng định kỳ của nó.

Để quý Độc giả rõ thêm về những khó khăn mà Trầm Hương phải đối mặt. BBT xin phép được trích một đoạn trong bức tâm thư mà Văn hữu Chủ nhiệm đã gửi đến cho quý Văn Thi hữu xa gần trong lần họp mặt Trầm Hương tại Austin trong tháng 9 vừa qua:

Kính thưa quý Văn Thi hữu xa gần,

Từ ngày Tạp chí Trầm Hương chuyển sang bộ mới và Thi Văn Đoàn Trầm Hương giải thể để thành lập Diễn Đàn Văn Học Trầm Hương, mọi quy định của Thi Văn Đoàn đã được hủy bỏ, bao gồm việc đóng tiền in ấn. Từ đó Trầm Hương phải vật lộn với nguồn tài chính để cố gắng tồn tại, nhưng thành tâm mà nói chúng tôi (Ban Điều Hành) đã thấy tinh thần sa sút rất nhiều. Việc tiếp tục hay đình bản vĩnh viễn Tạp chí Trầm Hương luôn là một ám ảnh không rời.

Nhưng với sự ủng hộ nhiệt tình của quý Văn Thi hữu và Độc giả đã giúp chúng tôi có một quyết định sáng suốt là quyết tâm duy trì Tạp chí Trầm Hương đến cùng. Rất mong quý Văn Thi hữu vì thiết tha với văn chương chữ nghĩa mà cùng chúng tôi dấn thân vào con đường đầy khó khăn nhưng đầy ý nghĩa này.

Kính thưa quý Văn Thi hữu và Độc giả xa gần,

Mùa Thu sẽ qua nhanh, chúng tôi phải cực lực vận động bài vở và tài chánh để phát hành số Mùa Thu đúng định kỳ hầu không phụ lòng tin tưởng của quý vị. Chúng tôi rất vui vì đã thực hiện được điều này. Quyển sách đang nằm trong tay của quý vị với

nội dung và hình thức chắc không làm phụ lòng quý vị. Trầm Hương chân thành cảm ơn quý vị và hẹn gặp lại trong số mùa Đông sắp tới.

*Trân trọng,
Ban Biên Tập*

Nguyễn Xuân Thiệp
Tiếng dế và ánh trăng

Xin bắt đầu với nhà thơ Hà Thượng Nhân -người lúc sinh thời đã gọi cho Nguyễn viết về dế và ánh trăng hôm nay.

Hà Thượng Nhân là nhà thơ, cựu giám đốc đài Sài Gòn và nhật báo Tiền Tuyến. Ông được xem là một nhân cách đáng kính đối với kẻ sĩ miền Nam thời trước. Một hôm, nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm từ San Jose gọi điện cho biết: dạo này ông Hà -đã ở tuổi 90 - lúc nhớ lúc quên. Có hôm vào 6 giờ sáng, ông gọi Vũ Đức Nghiêm rủ đi ăn phở. Nghiêm nói giờ này tiệm phở đâu đã mở cửa, đợi sau 9 giờ rồi rủ thêm vài ông bạn nữa cùng đi. Nghe vậy, Hà Thượng Nhân nói: Nếu sau 9 giờ thì sẽ có thêm nữ sĩ Huệ Thu. Trước khi đi, Vũ Đức Nghiêm gọi cho Huệ Thu thì được biết vụ đi ăn phở là vào sáng mai lặn. Một hôm khác, vào lúc nửa đêm, Hà Thượng Nhân gọi bảo sẽ đưa cho Nghiêm bốn ngàn để Nghiêm tìm cách giúp đài phát thanh Tân An. Ông Hà nói đài này hay lắm, nên giúp đỡ. Vũ Đức Nghiêm bèn giải thích: Đài Tân An là cách đây 40 năm lặn, bây giờ đâu còn nữa. Nghe câu chuyện Nghiêm kể, Nguyễn tôi hết sức cảm động và thương cho tấm lòng Hà Thượng Nhân. Bây giờ, xin nói chuyện dế.

Nguyễn này mê dế. Và cũng đã mấy lần viết về dế. Ngoài ra đã trích dẫn thơ của bạn bè với hậu ý làm cho bài viết của mình thêm ý vị. Nào là “Đây rồi, con dế giang hồ ấy / Vẫn hát say sưa dưới cỏ buồn” (Tô Thùy Yên), “Con dế mèn tự tử giữa đêm sương” (Du Tử Lê) Và rồi con dế trong thơ Quan Dương... Riêng Nguyễn tôi lúc mới ở tù CS về, cũng có làm bài thi trong đó có tiếng dế khóc: Khòm lưng nấu bát cháo ngoài hiên / nắm mộ đá ong / dế khóc.

Thưa bằng hữu, sở dĩ Nguyễn tôi nổi hứng tiếp tục tản mạn về dế là vì chợt nhớ là vào một buổi sáng mùa hè cách nay chừng dăm năm, khi thăm bạn bè ở Bắc Cali, đã được bạn già Hà Thượng Nhân kể lại chuyện cãi nhau với Thanh Tâm Tuyền về câu thơ chữ Hán của Đặng Trần Côn: Tất suất sổ thanh nguyệt. Câu thơ này được Bà Đoàn Thị Điểm diễn Nôm trong “Chinh Phụ Ngâm”: Vài tiếng dế, nguyệt soi trước ốc. Thanh Tâm Tuyền (ôi, anh Tâm đã là người thiên cổ!) sinh thời trong lúc cao hứng đã dịch lại như sau: Dế vài tiếng trăng. Theo Nguyễn tôi nghĩ, ý của anh Tâm là muốn xóa nhòa ranh giới giữa tiếng dế và tiếng trăng - có thể tiếng dế cũng là tiếng trăng - làm cho câu thơ chữ Hán có thêm một tầng ý nghĩa và cảm xúc, như thể

nó có chút ý vị gì đó của haiku. Thế nhưng, ông Hà không chịu, bảo TTT không hiểu chữ Hán. Câu chuyện trà dư tửu hậu, chẳng có gì quan trọng nhưng nó có liên quan đến bài “Độc Đêm Nghe Dế Gáy” của ông Hà viết cho Nguyễn Trung Dũng.

Vậy xin hãy gượng, trước khi vào chuyện, thiết tưởng nên nói đôi điều về dế kéo thiếu tình với anh bạn nhỏ này. Nhiều bạn đọc lớn tuổi hẳn còn nhớ ca từ của bản nhạc “Thằng Cuội” của Lê Thương, trong đó có gọi lên hình ảnh rất đẹp của con dế: Có con dế mèn suốt trong đêm khuya hát xẩm không tiền nên nghèo xác xơ... Ôi, những trẻ em thời xưa, bây giờ đã già hết, nhưng làm sao quên được hình ảnh con dế mèn hát ni non dưới ánh trăng. Thật ra, không riêng gì tuổi thơ Việt Nam có hình ảnh con dế. Mới đây, một bà mẹ ở Mỹ, nhớ lại thời thơ ấu của con trai mình cũng nhắc tới những con dế. Và chúng ta biết rằng trẻ con Nhật, rất yêu dế, thường bắt dế hoặc mua dế, đem về nuôi trong lồng tre. Chúng thường đem dế ra công viên vào những chiều mùa hạ để cho dế tranh gáy với những con dế khác.

Như vậy, dế có mặt khắp nơi, tham dự vào những tuổi thơ hạnh phúc cũng như tủi cực. Như bao trẻ khác, tuổi thơ của Nguyễn tôi nơi sản dã cũng đã từng bắt dế, nuôi dế, say mê nghe dế gáy... Muốn bắt dế phải lần theo tiếng dế gáy chứ biết đâu mà tìm. Có thể dế nằm dưới một tấm bưng trong vườn cỏ mọc đầy, chỉ cần lật lên là tóm được vài ba chú. Nhưng thường dế ở trong hang và cất tiếng gáy re re, nhất là trong những đêm trăng. Trường hợp này, phải lấy lon múc đầy nước đổ vào lỗ, thế là dế ta ngộp thở trôi đầu lên, cứ việc tóm lấy râu là bắt được. Dế ăn cỏ. Thời nhỏ, Nguyễn tôi bắt về cho vào hộp diêm nuôi để đêm nghe nó gáy. Nghe chán, dăm ba ngày, thả dế ra lại. Các con của Nguyễn cũng rất thích chơi dế. Vườn nhà ở đường Nguyễn Trường Tộ Đà Lạt chỉ toàn đất sỏi và gốc thông, ít cỏ nên không có dế. Vợ Nguyễn phải ra chợ mua dế về cho hai chú con chơi. Hai đứa như hai hòn bi, suốt ngày làm bạn với dế, cho dế ăn, cho uống nước. Mặt hai đứa cứ đỏ gay, bứt từng sợi tóc trên đầu buộc vào dế rồi quay dế cho dế hăng tiết đá nhau. Mỗi đứa có ít ra là mười con. Đêm trong phòng ngủ dế gáy ran khiến đôi lúc bực mình, Nguyễn tính đem liệng hết nhưng nghĩ tội nghiệp cho hai chú nhóc bèn ráng chịu trăn.

Trở lại với tiếng dế. Chúng ta đã có dế kêu, dế gáy, dế khóc, dế tự tử. Và còn gì nữa?... Dế kêu, cũng như ve kêu, chim kêu, thường thôi -không có ý nghĩa gì đặc biệt. Còn dế gáy, theo Hà Thượng Nhân, là có ý kêu gọi bạn tình. Tới dế khóc thì chắc phải bi thương, đau đớn lắm. Rồi làm sao con dế mèn lại tự tử, và tự tử bằng cách nào? Có người hỏi thi sĩ Du Tử Lê thì được ông Lê trả lời chắc nó thất tình nên đã cắn lưỡi tự tử. Ấy, ấy, thì ra là thế. Thế nó thất tình ai vậy cả?

Vẫn tiếng dế. Từ ngày qua Mỹ tới giờ Nguyễn tôi chưa hề được nghe dế gáy. Thâm chí, khi cùng vợ về chơi trang trại người bạn Mỹ ở vùng quê Duncan, OK, qua chiều và đêm giữa cánh đồng cỏ, mà không hề nghe con dế nào cất tiếng. Có lẽ vì gió trời lòng lộng chẳng? Cũng có thể Nguyễn mãi chuyện trò và xem TV nên không nghe dế gáy. Thật ra, theo sách vở, ở Mỹ có rất nhiều dế. Nhà văn Nathaniel Hawthorne

có lần viết rằng nếu ta nghe được tiếng của ánh trăng thì nó cũng như tiếng loài dế gọi là snow tree crickets kêu vậy. Nguyễn nhớ thơ haiku (có phải của Basho?) có câu: Đêm nằm nghe dế gáy / tưởng chừng như tiếng của ánh trăng / trong khe lá mùa thu.

Các bạn biết không, có bốn giai điệu trong tiếng gáy của loài dế: giai điệu gọi tình thì êm ái nhẹ nhàng, điệu rù quyến con nữ nghe rên rỉ thiết tha, giai điệu đuổi đánh kẻ tình địch thì hung hãn và điệu thỏa tình nghe rất ngắn và nhỏ khi nó xuất tinh trên trứng con nữ. Nói chung thì nhạc dế nghe trong trẻo và du dương.

Nói tới dế và trăng, Nguyễn nhớ trong tiếng Mỹ có từ “con dế trăng” (moon cricket) dùng để chỉ những người Mỹ da đen thường kéo nhau ra giữa khoảng không trời đất hát những bài ca của người nô lệ dưới ánh trăng. Đó là vào thời xa xưa trên đất này. Một hình ảnh thật đẹp nhưng ít nhiều ngụ ý khinh khi.

Mùa hè qua mau như ngọn gió. Cuối hè rồi. Dế thường có nhiều dế vào thời gian này, từ giữa tháng 8 qua đầu tháng 9. Bạn cứ đi dạo chơi vào lúc cuối ngày hay ngồi hóng mát ngoài trời vào lúc hoàng hôn ở nơi miền đồng cỏ sẽ nghe lũ dế đồng gáy ran, tạo thành một khúc nhạc dễ thương. Nên nhớ chỉ dế đực mới biết gáy. Do đó, để nuôi chơi vài ngày, bạn nên chọn con dế đực cho vào cái hộp nhỏ, thả cho nó vài cọng cỏ hoặc ít vụn bánh mì. Khi dế đã quen với chỗ ở mới, nó sẽ gáy suốt ngày.

Con dế tuy nhỏ bé là thế, nhưng nó có chỗ đứng trong văn học đây, các bạn ạ. Một con dế có tên Chester Cricket là vai chính trong một cuốn truyện của George Selden - Con Dế Ở Quảng Trường Times Square, The Cricket In Times Square. Selden kể trong tự truyện: “Một hôm tôi đạp xe điện ngầm về nhà. Lúc bước xuống ga ở quảng trường, tôi nghe tiếng một con dế gáy, lập tức một cốt truyện hình thành trong đầu tôi chỉ trong vài phút. Một tác giả phải cảm tạ những giây phút như thế mặc dù chúng xảy ra không thường xuyên lắm.”

Cốt truyện xoay quanh “nhân vật” mang tên Chester Cricket, một con dế có tài âm nhạc, một hôm đến New York trên chuyến tàu từ Connecticut. Nó thậm chí còn đi xe điện ngầm đến quảng trường Times Square. Tại đây, anh bạn Mario Bellini, có người cha đang lo điều hành một tiệm sách báo đang gặp khó khăn về tài chính, đã tìm thấy con dế Chester và mang nó về nuôi cho vui, hy vọng nó sẽ mang điều lành tới cho tiệm. Cha của Mario là Papa Bellini cũng rất hoan hỉ khi có thêm con dế Chester trong nhà. Tại đây, Chester gặp Chuột Tucker và Mèo Harry. Hai tên này thường lang thang trong thành phố kiếm ăn nhờ những thực phẩm người ta bỏ đi. Chúng đưa Chester đi thăm quảng trường Times Square và Chester tỏ ra vô cùng thích thú. Thế rồi dần dần Dế Chester phát hiện ra tài năng ca hát của mình. Mario bèn đưa chú đi Phố Tàu mua cho chú một cái lồng dế ở. Một hôm, Chester gặm mất hai đô la trong quầy tính tiền khiến Mama Bellini - mẹ của Marion - giận muốn đuổi dế đi, nhưng Chuột Tucker đã dùng những đồng tiền đi xin được để cứu Dế Chester và hoàn lại số tiền. Thời gian qua, trong một bữa tiệc vui của ba đứa - Dế, Chuột và Mèo - chúng đã vô ý để lửa cháy tiệm báo. Ngọn lửa được dập tắt, nhưng Mama

Bellini vô cùng tức giận, bảo Mario đuổi Chester ra khỏi nhà. Tuy nhiên, đúng lúc ấy, Dế Chester cất tiếng hát khúc ca Mama Bellini từng ưa thích, và Mama đã hát theo và rồi Mama thay đổi ý kiến. Rõ ràng Chester có một ký ức âm nhạc tuyệt vời khi nó hát những khúc opera kỳ diệu khiến Papa Bellini cũng lấy làm ngạc nhiên thán phục. Về sau nhờ một giáo sư âm nhạc nghe và thích tiếng hát của Chester Cricket đã viết một bài đăng lên tờ “New York Times” nên khách hàng tập nập kéo đến tiệm báo để nghe Chester trình tấu âm nhạc. Việc buôn bán của gia đình Bellini nhờ đó trở thành phát đạt. Nhưng rồi lòng hoài hương trời dậy, Chester muốn trở về vùng đồng nội của mình. Mọi người đều khuyên can nhưng cuối cùng Mario phải để Chester đi. Đêm hôm ấy, khi trăng lên, Chester cất tiếng ca náo nùng từ biệt Mario và bạn bè, rồi tất cả đưa Chester ra nhà ga lớn để về lại Connecticut, quê nhà của Chester.

Như vậy, con dế đã trở thành hình ảnh thân yêu của văn học, nghệ thuật. Hãng phim Walt Disney cũng đã sáng tạo hình ảnh con dế trong các tác phẩm của mình. Đặc biệt, trong phim Pinocchio, dế Jiminy Cricket được xem là biểu tượng của lương tâm nhân vật Thằng Người Gỗ. Cuối cùng, các bạn xem phim The Last Emperor của đạo diễn Bertolucci hẳn còn nhớ hình ảnh vua Phổ Nghi lúc còn nhỏ đã say mê đi tìm và làm bạn với chú dế trong cung.

Như đã nói trên, từ lúc sang Mỹ đến giờ, Nguyễn chưa từng được nghe tiếng dế. Thế nhưng có người đã nghe tiếng dế gáy ở một công viên trên San Jose. Thưa, đó là ông bạn Nguyễn Trung Dũng của Nguyễn. Trong truyện ngắn Đêm Nghe Dế Gáy, Dũng kể một ông già buổi chiều ngồi trong công viên bỗng nghe tiếng dế gáy. Ông không tin ở Mỹ còn có dế. Vạch cỏ lần theo tiếng gáy, ông thấy một con dế đang cất tiếng dưới một bụi hoa cúc. Ông bèn đưa tay ra gọi dế thì, lạ thay, con dế tự động bò lên bàn tay ông. Thế là ông đem con dế về nhà, ban đêm nghe nó gáy và chuyện trò với nó, đến nỗi cô con dâu ông bảo bố điên vì bố ban đêm nói chuyện một mình. Nhưng thật ra ông chuyện trò với con dế. Một đêm, thức giấc với vàng trăng, ông tự nhủ phải thả con dế vào ánh trăng để nó gáy. Thế là ông mở nắp hộp nhốt dế. “Con dế chui ra. Cọ cẳng, so râu, cánh rung, nó gáy lên một tiếng. Rồi vụt một cái, dế bung mạnh đôi càng bay về phía cửa sổ mở. Đứng ở đó con dế lại gáy.” Và nó bay ra ngoài... “Ông già tay bầu lên bậu cửa, nhìn theo con dế bay lẫn vào ánh sáng của vàng trăng.”

Một truyện giản dị và cảm động. Như cái tình của con người đối với dế.

Nguyễn Xuân Thiệp
(Tài liệu tổng hợp)

TRẦN THIỆN HIỆP
Trên một dòng sông

Xuôi dòng sông lòng gợn thương con nước
nước xa nguồn bỏ lại những bờ lau
ra biển Đông nước bao giờ trở lại
thành hạt mưa trên rừng vắng thuở nào(!)

ta đã bỏ bao bến đời biên biệt
và thời gian không quay lại bao giờ
ngày quá khứ trôi xa trong trí nhớ
mỗi bước đời hóa kiếp vỡ thành thơ

tiếng nước vỗ mạn thuyền nghe xa thăm
ngõ hoài âm điệu khúc thuở em ca
tàn đêm nguyệt bến nào ai mãi đợi
nỗi ngậm ngùi còn lại với chia xa

và mai một cũng là xuôi con nước
cánh mây trời theo gió cõi hư không
ai chợt hỏi, xin hiểu là vô định
bến bờ nào sẽ ghé để chờ mong

ngày còn lại bước dài theo định mệnh
mặc dòng đời sẽ trăm ngã rẽ phân
tâm đã tĩnh, lòng an nhiên cây lá
hạt sương nào chẳng vỡ giữa phù vân

TƯỜNG LINH

Đi giữa đôi bờ

Tôi về, thuyền ngược nước sông Thu
Thăm thẳm nguồn xa, núi mịt mù
Mưa vẫn còn mưa, chiều vẫn lạnh
Đôi bờ hiu hắt, bãi hoang vu

Đứng lặng trong mưa Vĩnh Điện buồn
Chân cầu trắng xóa nước sông tuôn
Thuyền lên mắt nuôi bờ sông khuất
Cổ tháp Bằng An lạnh lẽo hồn

Qua nhánh sông này, mưa, vẫn mưa

Có gì khơi lại nỗi niềm xưa
Tình ơi, Giao Thủy hai nguồn nước
Gặp gỡ nhau sao chẳng đợi chờ?

Bến mộng Gia Hòa xanh ngát dâu
Áo tơ vàng cũ biết tìm đâu
Con đường dương liễu reo ngày trước
Dương liễu chiều nay vọng nhạc sầu

Núi điệp trùng vây, quê ta ơi!
Về đây người lại nhớ nhung người
Chợ chiều Trung Phước mờ sương khói
Dâu biển bao nhiêu lắm đổi dời!

Mai sớm tôi đi, thuyền xuôi dòng
Đôi bờ, xin gửi chút thương mong
Quê hương chờ gọi tôi là khách
Bài độc hành ca viết chưa xong

PHAN BÁ THỤY DƯƠNG

*Trần Văn Sơn: Thơ như những
tiếng tơ đồng điệu vợ và trầm sâu.*

“Thấp Thoáng Vài Nụ Hoa” là ấn phẩm thi ca thứ nhì của Trần Văn Sơn, do nxb Little Sài Gòn ấn loát cuối năm 2008 và phát hành vào đầu năm 2009. Bìa của họa sĩ Rừng. Sách trình bày mỹ thuật, dày 148 trang với nhiều phụ bản tranh màu của các họa sĩ thành danh: Hồ Thành Đức, Bé Ký, Lương Trường Thọ, Rừng. Tác phẩm này sau khi phát hành 5 tháng đã được bạn đọc yêu chuộng mua hết.

Trần Văn Sơn là nhà thơ trẻ khá nổi tiếng của nhóm Khai Phá trước 75. Ngoài tập san này, anh còn công tác với các tạp chí Phổ Thông, Thời Nay, Văn, Nghệ Thuật, Khởi Hành... và là hội viên của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội .
Sinh năm 1945 dưới chân lầu Hoàng, Phú Hải, tỉnh Bình Thuận. Sang Mỹ theo diện HO và hiện cư ngụ tại thị xã Garden Grove, California.

Tác phẩm đã xuất bản trước 1975:

- Vườn Dĩ Vãng: Thơ – Khai Phá xuất bản 1972 tại Sài Gòn.

TTVNH sau khi ra mắt bạn đọc đã được giới văn nghệ, báo chí đón nhận với một thái độ trân quý, nồng ấm. Ai cũng biết thị trường sách báo hải ngoại càng ngày càng trở nên vắng khách, thiếu tri âm, thì những phản ứng, nhận định dưới đây đáng là một điều an ủi lớn cho Sơn khi anh trở lại với thi ca, sau 35 năm vắng bóng.

Sau khi đọc TTVNH nhà thơ Viên Linh nhận định:

“Thơ TVS, dù qua thể loại nào, vẫn có một nhịp điệu du dương riêng; anh chọn vần, lựa điệu như một nhạc sĩ, và chữ trong thơ TTVNH dồi dào hình ảnh, tạo ra hình ảnh, khiến bài thơ – hay câu thơ của anh - là một bức tranh, hay một góc của bức tranh nhiều màu sắc:

bay mưa sâu thấp trăm năm/đèn lu bắt lụn mưa đêm đìa rơi/tôi ôm mưa ngủ ngoài trời/mưa tôi che kín bóng đời buồn tênh (tr.19). 4 câu lục bát điệu luyện.

chung trà nóng vẫn còn/chén rượu chưa nhấp cạn/ngó lên đỉnh thiên sơn/lạc loài chim lẻ bạn (tr.15). 4 câu ngũ ngôn không thừa một chữ.

sát quán Ba Cô ngôi miếu cổ/ngõ ngang gạch đá lạnh hương trầm/bạn. ta. thiên định bên ly rượu/chợt thoáng trong ly bóng nguyệt rằm. (Tửu thiên với Nguyễn Bắc Sơn tại quán Ba Cô tr.45). 4 câu thất ngôn tứ tuyệt rất tuyệt.

Thơ TVS: chỉ 4 câu thôi là khúc nhạc. Chỉ 4 câu thôi là tấm tranh. Chỉ 4 câu thôi là thấy hết. Chỉ 4 câu thôi mà mệnh mang.” (trích Khởi Hành số 149 tháng 3 năm 2009).

Sau khi TTVNH phát hành không lâu, một nhà thơ khác cùng chung trường mẹ Phan Bội Châu, cùng quê Bình Thuận với TVS là nhà thơ Trần Văn Lệ đã viết:

“Gần bốn mươi năm mà một nhà thơ đã có danh như Trần Văn Sơn mới có thêm tập thơ thứ hai, thế là muộn màng lắm; nhưng có còn hơn không. Anh, trước hết, chứng tỏ cho anh em trong thi giới thấy mình vẫn còn sống – vẫn còn sống để còn Thơ... Trần Văn Sơn làm thơ không lẻ loi, không thiếu hay vắng bạn. Cái tình của tác giả Thấp Thoáng Vài Nụ Hoa không thấp thoáng mà choáng ngợp lòng người. Ai là bạn của Trần Văn Sơn chắc hẳn là có nhiều kỷ niệm vì tôi thấy Hà Thúc Sinh ưu ái viết bài tựa cho Thấp Thoáng Vài Nụ Hoa, Phạm Nhã Dự, Ngô Nguyên Nghiễm, Trần Phù Thế thì viết cho Trần Văn Sơn ở phần bạt; còn ở bìa sau thì Phan Bá Thụy Dương giới thiệu tác giả và tác phẩm tuy ít lời mà rất nồng nàn.”

● Trần Văn Lệ (trích tạp chí Tân Văn số 20 tháng 3 năm 2009)

Một thi hữu khác là bạn Nguyễn Mạnh Trinh cũng đã thân tình phát biểu:

“Đọc thơ Trần Văn Sơn, như nhìn ngắm lại một chân dung của một người bình thường trong thế hệ chúng ta. Đi lính, đi tù, đi Mỹ, những cái đi ấy hình như hầu hết chúng ta đều có chung. Những cái đi khởi từ một cuộc chiến tranh tàn khốc. Trải qua những nhọc nhằn bị thương, có lúc cũng hào sảng luận anh hùng, cũng có lúc giờ tỉnh giờ điên trong cơn say ngậm ngùi nhìn thế sự, thơ như những phác họa của một

thực tế mà bất cứ ai cũng có lúc trải qua. Thành ra, thơ lại là những chia sẻ của những người hiện giờ đang sống đời lưu lạc, đang hụt hơi với chuyện cơm áo xú người. Có mấy ai bằng lòng với hiện tại, với những gì mình đã có trong tay. Nhưng rồi cũng phải nhận ra một điều. Cuộc đời dù ở đâu và bất cứ ở nơi chốn nào, cũng cần một tấm lòng. Trong thơ Thấp Thoáng Vài Nụ Hoa, quả tôi đã thấp thoáng thấy mình của đám đông trong thế hệ ấy. Làm thơ, có phải là để trung thực và sống phẳng với đời, để có lúc còn một chút nắng vui tươi, của một vài sợi mây mơ mộng. Qua bao nhiêu ngã đường đã vượt, trải bấy nhiêu cay đắng ở đời, thì có lúc, thơ đã làm gậy chống để giúp đỡ đôi chân trèo lên dốc đứng nhân sinh muôn đời chập chùng trước mặt...

● Nguyễn Mạnh Trinh (trích Trẻ Magazine số tháng 5 năm 2009)

Thân mời bạn đọc thưởng ngoạn một số bài tiêu biểu với các thể loại khác nhau của TVS được trích trong tác phẩm thi ca TTVNH:

● Thấp Thoáng Vài Nụ Hoa

Dầu không cửa không nhà. Vẫn an nhiên mà sống
Dầu không rượu không trà. Vẫn hằng đêm nuôi mộng
Một ngày. Một ngày qua. Khốn khó vây quanh ta
Cháo rau ngày hai bữa. Chưa đủ ấm thịt da
Ngày thần thờ với bóng. Bóng quanh quẩn bên ta
Đêm thần thờ đôi bóng. Bóng nhìn ta ghen ngào
Mộng có khi là thực. Nhưng thực phải thế nào
Ngày. Ngày qua – Còn đó. Tia nắng chưa rọi vào
Sáng nay trời thật đẹp. Hoa ngào ngát quanh nhà
Vườn ai vừa mở cửa. Thấp thoáng vài nụ hoa.

● **Lục Bát Mưa**

Mưa Đầu Mùa

Rơi hoài phố vắng người thưa
Rơi trong chăn chiếu giọt mưa đầu mùa
Rơi tôi hạnh phúc ngày xưa
Phát phơ sợi tóc buổi trưa mưa dầm
Bay mưa sầu thấp trăm năm
Đèn lu bắc lụn mưa đêm đìu rọi
Tôi ôm mưa ngủ ngoài trời
Mưa tôi che kín bóng đời buồn tênh.

Mưa Sài Gòn

Sài Gòn đang nắng chột mưa
Dừng chân đút vội mưa vừa dứt cơn
Hết mưa chỉ một phút hơn
Rồi mưa mưa mãi mưa còn dài thêm
Mịt mù ngày cũng như đêm
Thèm hôn chút nắng êm đêm buổi trưa
Giận trời sao cứ mưa mưa
Bóng ai thấp thoáng cuối mùa mưa rơi
Sài Gòn thương quá người ơi
Giọt mưa và giọt hôn tôi rơi đều.

Mưa Cao Nguyên

Mưa rơi trên đó buổi chiều
Ngoài hiên đứng ngó thả điều rong chơi
Tình trong đục giọt một đời
Sương tan theo nước mắt trời ở trên

Xe lăn qua đó sấm rền
Ngồi đây ngó phố gọi tên một lòng
Mưa hoài ngỡ đã sang đông
Áo dài xanh ngỡ màu hồng thiên thu

Ra sông ngó núi mịt mù
Mưa rơi hay giọt phù du vô cùng
Xưa trôi mây nẻo thủy chung
Nay trông mưa uống rượu mừng mưa rơi.

● *Áo Phong Sương*

Mây che kín bước song hồ
Tử sinh bóng ngã bên bờ nhân gian
Sầu khô tuổi ứa lá vàng
Lao đao thân ngựa cười khan kiếp tầm
Xô đời biệt tích bao năm
Ngày mưa mù mắt đêm nằm ủ sương
Tình xưa chết gục bên đường

Áo phong sương nhuộm vô thường những thu.

Với tôi Thập Thoáng Vài Nụ Hoa là sự thể hiện của những tiếng tơ đồng trầm sâu, truyền cảm. Đó cũng là tiếng lòng đầy ấp chân tình, chân ái của một người làm thơ lâu năm, coi thơ như lẽ sống, coi bạn bè như anh em thân thiết, ruột thịt. Thơ Trần Văn Sơn thuần khiết và trong sáng như mặt nước hồ thu, như tâm hồn anh.

Cho dù khi thơ Sơn phản ánh, qui chiếu về một góc độ nhị nguyên đối đãi nào đó của cuộc sống mà anh đã trải nghiệm như: khổ-ải-hạnh phúc, được-mất, thắng-thua, có-không... thì những thi ảnh, thi ngữ, xúc cảm ấy cũng đã được hài hòa, dàn trải bằng những ngôn-ngữ-tình, để từ đó những đặc điểm này được kết hợp, tạo thành một tác phẩm thi ca chứa chan cung điệu bát âm và mang tròn tính chất nhất quán, đậm màu nhân bản.

Ngay sau cuộc nói chuyện với Du Tử Lê phát hình trên SBTN ngày 19 tháng 6, TVS đã cho tôi biết anh đang thai nghén tác phẩm thi ca mới để nhờ tôi ấn hành tiếp vì TTVNH sau 5 tháng ra mắt bạn đọc đã không còn.

Đọc thơ Trần Văn Sơn rất thú vị, vì mỗi ngày tôi đều nhận thấy thơ anh càng trong sáng, sâu sắc hơn và nhạc tính cũng như thi ảnh, thi ngữ đều mới mẻ, tăng tiến không ngừng. Vì vậy chắc chắn sau khi về lại USA tôi sẽ giúp TVS để ấn hành tiếp tác phẩm thi ca mới của anh, của một số tác giả thân hữu, trong năm 2013. Ít nhất cũng sẽ ấn hành theo lối Ebook và giao cho Amazone hay Yahoo bán giá thật thấp trên internet, nếu thị trường tiêu thụ sách in ấn vẫn còn bị chậm, trì trệ như mấy năm qua.

phan ba thuy duong
Chiang Mai 2012

TRẦN VĂN SƠN

Mưa trên
những chùm chuối ngọc

Trời đang nắng chợt mưa rơi nặng hạt
Mưa mịt mù mưa dai dẳng ngày đêm
Vườn chuối ngọc em mưa bay xơ xác
Bầy lá phong trái thắm úa vàng sân

Em ngửa mặt hứng giọt mưa vắn vũ
Giọt lệ sầu hiu hắt giấc mơ tan
Quê ngàn dặm nghẹn ngào sương tuyết phủ
Hồn cỏ cây lạ lẫm dấu chân quen

Em đội mưa nâng niu từng lá cỏ
Lạnh đôi tay ấm áp trái tim đời
Mưa ôm ấp quỳnh hoa vừa nở rộ
Chuỗi ngọc xanh lấp lánh cuộc tình người

Mưa tí tách tiếng dương cầm réo rắt
Hòa ngũ âm khúc dạ cổ hoài lang
Người xưa đến mang hồn mưa u uất
Nhịp tử sinh cùng vũ trụ xoay vần

Em xuống phố quần quanh con phố nhỏ
Bụi mưa bay mơn trớn tóc em mềm
Mưa tầm tã che vàng trắng cổ xù
Trăng phương tây tỏa sáng xóa màn đêm

Mưa lang thang trong công viên cuồng loạn
Gió thét gào cây trúc gốc chên vênh
Hồn tượng đá mang mang thiên cổ hận
Vọng cổ nhân hề phương đông buồn tênh

Em đóng cửa xa đường mưa ngõ trúc
Bên án thư nghĩ chuyện một dòng sông
Lũ bàn ghế có em thêm hạnh phúc
Ngôi nhà có em sưởi ấm tình nồng

Đêm nằm phòng cấp cứu Bệnh viện Garden Grove

Tôi bay trên tôi nhìn tôi nằm
Nhìn tôi tôi gọi tôi lặng câm
Tay chân mất mũi dây chằng chặt
Còn mỗi vành tai mắt nhắm nghiền

Vợ con bè bạn khóc quanh tôi

Tôi hỏi tại sao không trả lời
Mắt nước không lo lo khóc lóc
Sá gì chiếc lá cuối mùa rơi

Tôi bảo nhà thương trả tôi về
Nước non ngàn dặm bước chân quê
Mấy ông bác sĩ bày trò khi
Soi-Rọi đau lòng cái tử thi

Hãy trả tôi về với cái tôi
Xác kia mượn tạm sống qua đời
Đại khôn nhắm mắt là ra lẽ
Sao trói thân tôi một chỗ ngồi

Kẻ sĩ chờ đời trong sách vở
Tôi nhập đời trong cái tỉnh điên
Bùi Giáng thả thơ ra giữa chợ
Vĩnh rêu khêu nhẹ lão tặc thiên

Quanh quẩn bên tôi hồn uông tử
Mộ bia hiu hắt thể nhân sầu
Nghĩa trang vắng bóng người sương phụ
Hương khói thôi đành lỡ vó câu

Tôi bay vượt khỏi xác thân tôi
Thanh khí siêu nhiên mất dấu người
Lý Bạch say thơ trên chóc nguyệt
Rong thuyền uống cạn chén trăng chơi

Tĩnh dậy ngẩn ngơ hình bóng cũ
Tôi đây-Lạ hoắc tiếng kinh cầu
Hôm qua Bến Hải mưa vắn vũ
Hôm nay nằm bệnh quê nhà đâu

Bè bạn thở phào tôi còn sống
Sống thêm một tuổi càng thêm buồn
Lời thề sông Dịch không tròn mộng
Nát óc tìm về cõi Xả-Buông

Vợ con mừng khóc tôi còn sống
Sống thêm một tuổi khổ đời nhau
Thà làm bọt nước tan trong sóng
Giờn với trùng dương vạn kiếp sau

VÕ THẠNH VĂN
Nguyên vẹn

1.

Bao năm ân điển tình trường
Gấm thêu bướm lượn hoa tường ngấn ngơ
Triều dâng sóng vỡ băng bờ
Đêm về ướt đẫm lệ ngò chảy quanh

Bao năm ngọc thẹn đá xanh
Tuyết ngân ngân đọng – nắng hanh hanh lòng
Thiệt tha từng giọt tinh ròng
Đôi chim hồng nhạn ruồi rong mưa thâm

Bao năm gáy ố bìa thâm
Ngấn ngơ một sách – trầm ngâm giấy buồn
Rụng rãng chưa thấy cội nguồn
Quần quanh từ thuở suối tuôn trái mùa

Bao năm tiếng guốc vọng khua
Đường mai lối lỏng – ngõ khuya úa rời
Sương sa phấn rụng bời bời
Cánh dơi ngủ muộn hẻm đời khói hun

Bao năm yếm lụa hờ bung
Bâng khuâng ngày cách – ngại ngừng đêm phân

Sông căng sợi nhớ tàn ngân
Thác reo từ mạch nước ngầm rừng đơn
Bao năm quỳnh thoảng da thơm
Môi ngậy nụ đợi – má đơm lộc chờ
Nắng gom từng bó hững hờ
Mắt xưa bông đảo – mi giờ doanh châu

2.

Bao năm ngón ngọc mềm đau
Kính qua dầu lửa tình giàu gian nan
Này em đàn võ hương tàn
Tay thời gian phủ dày màn tịch nhiên

Bao năm nón hạ vành nghiêng
Nhánh tay măng búp nâng viên nguyệt cong
Tả tôi tròn khoảnh long đong
Bước chân lâm lụy ngoài vòng riêng tây

Bao năm tóc nuốt nà bay
Đầu môi bên đợi – cuối mày thuyền mong
Nét nguyên sơ quỵên đêm hồng
Trầm thơm lã gió – phấn nồng cột trắng

Bao năm hương tỏa mùi quen
Hàng mi liễu lục – vương khăn lựu hồng
Phùn rây ướt ngọn cỏ bông
Tình vương đỉnh mật – nghĩa lồng tháp say

Bao năm áo lụa vờn bay
Chiều xuân hẹn bướm khép ngày hợp hoan
Phố xao đường dậy bụi vàng
Hài dong lối cũ gót hoàng thạch lâu

Bao năm dấu ấn hằn sâu
Xanh da rừng ngát – bạc đầu biển thom
Kể từ khai nộ nhụy đơm
Men dâng mạch sống – nhựa dòn mầm tin

TRẦN HOÀI THU'
XÓM SLUM

Tôi đang trở lại Logan, Bắc Philadelphia. Đây là đường Old York. Đây là dãy phố lâu xám cũ. Đây là ngã tư, đèn xanh đỏ. Đây là tiệm giặt. Và văn phòng địa ốc Somershoe, mà không một người tị nạn nào lại không biết tên, hay gắn liền với cuộc sống. Tiền thuê nhà phải trả vào đầu tháng. Những lần than phiền về heat, điện hay nước. Ông nội, ông già, hay người con trai Somershoe, ba thế hệ chuyên môn sống

bằng nghề địa ốc. Và đối diện với văn phòng địa ốc là ngôi lầu 4907, tầng hai. Chiếc xe trolley đã chạy qua, âm vang lách cách. Những tia lửa xẹt chạm trên hàng dây điện trời. Lũ bồ câu đã bay rợp trên những mái nhà rêu cũ. Màu tường vôi vẫn chưa quét thêm lớp vôi mới. Thêm hai tiệm tạp hoá của người Miên. Và mùi mắm bồ hóc bốc nồng nàn trong không khí. Những người mặc sà rông đi lại trên vỉa hè. Cảnh cũ đã không còn nữa. Những bóng hình Việt Nam năm xưa đã biến mất. Và bây giờ nhường khu Logan này cho một sắc dân khác. Như đầu tiên là người da trắng, kế đến là Do Thái, đến Mỹ đen, rồi Việt Nam, và bây giờ là Miên... Nếu còn giống chẳng là những ụ rác, những vỉa hè dơ bẩn, vẫn cái bóng nghèo nàn thiếu ánh sáng từ một nơi được mệnh danh là slum, đến nỗi những người tị nạn phải gọi là Lò Gan. Ngã tư này, dưới cột đèn này, hôm nào những người tị nạn Việt Miên Lào Mông đã từng tụ tập trong những đêm về sáng để chờ những chuyến xe bus đưa về các nông trại xa. Từ căn lầu hai, tôi có thể nghe tiếng cười nói bằng những ngôn ngữ khác nhau rộn ràng trong một đêm về sáng. Tôi nhớ đến những chuyến xe bus đầy ngập người qua khỏi cầu Delaware, về những vùng thôn dã, và những nông trại táo, cherry, lê, mận trùng trùng điệp điệp... Khi xe vừa dừng là đám người túa ra, chạy tìm chỗ tốt. Chỗ tốt ở đây có nghĩa là một khu vực sai quả, để họ có thể thu hoạch nhiều hơn và dĩ nhiên là sẽ nhận tiền nhiều hơn. Cái giá này ai nói là giá nô lệ khi ai ai cũng tự nguyện. Vâng, mỗi năm cứ đến vào mùa hè, những người dân tị nạn lại nao nức trở lại nông trại cũ như những đứa bé trở lại trường trong ngày tựu trường... Chẳng ai thắc mắc về những bài báo nói về bóc lột mồ hôi nước mắt của các trại chủ, hay các tên cai thầu... Chẳng ai nghĩ đến thân phận bi thảm trong thời kỳ nô lệ xa xưa...

Bây giờ tôi đang trở lại. Trên một tầng lầu nào trước mặt tôi, cánh cửa vẫn còn đóng kín. Không biết có gia đình nào ngụ ở đây hay không. A, tôi nhớ ra rồi. Cái bóng tôi ở đằng sau khung cửa sổ trên lầu hai ấy. Cái bóng hôm qua trong căn phòng ít ánh sáng. Chiếc giường bố đặt bên cạnh vách tường. Chiếc bàn dùng làm bàn viết, học, khách. Cái sàn ván thông đánh màu verni vàng bóng. Và khung cửa sau nhà bếp nhỏ hẹp, để tôi có thể nhìn qua nhà láng giềng, gọi nhau ới ới bằng tiếng nước mình. Và lũ gián trong đêm. Và cả đám chuột lộng hành. Và những ngày tắt heat, hay những buổi heat mở tối đa khiến cửa sổ phải mở toang. Từ cội nhỏ hẹp bàn hàn đó, mấy năm, với giá tiền thuê rẻ mạt chưa hề tăng, chúng tôi đã sống, để ném thế nào là giọt lệ đầu tiên của người tị nạn. Bạn bè ít ai dám bén mảng thăm viếng. Họ nghe Logan như nghe một điều gì đó hãi hùng. Khu đen. Khu drug. Xe bị đập cửa kính. Bánh bị đâm thủng ruột. Một người đàn bà tị nạn sắp bị hiếp. Vợ tôi bị đập, xô mấy lần trong những buổi sáng sớm đón xe đến hãng. Tôi bị đâm thiếu niên rượt ngay sau khi vừa ló đầu lên miệng hầm subway. Tiệm tạp hoá Đại hàn dưới lầu tôi thuê thỉnh thoảng nửa đêm bị phá cửa. Cảnh sát cảnh cáo tôi đừng bận tâm lý do chủ tiệm đã có bảo hiểm lo lắng dùm. Đó, Logan, hay Lò gan là như thế. Như thế, tại sao tôi lại băng khuân như một kẻ đã gởi vào đây nhiều kỷ niệm. Như thế, tại sao tôi cứ nghĩ là chính nơi này là một phần trong đời sống của tôi. Đâu có gì để phải nhắc lại

khi nhục nhằn, hoạn nạn, và những đám mây u ám một thời? Đâu có gì để nói về một slum. Đâu có gì để phải kể lại cái bóng tôi một trưa nào trong ngôi nhà thờ Mỹ trong khu, khi tôi phải nương cây vào ơn Trên để ban cho tôi có đủ nghị lực. Lần đầu tiên tôi đã đến nhà thờ, dù tôi chưa bao giờ thuộc ngay cả một lời kinh căn bản nhất. Tôi đã nhắm mắt. Cầu gì. Con tôi thơ ngây nói về tên giáo viên người Đại Hàn tình dục bệnh hoạn phụ trách lớp ESL. Làm sao cho con tôi được học một ngôi trường tốt hơn. Không ai hướng dẫn. Không ai chỉ bày. Không ai biết tiếng Anh, tiếng Mỹ lưu loát. Những người như thế đã không bao giờ ở nơi này. Cầu gì. Cho tôi được một chút thông minh, để tiếp tục làm học trò giả. Chiến tranh, tù tội, vượt biển, bao nhiêu ám ảnh, thảm kịch chất chồng đã cướp đi hết mớ kiến thức học vắn xa xưa rồi. Cho đôi mắt mờ yếu của tôi được thấy rõ những dòng chữ thầy viết. Cho những lời giảng tôi còn theo kịp, dù một đôi phần. Tôi nhớ hôm ấy, trong lòng giáo đường Tin Lành rộng mênh mông, không có ai, trừ tôi. Nắng làm lung linh những ô kính xanh xanh đỏ đỏ. Ngày xưa, tôi chưa một lần đến nhà thờ hay chùa chiền để cầu cứu. Nhưng bây giờ, giữa một xứ sở rộng mênh mông này, giữa một xóm slum này, lấy ai an ủi, khuyến khích, vỗ về tôi?. Vợ tôi cảm thấy tuyệt vọng. Nàng đã nhận ra rằng xứ Mỹ không phải là một thiên đàng như nàng đã từng mơ ước. Không phải là những đồng penny hay cent dư được vắt đầy trên những trạm xăng, để mình đến đó cứ việc lượm nhặt như người bạn cùng sở, đã từng du học, trở về nước kể lại. Mà trái lại, nó là tội ác, súng đạn sử dụng bừa bãi, tội lỗi tràn ngập. Nàng đã thấm thía thế nào là tự do. Bởi vậy, nàng chỉ sống bằng những giấc mơ. Mơ ngày. Mơ đêm. Mơ một ngày chúng tôi có một chiếc xe, để nàng được đi đây đi đó, thăm bạn bè, hay chiêm ngưỡng phong cảnh. Mơ ngày tôi ra trường, có một job tốt. Và cả những giấc mơ thật đẹp của ngày xưa. Má, em, lảng giềng, quê ngoại, những gương mặt thân yêu, những kỷ niệm thời con gái... Vâng, những cơn mơ tôi nghiệp. Và chúng tôi đã nương nhờ bằng những cơn mơ như thế. Chỉ tội nghiệp cho con tôi. Nó vẫn lớn lên, không tra vấn, than thở. Nó đi học một mình, trở về nhà một mình, không bạn bè lân lảng. Tôi phải kê cả ba hòn gạch, để nó có thể đứng ở trên đấy, mở khoá cánh cửa lầu thuê. Nó chiến đấu cũng như ba nó chiến đấu. Sáng ngày Giáng Sinh, nó mừng rỡ khoe cùng chúng tôi, là ông Già Noel tài quá ba mẹ ơi, ông biết cả chiếc xe tự động mà con thích... Niềm vui của nó là ngồi trước chiếc truyền hình đen trắng để nhìn những Tom hay Jerry... Nó chưa hề nghe được tiếng dế mèn vào mùa hè hay được thấy cánh diều trên đồng cỏ như tuổi thơ của tôi. Nó hăm hiu cùng căn phòng, mà những cửa sổ trước và sau, tôi đã đóng cả đinh 15 phân như những hàng chông. Không bạn nhỏ, không nội ngoại, không cả bầu trời xanh và cao để nhìn con diều xanh đỏ, để mong gió mỗi lúc mỗi nổi lên. Không đám mây bàng bạc trong bài văn của Thanh Tịnh vào tuổi học trò xa xưa. Nó có mặt ở đấy, côi cút. Đấy xóm slum của tôi là thế. Ban đêm ít ai dám bén mảng ra đường. Cảnh sát cũng ít khi lai vãng. Những building bỏ hoang, những sân đầy cỏ dại và ụ rác. Chỉ có chẳng là con đường ngoài phố chính dẫn lên city Hall là còn tương đối khang trang.

Nó bị bỏ quên, và người ta đã tìm cách trốn nó như những người Do Thái trước đây. Chúng tôi, những người tị nạn đầu tiên, cũng vậy. Cũng tìm mọi cách bỏ nó mà thoát. Vài gia đình đã may mắn rời khu slum. Riêng gia đình tôi, phải mất đến bốn năm. Ông Trên đã cho tôi tốt nghiệp đại học với điểm khá cao, và được một công ty hàng đầu phỏng vấn. (1 hành trình cổ áo trắng)

Ngày từ già xóm slum, vợ tôi thấp nhang khăn vái đất đai thổ thần để cảm tạ. Đất đai ở đâu cũng là đất đai, cũng dính kết vào trời, và lẫn quất những đôi mắt của những đảng quyền năng siêu hình, vợ tôi tin tưởng mãnh liệt như vậy. Nàng viện dẫn trường hợp tôi, một tay sinh viên già duy nhất được hãng X chọn trong hàng chục ứng viên tại trường. Anh phải tin anh à. Vâng, tôi tin lắm. Bởi vậy, tôi lạy, con tôi cũng lạy. Tôi đã quá nhỏ bé. Kiến thức tôi cũng vậy. Tiếng xứ người vẫn còn ngọng ngịu, chữ mất chữ còn... Như vậy, tại sao tôi vẫn có cơ hội mà bất cứ một sinh viên tốt nghiệp nào đều mơ ước. Rõ ràng, Đảng Quyền Năng không bao giờ bỏ rơi những kẻ có lòng với Ngài. Ngài đóng cánh cửa này, nhưng Ngài rộng mở ra công cửa khác.

Ngày cuối cùng với xóm Slum, tôi đã tháo gỡ tám ván dày đóng đinh 15 phân ra cửa sổ, để nhìn được con đường Old York dưới màn tuyết trắng. Như vậy, bốn năm cũng trôi qua. Ở đâu cũng có trời. Trong chiến tranh, trong tù tội, trên biển cả, và trong khu slum của vùng Logan này. Các ngài không bao giờ bỏ mình đâu. Lời an ủi của nàng dựa trên cội siêu hình, nhưng có một điều là cái slum này vẫn là nơi dung dưỡng tôi và gia đình trong những năm tháng đầu tiên. Chúng tôi vẫn bình an. Và chúng tôi vẫn đạt được niềm mơ ước.

Bây giờ, tôi đang trở lại khu xóm cũ, sau hơn 10 năm xa cách. Vẫn những con bò câu hoang đậu dưới gầm cầu xe lửa. Vẫn những vách tường dày đặc chữ viết bậy. Vẫn những ngôi nhà hoang. Vẫn những sân nhà phủ ngập cỏ dại và rác rến. Vẫn con đường qua xóm, với hàng điện trời mà mỗi khi chiếc xe trolley chạy qua, là tiếng kêu leng keng như một tàu khúc vui trong ngày. Có điều khác chẳng là lớp người tiên phong như chúng tôi đã không còn nữa... Lương là kỹ sư cơ khí. Huệ đã trở thành dược sĩ. Cô Vân đã dọn nhà sang một khu khác, an toàn hơn, và hai đứa con của cô đang học đại học. Anh Phú có con đã ra Bác sĩ. Ông Tâm đã qua đời. Bà Căn cũng về với Chúa. Một thế hệ mới đã vươn lên từ sự lao khổ lận đận của thế hệ tiên phong. Không phải đi khai mỏ vàng, hoặc đi tìm đất mới. Nhưng phải tự dui dặt trên chính một nơi mà mình chẳng bao giờ lựa chọn, để mong con cháu nên người.

Trần Văn Lệ

*Người đi hồi đó
năm mươi bảy*

Đò ngang sang sông bờ bên kia.

Người đi. Chim bay. Không mong về.
Ba cây nhang tàn. Khô nước mắt.
Mà mù sương vương vương tóc thề!

Đò ngang sang sông ngày sang Xuân
Lòng không bình minh thì hoàng hôn.
Trong hôn lẽ chẳng ai nhìn ngược
Mà ngược đầu cho ngung nhớ thương...

Người đi. Đò trôi. Xa thành xôi
Lời không để lại còn đâu lời?
Mẹ hôn con nhẹ như hôn gió
Cha nói gì? Thôi con đi thôi!

Người đi cây đào trước ngõ buồn
Hoa đào mới nở cạnh hoa soan
Chim trưa từng đôi, đôi, không chuyen
Cành rung như người quên mong quên!

Người đi hồi đó năm mười bảy
Năm bắt đầu nghe đau trong lòng
Năm bắt đầu cho cung đường cuối
Năm sách đèn hết nửa đêm chong...

Sân trường thôi từ nay biển khơi
Một người xa mà mệnh mông trời
Một người xa mà mệnh mông trời
Một người xa mà mệnh mông trời...

Tay chàng Thầy Giáo run viên phấn
Từ đó chiến trường thêm áo sương...
Từ đó đò ngang trên sông mờ
Từ đó ai còn ai trong mơ...

Nắng Tiếp Theo

Trời hôm qua nắng. Hôm nay nắng. Nắng đốt rừng xanh, cháy cỏ vàng. Những mảng rừng trôi trong nắng lửa. Đồng hoang. Hoang vắng. Vắng và hoang...

Đất nước người ta rộng chẳng bờ, mênh mông mùa nắng cả mùa mưa. Máy bay giập
tật vài khu cháy. Cỏ lợt màu phai, bởi tới mùa!

Dĩ nhiên cũng có người than thở, ảm lạnh tại Trời, Oh My God! Rồi một cơn mưa,
nhiều tháng nắng, vui buồn chớp mắt sẽ trôi qua?

Đất nước người ta thế mới giàu, yêu đời cứ bám giắc chiêm bao: Đời như gió thổi,
như mây nổi, người với người nương tựa với nhau...

*Trời hôm qua nắng. Hôm nay nắng. Nắng trở mình trên mặt nghĩa trang. Những kẻ
chết rồi đâu có biết trên mộ ta có bước thời gian!*

Nắng, mưa, là bước thời gian chuyển... chỉ có Tình Yêu đứng giữa lòng. Anh nói
với em lời Vĩnh Quyết: “Yêu Mình Tự Thủy Đến Ngày Chung!”.

Hạc Thành Hoa

Tình cầu lạnh

Sương tan chiêm bao đêm nguyệt lạnh

Mây trắng về phôi bóng dị thường

Em đi tắt lửa đời mệnh bạc

Đêm trắng hoa cười lạnh buốt xương

Trời nặng vô biên hồn kinh động

Đất rộng mù khơi biết về đâu

Thần phách ngả nghiêng ta cười ngất

Một vết thương em vụn cổ sầu

Từng đêm trắng múa trên đầu sóng

Trắng cười khiêu vũ với yêu ma

Men nhạt không mờ đôi mắt héo

Gió quạt hồng thêm mảnh ác tà

Đêm là ánh sáng của trăng huyền

Hơi thở tơ chùng mặt đất nghiêng

Một bóng huỳnh qua tinh cầu vắng

Nghe trời tê dại nhớ thương em.

LAN CAO

Đêm Nguyệt Thực

Đêm nay

Trắng màu đen
Vì trái đất buồn che ánh sáng.

Mặt trời
Vô dụng trước không gian
Dầu oanh liệt
Vẫn có giờ thất thế.

Ngôi sao
Đèn hay mắt tiên nữ
Nhấp nháy nhìn trời nghiệp chương Hằng Nga.

Mười sáu
Đẹp nào hơn con gái
Đóa hoa trắng lụa ngọc cung đình.

Sao giờ
Ai ghen hờn phủ tối
Ngẫu nhiên thịt da non
Máu em chảy rơi quanh vùng sấm hồi
Bước lang thang mắc bẫy vô hồn.

Mâm nguyệt thực
Dâng đất trời chốc lát
Xón xang lòng trinh nữ mắt giai nhân.

Từ huyết mộ
Áo trắng bay phép lạ
Chuyển không gian sống lại thời gian.

Tái hiện thực
Vẫn Hằng Nga muôn thuở
Đời reo vui
Tăm tối đã tan rồi.

Thiếu Khanh
Giới thiệu bài thơ
Tiểu Chúc của Cao Bá Quát

小 酌
拙妻不信 尚朱顏
笑把 菱花 送與看
試酌小杯 還自炤
分明紅氣 動眉 端
高伯适

Tiểu chúc

Chuyết thê bất tín thượng châu nhan
Tiểu bả lăng hoa tổng dĩ khan
Thí chúc tiểu bôi hoàn tự chiếu
Phân minh hồng khí động mi đoan

Cao Bá Quát

Dịch nghĩa:

Người vợ vụng về của ta không tin mình còn nhan sắc mặn mà
Mỉm cười cầm cái bông ấu đưa cho ta cùng xem
Nàng rót cho ta chung rượu nhỏ (trong đó) phản chiếu
Rõ ràng khí sắc hồng nhuận (khiến nàng cũng) nhú động đôi mày đoan chính.

Ghi chú về cái bông ấu trong bài:

Ấu, tên Hán Việt là lăng (chữ Hán: 菱 – bính âm: ling), tiếng Anh gọi bằng nhiều tên: water caltrop, water chestnut, buffalo nut, bat nut, vân vân, thuộc hai loài *Trapa natans* và *Trapa bicornis*, một loại cây thủy sinh, được trồng trong ao hay ruộng nước như sen hay súng để lấy trái làm lương thực. Trái ấu, thường được gọi lầm là củ (ca dao: “Thương nhau củ ấu cũng tròn...”), loài *Trapa bicornis* màu đen hay nâu cũ trông giống bộ sừng trâu tí hon (cho nên tiếng Anh có tên là buffalo nut). Trái của loài *Trapa natans* có bốn cạnh, đầu mỗi góc cạnh là một gai nhọn. Cả hai loài ấu này đều có ở Việt nam, nhưng dường như củ ấu “sừng trâu” được biết nhiều hơn.

Đây là loại cây lương thực phụ lâu đời của nhiều dân tộc cho đến thế kỷ trước, có mặt ở khắp cả châu Phi, Châu Âu và châu Á. Người ta thấy củ ấu được ghi chép từ rất sớm trong sách Chu Lễ của Trung quốc, khoảng thế kỷ 2 trước công nguyên. Thời đó, củ ấu được coi là một loại lương thực quan trọng dùng làm lễ vật cúng tế. Còn theo sách Bản thảo bị yếu của Uông Ngang (Tàu), thế kỷ 17, thì củ ấu có tính mát, giải cảm và giải rượu.

Củ ấu luộc chín, gọt bỏ vỏ bên ngoài, thịt bên trong màu trắng, ăn bùi bùi, như hạt mít. (Có người nói ngon hơn hạt mít). Ngay ở thành phố Sài Gòn thỉnh thoảng thấy có người đẩy xe ba-gác chở củ ấu đi bán dạo. Dường như không mấy người

quan tâm chuyện củ ấu có mặt ở Việt Nam từ bao giờ. Chỉ biết củ ấu mang một hình ảnh mộc mạc, dân dã và rất quen thuộc. Bông ấu cũng chẳng phải loại hoa sang trọng hay hiếm quý gì. Đó chỉ là một thứ hoa màu trắng đơn sơ có bốn cánh, (Google image cho thấy loài *Trapa natans* hoa có màu đỏ), là một trong những thứ hoa bình dị, chất phác của đồng quê. Khi đưa cái bông ấu cho chồng xem, có lẽ bà Cao Chu Thần muốn nói mình giờ đây không còn giữa thời xuân sắc, mà giống như cái bông ấu quê mùa bình dị này. Nhà thơ tài hoa họ Cao, người mà theo một số giai thoại văn học nói, từng tự cho mình chiếm hai trong số bốn bề chữ của thiên hạ, đã gián tiếp cải chính cái ý tự khiêm của vợ và đã khen bà một cách kín đáo và tao nhã: trong bài thơ, ông mô tả sắc mặt hồng nhuận đoan trang của bà phản chiếu trong chung rượu bà rót mời chồng.

Do kiến thức văn học hạn hẹp, người viết không biết bài thơ Tiểu Chúc này được chép hay lưu truyền ở đâu hay trong tác phẩm nào của Cao Bá Quát. Bài được dịch và giới thiệu ở đây là căn cứ theo bản chữ Hán do người bạn rất nhiệt tình tìm tòi và giới thiệu thơ chữ Hán của tiền nhân, là Lại Quảng Nam, đưa cho đọc. Cảm ơn người bạn đất Quảng này.

Dịch thơ:

Mời chồng uống rượu suông

(lục bát)

Nhà tôi đang nghĩ mình già
“Chàng xem cây ấu nở hoa đây này!”
Mời chồng chén rượu trên tay
Ánh vui tươi nhuận nét mày đoan trang

(song thất lục bát)

Nàng nghĩ mình lúc này già xấu
Đưa chồng xem bông ấu trên tay
Mời ta chung rượu rót đầy
Lung linh phản chiếu nét mày thắm tươi

(thất ngôn tứ tuyệt)

Nàng nghĩ dung nhan đã luống rồi
Trao chồng hoa ấu để xem chơi
Mời ta chung rượu còn tương ánh
Hồng nhuận đoan trang nét rạng ngời

Bài dịch tiếng Anh:

Having a small glass of wine

By Cao Bá Quát

My wife doesn't believe in her charm and beauty
Smiling she shows me a flower of trapaceae family
Then she offers me a small glass of wine
Which reflects herself - so lovely and benign.

HOÀNG XUÂN SƠN

Nhật tụng

trụ đèn cong. dáng lưng mềm
sao em cô phụ đứng thêm mưa bay
rơi tôi ngọn lá thu gầy
chác chao về nỗi niềm. ngây ngây.
năm
xác áo buồn như thoại âm
mùa khai lão bệnh trên lâm lũ. đi
rừng phong ngắt lối xuân thì
van em đỏ lá vàng quỳ rợp mưa
để tôi thâm lặng hiên chùa
nghe kinh mật tụng sau xưa; kiếp này

trên bàn toán lú

khi quả mặt trời ửng đỏ
không ai có thể theo kịp tôi
không ai kịp tôi ở chỗ da mồi
chỗ tóc rịn ứa
chiều lau bạc
chỗ tôi ngồi cây buồn man mác
dưới cội ngẩng sao
le lói phần đời

tôi ngồi đếm
bóng tôi rơi
đếm qua đếm lại
ba hồi mất tiêu
tới. lui
năm. bốn
thiệt nhiều
mà sao chẳng nhận

ra điều: bóng tôi
bóng tôi lẫn lộn bóng người
chỉ là cái bóng
chiều rơi mỗi mòn

HOÀNG ĐỊNH NAM
Ta chờ mãi mùa sang

Ngày tháng cũ cứ lâng lâng nỗi nhớ
Đường đi, về thăm thăm những mùa xuân
Tay cô với nụ hoa vàng trong gió
Mà nghe xa như ngàn dặm mây Tần

Tầm mắt cũ có còn quê xanh mộng
Mà đường về vàng úa lá Thu phai
Ta cứ mãi như loài chim di trú
Chờ mùa sang hong ấm một đường bay.

Lòng cứ mãi phân vân ngày trở lại
Bối tình thâm réo gọi cuối đường xưa
Ta sợ nỗi làm người du khách lạ
Trên quê hương người đói, kẻ dư thừa.

Ngày tháng mới trên niềm tin thoi thóp
Chân ta đi quanh quẩn một chỗ chờ
Xuân chưa đến như cánh chim biên biệt
Mà bạn ta vào lòng đất, như mơ.

Ta sẽ về giữa rừng khuya lạc lõng
Nghe âm vang từ cổ sử hoen mờ.

NGUYỄN LƯƠNG VY
Bốn câu thất huyền âm
(Tiếp theo)

1.
Nhớ. Mãi mai! Ai trong hơi thở?
Kẻ ở người đi như nắng reo
Tứ chưa về kịp, ý chưa mở

Mắt chữ rung rung, gió nhẹ vèo...

2.

Nhớ. Mãi mai! Ai về bến Không?
Người trao kẻ giữ nhé! Tươi hồng
Gió đi sấm động trong hồn đá
Cồng chiêng sáng lóa nở trên sông...

3.

Nhớ. Mãi mai! Ai cài lục trúc
Giọt ngân sương, cúc áo xanh ngời
Giọt ngát tạnh, lời trao rầm rức
Sương kêu thương bóng mộ bên trời...

4.

Tình cũ mềm mà sao mới tỉnh?!
Thơ điên róc máu giữa lặng thinh
Thiên cao rờ rờ mưa tràn mộng
Ngồi xồm trông lên hú một mình...

5.

Hú một mình vì khô nước mắt
Cô liêu. Trời đất ác vô cùng!
Cô độc. Ta nổi khùng hú gát
Gặt mát mùa muôn đóa hồng chung...

TRẦN BANG THẠCH

Điều chưa kịp nói với Bà

Sau ngày má tôi mất thì ba tôi như một cánh lá khô, chỉ chờ thêm một chút gió để lìa cành. Hơn một năm nay ba tôi cứ hết bệnh này tới bệnh khác, một phần là do hậu quả của chứng muộn phiền, của tinh thần tuột dốc; phần khác là do chứng cao huyết áp. Hai chứng bệnh này không biết đã hiện diện từ bao giờ trong cơ thể ba tôi nhưng bác sĩ chỉ mới phát hiện gần đây thôi. Một đêm đi làm về tôi thấy ba nằm bất tỉnh trong phòng tắm, đầu ngoẹo trên thành bồn cầu, áo quần chưa kịp mặc. Một bệt máu đã khô phía trước trán. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi biết thế nào là nỗi kinh hoàng. Đến ngày thứ ba sau khi được chở khẩn cấp vào bệnh viện thì ba tôi bắt đầu tỉnh được chốc lát rồi lại khi mê, lúc tỉnh. Những ống dẫn dưỡng khí, thuốc men và thực phẩm nối từ miệng mũi không biết kéo dài cái sống của ba tôi được bao lâu. Hơn bảy mươi tuổi với một cuộc đời đầy sóng gió, rày đây mai đó, bảy nỗi ba chìm,

rồi sẽ phải chấm dứt ở cái phòng hẹp té đầy mùi ê-te này với sự có mặt của mỗi một mình tôi là người thân duy nhất. Còn anh Trọng, người anh cùng cha khác mẹ của tôi, trước ngày ba tôi ngã bệnh đã lấy hai tuần phép, hiện anh đang ở đâu đó bên Âu châu mà tôi không liên lạc được. Điều hiện nay tôi quan tâm không phải là cái chết của ba mà là sự trở về và sự có mặt của anh Trọng trước khi các ống dẫn được tháo gỡ và tấm vải trắng được phủ lên mặt khi người ta đưa xác ba tôi xuống lầu. Tôi đang quan tâm cái quan tâm cuối cùng của ba tôi. Tôi đang ước mơ cái ước mơ độc nhất bây giờ của ba tôi. Tôi biết giờ phút này, trong trí não, trong đầu óc của ba tôi, cho dù đang dần dần chết cứng, là sự trở về của anh Trọng. Nếu có được cái khắc giây ngắn ngủi lúc ba tôi chột ra khỏi cơn hôn mê và nhìn thấy khuôn mặt đứa con trai duy nhất của mình thì đó quả là điều vô cùng diệu kỳ, tôi nghĩ như vậy. Và lúc đó chắc chắn ba tôi sẽ ngậm cười nơi chín suối.

Mấy hôm trước, khi còn chút tỉnh táo, ba tôi chỉ hỏi tôi mỗi một câu này: anh con đã về chưa? Tôi cứ dối quanh, nói là đã liên lạc được với anh Trọng, nói là anh sẽ tức tốc trở về. Tôi còn dám nói láo là anh Trọng thương ba lắm, v.v... Tôi biết là không nên nói dối trước một người sắp chết nhưng tôi không làm sao hơn. Tôi không muốn ba tôi tuyệt vọng ở những giây phút cuối cùng của một đời người. Hơn hai mươi năm là cha con mà ba tôi và anh Trọng đã có mấy lần gặp nhau trong tình cha con thân ái đậm đà như bao nhiêu những người cha con khác trên quả địa cầu này! Điều này, tôi biết, đã không làm cho ai vui hết, nhất là ba tôi, người đã gần hết một đời đứng trên sân khấu làm vui thiên hạ, mà có mấy mươi năm cuối đời không thể làm vui cho bản thân mình và cho đứa con trai duy nhất của mình. Ba tôi, người nghệ sĩ tên H. T. đó trong suốt cuộc đời đi hát là người lúc nào cũng được khán thính giả yêu thương; mỗi tâm tình, mỗi lời ca, mỗi câu nói được đón nhận tận tình. Người ta vui, buồn, cười, khóc theo ba tôi trong suốt mấy chục năm. Vậy mà đứa con trai như bịt tai, nhắm mắt trước người cha ruột đau khổ của mình. Hình như cái thảm kịch gia đình này bắt đầu từ khi tôi vừa mới được sinh ra, lúc anh Trọng bắt đầu có chút nghĩ suy trong đầu óc một đứa trẻ lên mười. Bây giờ anh Trọng đã gần ba mươi. Hơn hai mươi năm cho một vết nứt trong tình cha con không phải là dài lắm sao! Đón đau vô cùng. Tôi biết ba tôi đã bao nhiêu năm nay âm thầm sống trong cái đòn đau đó. Và anh Trọng của tôi cũng chẳng khác gì. Vậy mà vết nứt vẫn chưa có một chút hàn gắn nào, hơn hai mươi năm! Quá dài!

Bắt đầu cho cái hơn hai mươi năm đó, theo lời kể của má tôi, là cái chết của má anh Trọng, người vợ lớn của ba tôi. Sau này tôi còn nghe nhiều người trong gia đình nói rằng chính cuộc sống của một nghệ nhân thường xuyên đi lưu diễn, năm thì mười thuở mới có mặt ở nhà đã góp phần không nhỏ trong sự lạnh nhạt tình nghĩa vợ chồng và tình cha con. Người nghệ nhân đó không biết thương yêu vợ lớn của mình cỡ nào chớ những mối tình dọc đường thì không thể đếm hết được là bao nhiêu. Còn đối với má tôi, người vợ sau cùng, thì ba tôi sống thật trọn vẹn. Đó chẳng qua là do nơi thời thế đẩy đưa. Má tôi thường nói: Đi ra cái nước ngoài này đâu còn lưu với

diễn, bướm với hoa, chỉ cơm nhà áo vợ mới làm tròn đạo làm chồng. Điều này thì tôi không biết có đúng hay không, nhưng tôi biết chắc một điều: Việc ba tôi trong cơn thất tán cuối tháng Tư năm 75 đã chỉ đủ thì giờ dẫn theo má tôi, người vợ nhỏ của mình, để lại người vợ lớn đang sống với đứa con trai vừa mới tập đi tập nói ở một vùng quê miền Hậu giang.

Rồi do những ràng buộc luật pháp xứ này, lại ít hiểu biết về thủ tục, ba tôi chưa dám nghĩ đến việc bảo lãnh má con anh Trọng. Tôi dần dà biết được câu chuyện trở nên phức tạp hơn khi ba má tôi bằng cách này cách nọ giúp đỡ má con anh Trọng mà đều bị từ chối. Khi có tin má con anh Trọng không còn ở chỗ cũ và không ai biết hai mẹ con đã dời đi đâu thì coi như bật vô âm tín. Điều này càng làm cho ba tôi sống trong tâm trạng bồn chồn lo âu, khắc khoải, đợi chờ. Nỗi ăn năn cũng theo ngày tháng mà lớn dần. Tôi biết được điều đó là do ba má tôi thăm thì những đêm khuya vắng. Thuở đó chưa có những chuyến về thăm quê hương nên ba má tôi không thể làm sao hơn được. Người nghệ sĩ trong ba tôi có lẽ đây mới chính là những tháng ngày sống thật cái niềm đau của chính mình, không thương vay khóc mượn như những ngày đứng trên một sân khấu đại ban. Niềm đau này từ mười năm nay đã dâng lên tới tột đỉnh khi anh Trọng vượt biên bằng đường bộ đến xứ này và ngụ cùng thành phố với chúng tôi. Lần đầu tiên gặp chúng tôi tại nhà của người bảo lãnh, anh chỉ nói mỗi một câu: “má tôi đã chết”. Sau đó anh không nói gì thêm nữa nhưng đôi trông mắt thì mênh mông còn đôi hốc mắt thì sâu thẳm thẳm, hai tay anh nắm ghi thành cửa, nửa như không muốn phải quí ngã trước mặt chúng tôi, nửa như muốn đè nén cơn xúc động đang chực dâng trào như thác đổ. Cũng có thể lúc ấy anh muốn nói với chúng tôi rằng: cánh cửa đang mở, các người hãy bước ra khỏi căn nhà này và đừng bao giờ trở lại. Điều này tôi chỉ suy luận được về sau khi biết anh không muốn chúng tôi, đặc biệt là ba tôi, tới nơi anh cư ngụ, bây giờ là căn chung cư nghèo nàn ở phía đông thành phố. Sau đó đã bao nhiêu lần ba tôi đi ngang nhà anh để thấy cánh cửa luôn đóng kín, mà anh Trọng thì rất ít khi ra đường ngoài hai lượt đi về mỗi ngày. Đã mười năm tình trạng vẫn không khá hơn. Ba tôi có cái mặc cảm của một người chồng, người cha phạm tội, đã vô trách nhiệm đối với vợ con nên chỉ biết tối ngày ăn năn, buồn bã, khó mở lời với đứa con mà mình đã không làm tròn bổn phận của một người cha. Dù vậy cũng có lúc ba tôi càng muốn đến gần thì anh Trọng càng dang xa. Hai năm trước, lúc mẹ tôi mất, anh Trọng có đến nhà quản và đưa linh cữu mẹ tôi đến phần mộ. Hai cha con vẫn không nói với nhau một lời vì anh Trọng cứ cố tránh cha mình. Hôm ấy trông ba tôi thật là tội nghiệp, mang quá nhiều nỗi buồn trong một ngày tang khó. Mẹ mất, trong nhà chỉ còn hai người. Ba tôi thì thường xuyên bệnh hoạn; tôi thì vừa làm vừa học nên nhiều đêm khuya khoắt mới về đến nhà. Thân nhân bây giờ không còn ai ngoài ba cha con chúng tôi. Giá mà anh Trọng về với chúng tôi thì tốt đẹp biết chừng nào. Tôi và anh Trọng, có lẽ nhờ chút huyết thống, nên chúng tôi có gặp nhau thỉnh thoảng. Những dịp này tôi cố tìm lời nói với anh tôi về cơn bệnh của ba, về cảnh cửa nhà quanh quẽ, về cái khổ tâm của

ba, về nỗi ăn năn dần dặt trong tâm tư ba suốt từ bao nhiêu năm qua. Anh Trọng cũng có lần tiết lộ với tôi rằng anh không ghét ba nhưng anh cũng không quên được cuộc sống lầm than khốn khó, và thiếu thốn của hai mẹ con trên một vùng hoang vu nước độc đã đem đến con bệnh ngặt nghèo, rồi dẫn tới cái chết của mẹ. Mẹ anh với tâm trạng bị chồng bỏ rơi và với sự tự trọng tuyệt đối đã từ chối tất cả những trợ giúp từ cha mẹ tôi, bà đã ôm con trốn tất cả mọi người để không ai tìm ra tông tích. Và anh, một đứa con bị cha bỏ rơi từ những ngày còn non dại. Anh, một thằng bé lúc mới lên mười, trong túp lều trống hoang trống hoác giữa những đêm mưa mát mùng đã bong gân rát họng kêu trời gọi đất, mà đất trời cũng không ngăn được những cơn đau quằn quại của mẹ. Anh đã hơn một lần cắn môi chảy máu để không được khóc như lời mẹ dặn, dù cho đó là những lúc bệnh hoạn, đói khát, dù cho đó là lần cuối cùng còn thấy mẹ trên đời. Anh, một đứa con của một người đàn bà khốn khổ, thà đem sức cùn lực kiệt mà sống, thà vắt cạn bầu sữa nuôi con hơn là nhận sự đả đải hoai từ một người đàn ông vô tâm. Tôi thường nói với anh cái thảm trạng chung của đất nước dẫn tới bao nhiêu thảm trạng của mỗi gia đình, mỗi cá nhân, nếu cứ nuôi hoài niềm phản uất, nỗi oán hờn, nhất là đối với người thân, thì thảm trạng sẽ không bao giờ dứt được. Hệ lụy sẽ thêm chất chồng. Tình phụ tử chắc chắn là điều không có gì thay thế, càng không thể bức tử nó bằng những nghiệt oan của lịch sử. Tôi nói với anh tình trạng già yếu, bệnh hoạn của ba. Tôi cần phải có anh tiếp tay, và chỉ có anh mới làm cho ba bớt muộn phiền. Anh Trọng lắng nghe mà không nói gì, đôi mắt vẫn cứ xa xăm. Sau đó tôi nghiệm ra một điều: Ba tôi và anh Trọng, mỗi người cứ mang hoài trong tâm tư mình một điều muốn nói.

Có thật là sức lực của tôi không còn một chút nào hết? Tay chân tôi sao cứng đờ thế này? Miệng lưỡi cũng trở ra như đông đá. Tôi có đang mơ hay không: hãy nhìn kia, quý ông bà cô bác, mặt thằng con tôi đã kề sát mặt tôi, tôi nghe tiếng khóc từ trong cổ họng của nó, tiếng khóc thật nhỏ như một âm vang từ xa thăm thẳm. Tôi thấy từng phiến đau khổ hằn trên gương mặt nó. Hình như tôi còn nghe âm âm u u những tiếng gọi ba, ba... những âm thanh tôi chờ trọn một đời, đến bây giờ mới nghe được. Ôi hạnh phúc biết chừng nào. Tôi thấy đây là giờ phút sung sướng nhất đời tôi. Con trai tôi đâu còn thù ghét tôi, nó đã gọi tôi bằng ba. Phải, nó đã kêu lên nhiều tiếng ba, ba, ba... Tôi không làm được đâu. Cuối cùng rồi con cũng đến với ba. Tôi biết tiếng nói của tôi không phát ra được nhưng thằng con tôi sẽ nghe từ trái tim còn ấm của tôi, nó sẽ nghe tôi nói tôi thương yêu nó, ba thương yêu con, Trọng à. Lỗi lầm của ba, ba không mong được tha thứ, nhưng được con trở về thăm và nói với ba những lời ba mong đợi thì đã quá đủ để ba giữ làm hành trang đi về cõi khác.

Giữa hai dãy ghế thừa thớt người đứng cúi đầu tiễn đưa người quá cố là chiếc quan tài màu huyết dụ với vòng nguyệt quế đính phía trước. Vị sư tụng hồi kinh cuối cho lễ di quan. Chỉ có hai người mặc tang phục là anh Trọng và tôi. Hai tay anh

Trọng cầm ngang ngực tấm ảnh bán thân của ba tôi chụp trong khi đóng vai Lữ Bố với mặt mũi đầy phấn son và trên đầu là chiếc mũ nam ngọc với cặp lông công màu cẩm thạch. Lúc sinh tiền Ba tôi thích tấm ảnh này nhất trong số các ảnh hiện còn giữ được.

Đám tang ba tôi không có nhiều người đưa tiễn, chỉ có mấy người bạn già của ba ở trong thành phố; đến từ xa thì có vài nghệ sĩ một thời đứng chung với ba trên sân khấu và vài nghệ sĩ đàn em, cùng với mấy bạn bè của tôi và của anh Trọng. Cái chết của ba thật êm như ngủ, đám tang ba cũng lặng lẽ, âm thầm, không kèn không trống. Đó là ý nguyện của ba. Lúc sinh thời ba nói cả cuộc đời ba đã bị du vào quá nhiều cơn lốc; những cơn lốc tàn nhẫn ngoài đời và những cơn lốc tự mình nhập vai trên sân khấu; gươm giáo loang xoang, trống kèn inh ỏi; cho nên khi nhắm mắt xuôi tay xin cho ba một lần đi trong thinh lặng.

Khi chiếc quan tài được đẩy từ từ vào cái hộc vuông của lò thiêu, anh Trọng trong giây phút xúc động tột cùng đã ôm lấy phần cuối của chiếc quan tài, nói trong tiếng khóc: “Đứa con bất hiếu này đã không còn dịp nào nữa để nói rằng con rất thương yêu ba”.

Tôi thì tôi tin rằng ba tôi đã thấy hết và đã nghe hết. Thấy một đứa con đã trở về và nghe những tiếng mà lúc sinh tiền ba chưa nghe được.

Xin ba thương yêu của anh em chúng con hãy đời đời an nghỉ.

Tôi đã thay anh Trọng mà bấm cái nút ON khi cánh cửa lò thiêu vừa khép lại. Một cánh màn đã khép lần cuối cho cuộc đời của một nghệ sĩ về chiều.

Lan Trần

Trăng lạnh hồn đau

mãi yêu anh dù trăng tròn hay khuyết
nhưng khuyết là trăng khuyết tật em ơi!
đừng cảm ơn những vầng trăng như thế
trăng sẽ phai và mờ nhạt thêm thôi.

song ý thơ nổi vằn thay đôi phận
rất thấp hèn mà anh gánh từ lâu
tự dung thấy ý tình thơ như vụn
vào đời anh đã nắng nhạt vàng thu

có cảm ơn thì cảm luôn cho trọn
là đời này đã nở đóa hoa song
thy là ý luôn ẩn tàng biểu cảm
cho nửa đời buồn đã lấm trái ngang.

riêng anh chỉ cảm ơn lời rất thật
nặng nịu chiều vì còn có dấu yêu
vì còn có ân tình dù rất nhẹ
lại mong manh mờ ảo giữa thực hư.

Hãy cứ thế mà yêu người em nhé
Dẫu đời này nhiều lắm những phù du .

Trần Văn Lương
Cố Quận Hàn Lư

Dạo:
Mẹ già thiên cổ đang trình,
Nhà tranh trống vắng một mình ngóng Xuân.

Cóc cuối tuần:
*(Kính dâng hương linh Má, đánh dấu cái Tết đầu tiên Má không còn
còn côi một mình ở quê nhà để mồn mõi nhớ thương
đợi chờ thằng con bất hiếu của Má)*

故郡寒廬
日短風淒黑夜長，
寒廬慈母待春香。
家亡國破心如火，
子散孫離髮若霜。
異獸狂奔吞越土，
癡狐怯伏獻南疆。
冬遲老母歸西路，
春夜空廬獨望暘。
陳文良

Âm Hán Việt:
Cố Quận Hàn Lư

Nhật đoản, phong thê, hắc dạ trường,
Hàn lư, từ mẫu đãi xuân hương.
Gia vong, quốc phá, tâm như hỏa,

Tử tán, tôn ly, phát nhược sương.
Dị thú cuồng hôn, thôn Việt thổ,
Si hồ khiếp phục, hiến Nam cương.
Đông trì, lão mẫu quy Tây lộ,
Xuân dạ không lư độc vọng dương.

Trần Văn Lương

Dịch nghĩa:

Nhà Tranh Lạnh Nơi Chôn Cũ

Ngày ngắn, gió lạnh lẽo, đêm đen dài,
(Trong) nhà tranh lạnh, mẹ hiền ngóng đợi hương mùa Xuân.
Nhà mất, nước tan, lòng (mẹ) như lửa,
Con phân tán, cháu lìa xa, tóc (mẹ) tựa sương.
Thú lạ điên cuồng chạy, nuốt đất đai Việt,
Cáo ngu hèn nhát phục xuống, dâng hiến bờ cõi Nam.
Mùa Đông trôi chậm, mẹ già về Tây phương,

(Cho nên khi)đêm Xuân (tới thì) chỉ còn có căn nhà tranh trống vắng đợi mặt trời mọc.

Phỏng dịch thơ:

Nhà Tranh Chôn Cũ

Đêm lẩn chân ngày, gió khóc than,
Nhà tranh, mẹ gặng đợi Đông tàn.
Cháu con lạc lõng, sương dầm tóc,
Làng xóm tan hoang, lửa đốt gan.
Thú lạ cuồng điên vầy đất nước,
Chồn ngu khiếp nhược hiến giang san.
Xuân chưa tới, mẹ về thiên cổ,
Trống vắng nhà tranh vọng nắng ngàn.

Quan Dương

Ghen với Trương Chi

Trương Chi xấu xí hơn ta
Lụy tình mới nhả ngọc ra với đời

Còn ta phong nhã hơn nhiều
Lẽ nào không ngọc em rơi khi xù

Nhờ em buông tiếng chối từ
Nên ta mới đủ lý do thất tình
N như mưa rót xuống thành linh
Tháng sáu trời nắng biến thành trời mưa

Ra về ôm cuộc tình thua
Gọi tên là để dư thừa cái tên
Đường tình còn mỗi mình ên
Trái đất dễ trượt vì tròn không vuông

Trương Chi xưa có tiếng đàn
Ta nay một nhánh rong đang lênh bênh
Đàn anh bóng nổi bóng chìm
Tình ta theo náu trắng mềm, thờ ra

Thất tình anh khác chi ta?
Cũng là chuyện lụy đàn bà. Giống nhau
Chuyện anh lưu lại ngàn sau
Chuyện ta chưa kịp qua cầu. Đã de

Hứng tay nước lọt qua khe
còn vương sợi tóc em đề mé trên
Tìm đâu giọt lệ My Nương
Phòng khi đá nát phai vàng không đau?

LAN ĐÀM

Trăng, em

Từ đêm em là trăng
Ta nghìn khuya vọng nguyệt
Xa cách mãi cung Hằng
Sao lời nguyên tha thiết

Từ đêm em là trăng
Ta mở đời đã khép
Ở dạ khúc mệnh mang

Có trăm cơn mê đẹp

Từ đêm em là trắng
Ta thêm đôi môi ngọt
Trong vòng tay thên thang
Ấm tình yêu chất ngất

Từ đêm em là trắng
Ta quên ngày phiêu bạt

Em, chiều và sóng

Ta chiều nghe sóng vỗ
Vòng tay ấm vừa lời
Tóc thiên thần lộng gió
Hải âu cánh rẽ rời

Ta chiều nghe sóng vỗ
Bờ môi mọng gọi mời
Gối chăn đầy hương cũ
Thuyền nhớ khói trùng khơi

Ta chiều nghe sóng vỗ
Bãi xưa buồn chưa nguôi
Mưa cuối mùa bờ ngõ
Núi tím lạnh mây trời

Ta chiều nghe sóng vỗ
Biển rồi xa, tình ơi

Trần Kiêm Đoàn
TRÍ QUANG TỰ TRUYỆN:
Không vẫn hoàn không.

Trong đạo lập thân của người xưa – lập công, lập đức, lập ngôn – thì lập ngôn thường được cho là quan trọng nhất, vì đó là phần “hình nhi thượng”, là tinh hoa tư tưởng cá biệt của một dòng đời mang tính truyền thừa lâu dài và sâu xa cho hậu thế. Người đem hết năng lực tinh thần và tri thức của đời mình để lập ngôn thì thành nhà tư tưởng, triết gia. Người đem chất liệu đời mình để viết lại thì thành tác giả tự

truyện, hồi ký. Người đem tiểu sử đời mình ra đánh bóng, trang hoàng, rao bán thì thành nhà... chính trị kinh doanh! Nhưng dẫu ở mức độ nào thì cũng khó lòng đem ra so sánh, cân đo khi không có cùng mẫu số. Cũng đều xuất phát từ con người làm điểm tựa, nhưng sẽ thiếu công bằng nếu đem những tứ đại kỳ thư, những áng kim cổ hùng văn hay thiên hạ danh văn để so với những bài thơ Thăng Bờm có cái quạt mo, những bài ca dao truyền miệng... vì mẫu số chung của cảm tính văn nghệ chẳng tương đồng. Tuy nhiên, trong ý nghĩa tinh túy nhất mà cũng rất thường tình của nhân sinh, “cái thích” hay sự cảm thụ và sáng tạo văn chương nghệ thuật thì không ai giống ai vì cái ngã sở chắn đường bút ngỗ theo lối mòn một chiều “có thì có tự may, khi không cả thế gian này cũng không!”. Từ đó dẫn tới cái thương, cái ghét càng lúc càng xa với những gì hiện thực “thương ai thương cả đường đi, ghét ai ghét cả tông chi họ hàng!”

Tác phẩm nghệ thuật thường được ví von như những cơn mưa. Có những trận mưa – mưa rào, mưa tình, mưa pháp – mà con người và muôn vật được hưởng lợi lạc hay phải chịu đựng cơn mưa phù hợp với căn tính của từng đối tượng: Con dế mèn ca hát rất cổ hưởng được một giọt mưa ngọt lịm; con chim non bị ướt tổ lạnh run; con kiến cỏ bị chết trôi chới vơi; người nông dân có được nước đầy đồng... Chẳng ai giống ai. Bởi vậy, mọi giá trị của vạn vật đều tương đối. Nhưng trong tương đối đã có sẵn một điều tuyệt đối, đó là sự khác biệt và đồng nhất đều cùng một thể: “Không lại hoàn không!”

Và, đó cũng là kết luận của “Trí Quang Tự Truyện”. Đây là một tác phẩm hồi ký của hòa thượng Thích Trí Quang, một danh tăng Phật giáo thế hệ Chiến tranh Việt Nam đang bước vào độ tuổi 90. Có thể nói mà không phải dè dặt rằng, trong số các hồi ký của những nhân vật lịch sử, trong cũng như ngoài nước, có liên quan đến dòng lịch sử Chiến tranh Việt Nam thì hồi ký của thầy Trí Quang là một trong những tác phẩm được chờ đợi nhiều nhất.

Văn chương tự cổ không bằng có, nên khen hay chê tự nó không quan trọng mà quan trọng là mức độ khách quan, công bằng và tính trong sáng của sự khen chê. Và, quần chúng nói về một đối tượng sao bằng chính đối tượng được nhắc nhở đó tự nói về mình. Trí Quang Tự Truyện là những điều thầy Thích Trí Quang tự nói về mình.

Từ đầu năm 2011, tuy đã được đọc các bài giới thiệu và trích đoạn của tập sách này trên mạng lưới truyền thông nhưng mãi đến khi về thăm quê vào tháng 3-2012 tôi mới đọc được bản chính toàn tập. Sách dày 216 trang, nhà xuất bản Tổng Hợp tại Sài Gòn. In 3000 cuốn, xong ngày 22-7-2011. Tác giả viết xong ngày 24-4-2011. Sách không chia thành chương, mục mà được phân thành 47 đoạn viết theo lối hồi ức, tự truyện. Không có một hình ảnh nào minh họa từ bìa đến nội dung.

Trí Quang Tự Truyện đã gây ra những luồng phản ứng tuy không sôi nổi theo kiểu... “siêu sao”; nhưng tương đối rộng rãi đối với quần chúng trong cũng như

ngoài nước; đặc biệt là đối với giới trí thức và Phật tử lớn tuổi đã từng sống trong chiến tranh và trải nghiệm thực tế qua những biến cố lịch sử đầy thăng trầm của đất nước. Đa số bày tỏ sự thất vọng vì hồi ký không “ngang tầm” với tác giả. Người ta chờ đợi một thiên hồi ký có “tầm vóc thời đại”. Nghĩa là những pho sách dày với những công bố phơi bày nhiều bí ẩn lịch sử, những “giải mã” sự kiện còn nằm trong góc khuất, những lý giải hùng hồn về các hiện tượng đầy thâm cung bí sử, những biện minh đầy thuyết phục nỗi oan khuất của đạo pháp và dân tộc, những chứng lý rạch ròi thân phận nhược tiểu trên bàn cờ quốc tế... Nghĩa là với tầm vóc của một nhân vật tu sĩ Phật giáo đã từng là khuôn mặt trung tâm cho cuộc tranh đấu đòi tự do, bình đẳng tôn giáo của Phật giáo năm 1963 và những cuộc biểu tình đòi cải cách chính trị thời 1966 đã làm chấn động Việt Nam và dư luận thế giới như thầy Thích Trí Quang thì sẽ có cả một kho tàng dữ liệu và vô số lý giải cho cả một thời kỳ đầy biến động chiến tranh, chính trị và xã hội để viết ra trong hồi ký. Thêm vào đó, thầy Trí Quang còn là tác giả, dịch giả, luận giả uyên bác và đáng tin cậy của nhiều tác phẩm Phật học nội điển và luận thư trong khoảng 70 năm qua. Bề dày của những công trình biên dịch và tham luận có giá trị là những điều kiện “ắt có và đủ” cho một tác phẩm hồi ký lớn của Thầy ra đời. Hoặc ít lắm thì cũng là những hồi ức đầy “thương hiệu thành danh” của ta và của người vào hàng Retrospect của Robert McNamara hay Political Memoirs của Malcom Fraser... và của nhiều nhân vật danh tiếng Việt Nam đã xuất bản chẳng hạn. Nhưng Trí Quang Tự Truyện đã thanh thản ra đời như một cô gái Việt chân quê trên diễn trường hoa hậu quốc tế làm cho người ta ngạc nhiên.

Những ngày mưa tháng Hai của Huế, lên chùa Châu Lâm không cách xa chùa Từ Đàm là mấy, được ăn cơm chay với thầy Thiện Phước trong vườn lan đủ màu tự trồng, tự tưới của Thầy, trưa vào nghỉ ở nhà tịnh của chùa và đọc Trí Quang Tự Truyện nguyên bản in của anh Trần Tuấn Mẫn báo Văn Hóa Phật Giáo gởi cho, tôi cảm thấy an tịnh và gần gũi với tập sách hơn.

Trong khu vườn thiền lâm, thầy Trí Quang là một hành giả với bút lực dồi dào từ khi còn trẻ tới hồi đại lão như hôm nay. Nói về công phu biên dịch kinh sách, chỉ riêng năm 2011 thôi, thầy Trí Quang đã hoàn thành nhiều công trình trước tác thâm uyên với 3 bộ sách đã in ấn và phát hành là: Tổng Tập Giới Pháp Xuất Gia gồm 2 tập, mỗi tập hơn nghìn trang và Nhiếp Luận, 334 trang. Bởi vậy, khi cầm Trí Quang Tự Truyện trên tay, có lẽ tôi không nên trịnh trọng gọi đây là một tác phẩm hồi ký đầy chữ nghĩa to tát mà nên gọi đây là những dòng tâm bút của một sơn tăng giữa thị thành đang sống với tánh thường rỗng lặng “không vẫn hoàn không”.

So với những tác phẩm mang tính nội điển mà thầy Trí Quang đã cẩn trọng biên dịch – nghiêm cẩn trong từng cụm từ và chỉnh chu trong từng luận giải – thì Trí Quang Tự Truyện nhẹ như tơ hào. Tác giả viết ra những sự kiện, kể lại chuyện đời mình bằng một lối văn chân phương – lại có khi rề rà không trau chuốt – dễ dãi như người bình dân ngồi kể chuyện Tấm Cám.

Trong suốt 50 năm qua, nhân vật Thích Trí Quang thường được (hay bị) môi trường truyền thông đại chúng trong cũng như ngoài nước nhắc nhở khá sôi nổi và không ít thường xuyên trong hàng tu sĩ Phật giáo Việt Nam đương thời. Sự nhắc nhở xuất hiện dưới nhiều dạng thức và từ nhiều góc độ: Giữa đường, lẽ phải, lẽ trái, trên mây, dưới hố... Nhưng không phải vì lời khen hay chê mà một dòng sông trở thành trong hay đục. Chẳng phải vì được ca tụng hay bị đá kích qua ngõ thị phi mà một nhân vật trở thành thánh hay phàm. Đâu phải vì yêu hay ghét mà một tác phẩm trở thành hay hoặc dở. Thầy Trí Quang – cũng như mọi nhân vật cộng đồng tên tuổi đã thành danh – có một vị trí và thể đứng riêng trong lòng người và trong lịch sử. Nhưng trong tự truyện, sau khi kể chuyện đời mình từ nhỏ đến lớn; từ thân chủ tiểu mới xuất gia cho đến vai trò lãnh đạo Phật giáo thành tựu, tác giả tự kết luận về đời mình: “...cuộc đời tôi ‘không hẳn hoàn không’, không có gì đáng nhớ, đáng nói. Ngay như sự tự truyện này, vì không thể không có, nên phải viết và phải in, mà thôi. ‘Không hẳn hoàn không’ là Phật cho, tôi mới được như vậy.”

Chính vì “chân không” mà cuộc đời thành “diệu hữu”. Nhà tu thật ngôn là người hành động trong vô vi; nghĩa là thông tay vào chợ mà không dính mắc, đối mặt với sấm sét giữa đời mà coi như hoa đóm giữa hư không.

Khuyết hướng nhất quán về “không” có mặt trên từng trang sách của Trí Quang Tự Truyện. Nội dung tự truyện kể lại nhiều biến cố và hành động trong chặng đời 90 năm của một hành giả đứng giữa gong kèm lịch sử như thầy Trí Quang mà vẫn mang một phong vị tĩnh lặng an nhiên. Sự an nhiên có được khi yếu tố tác nghiệp không hoành hành. Đó là khi nhu cầu biện minh, giải thích, thuyết phục, khen chê, vinh danh, bài xích... không thể hiện qua ngòi bút và chữ nghĩa, ngôn từ của người viết. Nhờ vậy, người đọc tự truyện cảm thấy thanh thản theo dõi những gì xảy ra và được tác giả ghi lại mà tâm không bị động bởi những cảm xúc đầy bụi nhất thời.

Đạo Phật là con đường đưa đến giải thoát. Đó là một trạng thái tự do đứng ngay chính giữa hai bờ đối đãi của yêu-ghét, vui-buồn, khen-chê, sống-chết... Tuyệt nhiên không còn bị dính mắc vào hệ lụy của phóng tâm biên kiến đời thường đầy phiền não. Tâm Phật là tâm không không rỗng lặng. Chỉ trong không không rỗng lặng này – tinh thần “không trung vô hữu tuyệt đối” của Bát Nhã – thì Phật và chúng sanh mới thành nhất thể. Vì như thiền sư Thường Định Kaido Ashahi Nhật Bản nói trong Thiền Tập Quán Niệm Trên Núi Tuyết rằng: “Một đời đi qua, nếu còn một hạt bụi ngã nhân nào vương lại ở trần gian này thì kẻ tác tạo hạt bụi đó vẫn còn bị cột buộc. Người đó còn phải quay lại trả nghiệp cho đến khi hạt bụi kia chẳng còn vương vất giữa trần thế, trong tâm thức và giữa hư không... thì mới mong thấy được khung cửa nghìn xưa quay về nẻo Đạo.” Phải chăng vì muốn phủi sạch đôi “hạt bụi ngã nhân” còn vương trên khung cửa nghìn xưa quay về nẻo đạo mà Hòa thượng Trí Quang phải miễn cưỡng bận lòng trong Tiểu Truyện Tự Ghi, rằng: “Truyện của tôi không đáng gì mà phải ghi. Chỉ vì truyện ấy, hơn vài thập kỷ trước thập kỷ 2530 (1975-

1985), có liên quan đến Phật giáo VN, lại bị hư cấu truyện và phim sai quá nên phải ghi. Nhưng ghi như dưới đây thì chỉ là có còn hơn không mà thôi.”

Xác định về một thái độ hành xử như thế, thầy Trí Quang làm cho những người học Phật đời sau nhớ tới tinh thần tùy duyên hành đạo và sống đạo của Phật giáo đời Trần. Vua Trần Nhân Tông khi đã gác kiếm chống quân Nguyên, thay chiến bào bằng áo cà sa, nghe thị giả hỏi rằng, đâu là chỗ khác nhau giữa việc đời bôn ba và việc đạo an nhiên tự tại, đã đọc bài kệ:

Sống đời vui đạo cứ tùy duyên
Khi đói thì ăn, mệt ngủ yên
Của quý đầy nhà đâu phải kiếm
Thấy cảnh lòng không khởi hởi thiền

*(Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề, khổn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền)*

Như thế phải chăng “vô tâm tức là đạo?” Khi có người hỏi về khái niệm này, Tuệ Trung Thượng Sĩ, thầy của Phật hoàng Trần Nhân Tông đã đọc bài kệ:

Vô tâm là vô đạo
Có đạo chẳng vô tâm
Tâm đạo đều trống rỗng
Biết nơi đâu mà tầm?

*(Bỏ vô tâm vô đạo
Hữu đạo bắt vô tâm
Tâm đạo nguyên hư tịch
Hà xứ cánh truy tâm?)*

Điều Tuệ Trung muốn nói là cần đập vỡ những khái niệm tương tác không có thật giữa củ khoai và con kiến. Làm gì có con kiến mà kiện củ khoai. Làm gì có tâm và đạo hiện hữu như hai đối thể phân biệt khi tâm và đạo là nhất thể. Tâm và đạo không phải là hai hình tướng để mô tả và phân biệt mà cần thực chứng trong trống rỗng, an nhiên qua một trong nhiều phương tiện quán chiếu thiện xảo nhất của Phật giáo là thiền định. Đạo Phật là con đường thực chứng cuộc đời chứ không phải phủ nhận hay xa lánh cuộc đời như ngộ nhận. Đạo giữa đời và đời giữa đạo. Bình thường giai thị đạo.

Nhà tu là một người phạm trang bị tính thánh chứ không phải là thánh. Bởi thế, tu hành cũng là một quá trình vật lộn với chính mình vì nghiệp và luân hồi là một chân lý vận hành khách quan. Bất luận Phật tử xuất gia hay tại gia, đã tu mấy đời hay nhiều đại kiếp, khi chưa đắc đạo thành Như lai, Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác... thì vẫn còn trực tiếp chịu sự chi phối của Nghiệp. Mục Kiền Liên là đại đệ tử đệ nhất thần thông của đức Phật đã tu qua nhiều đại kiếp, đã từng xuống tận địa ngục A Tỳ cứu Mẹ mà trong kiếp cuối cùng, trước khi đắc đạo, vẫn phải trả Nghiệp tiền kiếp. Ngài đã bao lâu ân tàng, mặc cho bọn cướp vây quanh tha hồ biếm nhẽ. Nhưng chỉ một phút tác động của Nghiệp đã để lộ nguyên hình cho bọn cướp ủa tới phanh thây. Tên cướp và thiền sư khác nhau ở chỗ là ai đang tạo nghiệp và ai đang giải nghiệp mà thôi.

Bởi thế, “tùy duyên...” là phong thái hành hoạt của người theo đạo Phật. Tất cả đều có sẵn tự thân tâm. Làm vua gặp quân xâm lăng: Đánh! Làm thầy gặp chuyện bất bằng: Chồng! Gặp đời phiền não: Tu! Hết một đời: Thản nhiên ra đi như thay áo. Gặp chuyện thị phi đời thường: Im lặng như chánh pháp. Khi cần lập ngôn: Nói năng như chánh pháp. Có gì quan trọng – khi một tơ hào cũng không còn hiện hữu trong tánh không rỗng lặng – đâu mà phải cần hư vọng, hư danh như bìa đá đề tên, lưu danh sử sách, bị thử khen chê. Trong khung cảnh Phật giáo, Trí Quang Tự Truyện viết ra để ghi lại những chuyện đời thường của chính tác giả. Nhưng tất cả đều không vượt ra ngoài tự tánh của chư pháp “không lại hoàn không” và tác giả đã hành xử; đã sống và viết trong cái không mênh mông rỗng lặng đó. Tiếng chuông công phu khuya từ chùa Hàn Sơn ngày xưa vọng lên từ một sơn tăng đã trở về với tự tánh rỗng lặng. Nhưng Trương Kế và muôn vạn đời sau đã “bắt gặp” và cảm nhận như thế nào là cả một hợp duyên “thân báo” muôn màu muôn vẻ khó thể nghĩ bàn. Khi tiếng chuông tự nó là tiếng chuông thì sẽ không khứ, không lai, không thừa, không thiếu. Tiếng chuông cũng chỉ là một pháp... không lại hoàn không.

Lâm Thúy

Nói Với PNL

Thư Anh, nhận từ hồi giáp Tết
Bởi lòng buồn chẳng muốn hồi âm
Từ mắt mẹ thấy đời cũng hết
Não nề trong cuộc sống lặng thầm.

Đạo tháng chín có về bên đó
Mẹ hôn mê chẳng biết vui mừng
Ba ngày sau mẹ về thiên cổ

Vậy là đành, lỗi hẹn mùa Xuân.

Trước có hẹn Tết về thăm mẹ
Nào hay đâu đã vội chia lìa
Đời có bao giờ buồn hơn thế
Chờ mẹ về trên chuyến phà khuya

Ngày tang lễ cứ mưa tầm tã
Nước sông dâng ngập cả sân nhà
Đến trời đất cũng u buồn lạ
Như chia niềm tang tóc cùng ta.

Ừ! Quả thực đời là bể khổ
Sầu chưa vơi sầu lại chất sâu
Anh có lúc đi vào tuyệt lộ
Chắc thế nào cũng hiểu lòng nhau.

Nghĩ mới thấy định phần khắc nghiệt
Làm sinh ly, thương nhớ một đời
Lại đón đau trong niềm tử biệt
Tháng năm dài có mấy ngày vui?

Cứ nghĩ đến khôn cầm giọt lệ
Nói thêm đau, không nói cũng buồn
Mẹ đã bước ra ngoài dẫu bể
Ta vưng lầy: Tuyệt vọng, thê lương!

Vốn chẳng phải tha phương cầu thực
Cớ gì đâu bỏ nước, bỏ làng?
Đã không thể đền công dưỡng dục
Đành phụ rồi ơn mẹ cưu mang!

Nỗi đau xót không người bày tỏ
Trông nói ra lòng sẽ nguôi ngoai
Sao nhắc lại dường như lửa đỏ
Cháy trong tim vụn nỗi u hoài!

Ở bên đó mùa Xuân nắng ấm
Mà thư Anh nghe cũng chán chường

Huống gì ta bên này lạnh lắm
Càng nào lòng những Tết tha hương.

Diệu Thảo

Chiều Trên Biển Vắng

Chiều mênh mông nên không bờ không bến
Trên ngọn tình sóng có bến bờ đâu
Biển hôn ta đang vỡ trắng bọt sầu
Vắng ai rồi biết tìm đâu lẽ sống?!

D. Thảo

Bốn họa khúc

1.

Em đừng bảo biển có bờ có bến
Biển lòng anh cát lờ, bến còn đâu
Tại vàng trắng em đốt ngọn tình sầu
Bóng trắng vỡ, anh lụn tàn lẽ sống

2.

Khi nước mắt từ bờ mi bỏ bến
Thuyền nhân sinh trôi nổi biết về đâu
Một chữ Tâm hạnh phúc, khổ sầu
Như biển mặn bóng chìm sâu cuộc sống

3.

Tình em đó tìm anh chờ ghé bến
Nước sông mê thuyền chở nhớ về đâu
Ánh trăng xưa còn lẫn trốn mây sầu
Dù nước ngược, buồm căng đầy sức sống

4.

Em ạ ! Mây ngàn trôi không bờ bến
Cũng vô ưu dù chẳng biết về đâu
Ta như đôi cá biển vượt dòng sầu
Mặc giông bão vì yêu là lẽ sống !

Phạm Tương Như

Võ Thị Trúc Giang

Như bàn ghế cũ

Chàng vói tay nghe điện thoại, bàn công chuyện với khách hàng này vừa xong thì điện thoại khác lại reo, chàng thông thạo đảm trách bao công việc của hãng giao phó, công việc của một người có chức vụ cao cấp của công ty, đòi hỏi chàng phải nói lưu loát tiếng Anh Pháp Đức. Bỏ ống điện thoại xuống, vươn vai đứng dậy, mệt mỏi, đưa mắt nhìn ra phía bên tàu, bao thuyền bè cập bến ra vào tấp nập, các containe đang được cần trục bê từ tàu lên bến, xe hàng chạy đến, có nhân viên mở containe ra, bốc hàng rồi chở đồ đi giao cho khách, công việc của chàng là trông coi sổ sách giấy tờ liên hệ với thân chủ ngoại quốc khắp nơi. Chàng hãnh diện về sự thành công nghề nghiệp của mình, tự tin vào tài năng của mình, tài khéo ăn khéo nói lịch sự và vẻ đẹp trai của mình, chính vì thế, chàng biết mình có thừa khả năng chinh phục bất cứ người con gái nào chàng thích.

Nắng mùa Hè thật nóng, cái nóng ở đây hiếm hoi, nhưng năm nay lại quá nóng, mà hè Âu châu lại ngắn ngủi, nên chàng lúc nào cũng hấp tấp, hấp tấp luôn trong những cuộc tình ngắn ngủi của mình. Ngoài giờ làm việc ra chàng hay đi quán cà phê nhậu nhẹt với bạn, đôi khi chơi vài ván cờ hay đánh bài với chúng vào cuối tuần. Chàng thích Hè nóng ẩm vẫn hơn là mùa Đông dài lê thê, chuỗi mùa Đông dài ngoài đường đèn Giáng sinh được bày khắp ngõ đường, tuyết phủ trắng xóa, lúc ấy tâm hồn chàng lại càng bơ vơ trống vắng, chàng thấy cô đơn, cần có người an ủi, như một thằng con trai mới lớn đang dỗi tìm hình bóng người yêu, khao khát đến thế. Nhiều lúc ngồi trong buya-rô chàng thường hay chát với vài phụ nữ chàng mới quen, người nào chàng cũng gửi Thơ, Nhạc, gửi Thiệp hoa với những lời lẽ ân tình, chừng như em là tất cả, anh chỉ yêu mình em thôi, từ khi gặp em anh như trở lại thời 17 tuổi v.v.v...

Chàng đã dự định một chuyến du lịch đầy mạo hiểm với cô tên B., trong khi cố gắng giàn xếp cho bà xã mình ở nhà cho chàng được rảnh tay rảnh chân hẹn hò với người yêu, còn cô C. bên Mỹ cứ tổng bao nhiêu mail vào hộp thư bảo nhớ nhưng chàng, hỏi tới tấp bao giờ hai người gặp lại. Chàng hã hê với cái hạnh phúc mình có, tình yêu vụng trộm càng làm cho chàng trông tươi mát thêm ra vì những hình ảnh giai nhân luôn lớn vồn trong đầu.

Mới gặp B. có một lần, mà sao làm chàng nhớ mãi, B có cặp mắt thu hút hồn chàng một cách lạ lùng, chàng tương tư, như đã từng tương tư, trong đời chàng nghệ sĩ tương tư là bản tính Trời cho không thể chối cãi được. B. lại rất đẹp, rất lãng mạn như chàng. Trái tim nghệ sĩ lay động dữ dội, muốn chinh phục người đẹp, đàn ông mà, thiệt thòi quá gì, được thì tốt không được thì chia tay, chả ai phiền ai. Chàng nghĩ đơn giản chỉ có thế. Cho nên khi ngồi trong hãng, chàng lục lạo kiếm ra địa chỉ của em. Em là nhà văn, em xinh đẹp ra phết, em trông như con mèo non khỏe

khạo, tuy đã lớn tuổi nhưng còn em vẫn còn giữ nét thơ ngây của bóng dáng cô nữ sinh. Ôi dào, chàng tương tư thật sự; chàng bỏ công sức in hình, soạn Nhạc, sưu tầm Thơ tỏ tình với người đẹp.

Nhưng đời đâu phải lúc nào cũng trôi chảy như ý người ta muốn đâu, những lúc như thế này, ngoài việc viết thư cho B., còn nhận thư của T, của V., rồi công việc của hãng, của các nhóm chàng tham gia nhiều sự việc, lắm trách nhiệm quá khiến chàng choáng ngợp, tuy cố gắng giữ bình tĩnh nhưng cuối cùng anh đâm ra cáu kỉnh với mọi người, với chính chàng nữa. Sợi dây ràng buộc với những bóng hình giai nhân vô hình không ai thấy, nhưng lại là mối dây oan nghiệt, làm chàng khó xử. Đàn bà-tình yêu-danh vọng-sự nghiệp-gia đình-trách nhiệm, khi xưa có bao giờ chàng để ý đến nó có thể làm mình choáng ngợp như thế này đây. Đạo đức ư? Chàng ít khi nào bận tâm về hai chữ ấy, vì chàng có làm gì ai đau khổ đâu? Đàn ông như mặt ngọt, cứ vô tư thả lưới giăng câu như thế, em nào thích cứ mở cửa nhà cho mình vào chứ, trong trò chơi lẫn trốn đó, chàng nào có lạ gì, chàng chỉ đóng vai trò là người đi câu cá không cần môi thôi. Những em như C., như T., chàng say mê với tòa thiên nhiên của tạo hóa tạo nên, còn sau đó như thế nào, chàng ít khi thắc mắc, vì chàng có lắm việc quan trọng hơn để lo, còn những mối tình qua đường chỉ là phút giây giải trí.

Ngoài ra chàng cũng chả thích đụng chạm ba cái chuyện „chính chị chính em“ phức tạp nhức đầu, bọn họ chỉ hay chụp mũ nhau là giỏi, làm thì chả được bao nhiêu, nhưng chửi nhau ồm tỏi, nhìn thấy bắt ỏi. Nhưng ở những nơi sinh hoạt cộng đồng lại là nơi tụ tập tài tử giai nhân nên khi cần chàng cũng phải xuất hiện để người khác để ý đến mình, nhiều em trông thơm như múi mít, biết đâu lại có vài trái tim yếu bóng vía lọt vào mắt xanh yêu mình thì sao. Chàng nghĩ thầm như vậy, chàng có tính tự tin và rất galang với phái đẹp đến dễ yêu, chính chàng còn yêu chàng nữa, nói gì đàn bà !

Em nào quên chàng rồi thời gian sau chàng " nhả ra " làm cho em có cảm giác bị chàng lãng quên, vì chính vì nghệ thuật đó mà các nường lại gào lên nhớ yêu chàng nhiều hơn nữa. Chàng ngụp lặn trong cái may mắn trời ban cho mình, mình có cảm thấy hạnh phúc, an bình thì mình mới có nhiều tình yêu mà ban phát cho kẻ khác chứ, nếu mình bất hạnh kém may mắn thì làm sao có đủ tình mà đem cho ai đây ? Lịch sự, đẹp trai, thành công, sự nghiệp vững chắc như chàng khi yêu chỉ làm cho các nường vui, vì được chàng để ý, săn sóc tức là chàng làm cho các nường hạnh phúc đấy chứ. Tình trong phút giây nhưng cũng là tình rất thật trong phút giây, chàng chưa hề lừa dối ai bao giờ, yêu ai chàng cũng yêu rất thật, cô nào cũng rất thật kia mà. Ngay cả bà xã của chàng, có bao giờ chàng bỏ bê, chàng vẫn đi đi về về đấy, nàng vẫn chăm cùi chăm chỉ lo lắng cho chồng đôi khi quên đi chính mình, nàng đã quá quen thuộc cái tính ga-lăng của chồng mình, đôi khi nàng chỉ thương hại cho các nường ngây thơ va vào lưới tình tội lỗi của chồng mình tung ra mà thôi.

Vợ chồng chàng vẫn còn ăn ở với nhau, chăn gối với nhau, nhưng thỉnh thoảng vợ chàng bắt gặp chàng có cái nhìn tận đâu đâu; chàng chỉ nói “anh có nhiều việc, hơi bận, ít thì giờ,,.” Ít thì giờ là câu thần chú của chàng hay nói, còn khi yêu chàng có rất nhiều thì giờ để yêu.

Mỗi khi từ hăng về đến nhà, được bà xã lo cho cơm nước, chàng ung dung trong bộ pyjama bước ra bao lơn, cảm giác như một ông vua con được kẻ hầu người hạ, xung quanh khu vườn xinh xắn, bà xã chàng trồng những cây mát rười rượi thơm phức hoa hồng nhung. Chàng ngồi đấy nhâm nhi ly rượu đỏ, ngắm trăng cao gió mát, đêm hè thật dịu vợi, trời sáng rất lâu. Chàng yêu mùa Hè, cảm giác dễ chịu chàng đứng dậy vươn vai hít vào thật sâu, cố gạn lọc tất cả những suy nghĩ lung tung, những câu hỏi chàng tự chất vấn mình, nó đang quay tít trong đầu, chỗ nào gạt bỏ được là chàng gạt phắt ngay không thương tiếc. Chàng thả cho đầu óc mình như cuộn phim quay, hình ảnh những người đàn bà qua đời mình. Mỉm cười một mình, đôi khi nụ cười héo úa, đôi khi chua chát, khi thì hạnh phúc, ôi nụ cười sao nhiều ý nghĩa thế nhỉ ! Vàng trán chàng bắt đầu nhăn nheo, ngắm mình trong gương, má hóp, tóc bạc, chàng bắt đầu lo lắng cho tuổi già của mình đang đến chậm chậm.

Khung cảnh vũ trường rộn rập tiếng nhạc, khói thuốc, gái đẹp và rượu. Trong tay chàng có đủ hết, danh vọng, tiền bạc, chỉ cần vói tay là chàng có thể ôm trọn ba bốn cô gái trẻ trong lòng cùng một lúc. Mà sao...chàng vẫn thêm có B. bên cạnh, chàng muốn đạt một cái gì đó thật khó khăn mới có, một cái gì không quá dễ dãi, không buông thả, khó nắm bắt, lúc ẩn lúc hiện, nó ngu ngơ khù khờ mù mờ làm chàng bức, cáu kỉnh.Ừ thì B. là người đàn bà sang đẹp, trong đời chàng đã từng ôm người đẹp trong vòng tay kia mà, chàng đâu thiếu mùi xác thịt, đàn bà đến với chàng dễ dàng kia mà, nhưng không chinh phục được B. chàng cảm thấy thiếu thiếu một cái gì, thật khó hiểu!!

Thời chiến tranh, đời binh lửa chàng thường sống vội vàng hấp tấp, hấp tấp vì không biết mình còn sống để quay về nữa hay không cho nên cứ hấp tấp bên những tấm thân đàn bà qua đường, những chiếc giường, những giọt mồ hôi nhuế nhୋại trong cái nắng Hè oi bức, trong những ngày về phép ngắn ngủi cho em. Đêm nay B. sẽ có mặt cạnh chàng đây, nàng yêu chàng, chàng biết, chàng cũng yêu nàng quá đỗi. Đôi tình nhân gặp nhau, họ chỉ nắm tay nhau, hai bàn tay chưa kịp nóng trong ngai ngừng, nhưng giây phút ngắn ngủi ấy đã trở thành phù du, có gì ngăn cách họ khi họ ngồi sát bên nhau đó ? Sự có mặt của B. làm chàng ngọt ngào, không phải vì khói thuốc, chẳng phải vì rượu say. Quất ngựa truy phong của những anh chàng lính trẻ hào hùng, bay bướm như chàng từng làm yếu lòng bao cô con gái nhà lành, vậy sao đêm nay cạnh nàng, chàng đâm ra sợ sệt. Sợ có cái gì đó nó vỡ tung hư hao. B. gần sát bên nhưng sao xa tầm tay với, chàng thấy chưa uống mà đã ngấy ngấy say. Mồ hôi lấm tấm rơi xuống trán, mùa Hè nắng ấm, cũng là kỷ niệm, mùa đông buốt giá tuyết phủ cũng là kỷ niệm vì chàng nhớ hình bóng B. Chàng đã yêu B. thật rồi!

Họ rời vũ trường, chàng đi trước, nàng đi sau, họ chia tay. Chiếc giường Hotel rộng thênh thang chỉ cần nàng về bên chàng đêm nay thì đêm sẽ trở thành huyền thoại, khi hai kẻ yêu nhau trao hết cho nhau thì đêm sẽ là của họ mãi mãi, chàng nghĩ thế. Hai người lặng lẽ nhìn nhau họ yêu nhau họ hiểu nhau, chính vì thế chàng khuyên nàng nên ra về. Nàng quay lưng đi trong nước mắt. Nàng sợ mình sẽ rơi vào vực thẳm của sợi dây ràng buộc chàng tung ra vướng víu đời hai người không thể nào tháo gỡ nổi. Tiễn nàng đi rồi, chàng thất vọng ê chề như chưa bao giờ thất vọng, cái hãnh diện của kẻ từng quát ngựa truy phong của thằng đàn ông đêm nay tan vỡ trăm mảnh, từ lúc nàng quay đi. Ừ, mình đóng vai cao thượng lắm, đã khuyên em ra về cơ mà!

Từ nay mỗi cái thư nàng gửi, chàng vờ như không đọc và không một câu trả lời. Chàng tẩy xóa hình bóng nàng như tẩy xóa những bức thư đầy nước mắt của nàng. Đối với đàn bà, khi yêu nàng cần một thời gian để thử thách lòng dạ người yêu, còn đối với chàng đã yêu rồi thì đâu cần gì thử thách? Đàn ông khi yêu là yêu, chia tay là chia tay không tiếc nuối, không ần ần hiện hiện mặt thì giờ. Trong đêm Màu Hồng thiên hạ lang thang tìm niềm vui, chàng lạc lỏng ngồi phì phà thuốc trên môi, quanh chàng bao cô gái đẹp, cuộc sống giang hồ chàng đã nếm qua thời trai trẻ, kỷ niệm với B. chàng đã tìm thấy một cái gì đó hiếm hoi của thằng con trai mới lớn, nhưng nay “nhờ” nàng nó lại càng trở nên món hàng hiếm có.

Đêm đứng một mình bên đường, sau khi bóng nàng đã khuất, xe đưa nàng càng lúc càng xa, chàng bỗng thấy hận đời nhất thế kỷ, buồn chán hận đàn bà nhất thế kỷ, chỉ có cách duy nhất là hãy quên nàng đi. Xóa bỏ hình ảnh nàng ra khỏi tâm tư càng sớm càng tốt, những lời chàng thốt yêu thương dành cho nàng đã là những lời rất thật nhưng thật trong thời gian ngắn ngủi như gió qua rồi đi, chẳng nọ nần gì nhau, chẳng liên hệ gì đời nhau mà!

Chàng quên hình bóng nàng một cách dễ dàng như người đời quên một cái bàn ghế cũ, tương tự như khi quá yêu B. chàng đã bỏ quên bà xã mình như quên một cái gạt tàn thuốc, nay may quá, nhờ B. quay mặt đi mà chàng chực tỉnh, nay chàng quay lại lo đánh bóng cái bàn ghế cũ của mình, dù nó cũ kỹ nhưng lúc nào nó cũng nằm đó chờ đợi vì nó là của riêng mình.

Võ thị Trúc Giang

Lúa 9

Trích: Thà như giòng nước chảy

Dương Thượng Trúc

Có phải em,

là người xưa phố núi

Tặng người phố núi Pleiku

Có phải em là người xưa phố núi?
Mà môi hồng, má đỏ mắt long lanh
Để cho ta tìm lại khoảng trời xanh.
Đã vui lấp trong góc nào ký ức!

Có phải em là người xưa phố núi?
Mà nụ cười lãng đãng nhuộm sương mai,
Để cho ta nhớ lại tháng năm dài,
Làm lính thú nơi phố buồn muôn thuở.

Có phải em là người xưa phố núi?
Tóc bông bênh như mây xám cao nguyên
Để cho ta tìm được chút bình yên .
Giữa bộn bề những bon chen cuộc sống.

Có phải em là người xưa phố núi?
Với mưa buồn với nắng bụi Pleiku.
Đời biển dâu, trong gió cát mịt mù
Vẫn nhớ lắm! Ôi Pleiku phố núi

Nỗi buồn chim đa đa
(Viết theo tâm sự của một người...)

*...Có con chim đa đa, nó đậu cành đa.
Sao không lấy chồng gần mà đi lấy chồng xa,
Có con chim đa đa hót lời nỉ non,
Sao em nữ lấy chồng từ khi tuổi còn son.
Để con chim đa đa ngậm ngùi đành bay xa...**

Tiếng hát như những lời thở than của người ca sĩ phát ra từ cái máy nghe nhạc để trên bàn ăn đã chấm dứt khá lâu, mà Loan vẫn ngồi im bất động. Trên tay còn đang cầm miếng bánh mì nhai dở dang.

Cô gục đầu xuống bàn, mặc cho những dòng lệ lăn dài trên khóe mắt.

Từ lúc được ông Hà bảo lãnh sang Mỹ đến nay, đã gần hai năm rồi, người bạn thân thiết nhất của cô chính là cái máy nghe nhạc này. Và bản nhạc có những lời trách móc nỉ non ấy, cô đã nghe đi nghe lại không biết bao nhiêu lần. Mỗi lần nghe xong cô lại không ngăn được dòng lệ. Cô nghe để vừa thâm thía nỗi đau trong lòng, vừa oán trách người đời đã quá dửng dưng trước những bất hạnh của kẻ khác, mà đem bán rao không thương tiếc.

“...Mày thật có phước, được một người đàn ông như ông Hà về cưới, tuy ông hơi lớn tuổi một chút, nhưng như thế lại lịch lãm, biết chiều chuộng, săn sóc vợ hơn là những cậu trai chỉ biết lãng quăng tán tỉnh hư vượn.”

Bạn bè đã chúc mừng Loan một cách chân tình như thế, khi cô quyết định nhận lời lấy ông Hà qua sự giới thiệu của chú Thái:

- Cháu yên tâm đi Loan ạ! Anh Hà là bạn của chú và cũng là một thuộc cấp của ba cháu ngày xưa. Nay ba cháu đã mất, mẹ cháu một nách mấy đứa con thơ, cuộc sống khó khăn chật vật như thế, nếu cháu bằng lòng lấy anh Hà có lẽ mẹ cháu và các em sẽ đỡ khổ phần nào. Tội nghiệp cho chị ấy! Cả một đời chỉ biết lo lắng cho chồng con. Mà anh Hà thì góa vợ đã mấy năm nay rồi... Đâu có gì ràng buộc...

Cái khổ của mẹ, thì Loan đã chứng kiến từ những năm còn nhỏ, khi ba mới đi tù cải tạo. Đói ăn, thiếu mặc thường xuyên... Có những buổi sáng, mấy chị em chia nhau vài muống bo bo, rồi uống một ca nước lạnh thật lớn để đánh lừa bao tử, trước khi cùng với mẹ ra đại lý nhận những xấp giấy số đi bán lẻ khắp nơi. Chẳng bao giờ cô có được những bữa ăn no lòng, chứ nói gì đến ăn ngon miệng.

Thế mà cô và đàn em bốn đứa cũng vẫn cứ như những loài cỏ hoang, vươn lên dưới ánh mặt trời, vượt qua những nắng mưa dầu dãi để sống còn cho đến khi Ba được tha về.

Cũng chỉ hơn năm sau ba lại ra đi, mà ra đi một lần miên viễn sau những tháng năm đói rét, bệnh tật trong trại tù khổ sai. Má già yếu lại càng còm cõi hơn từ dạo ấy. Các em bây giờ cũng đã lớn bộn, nhưng vô công rồi nghề, vì đâu được ăn học đến nơi đến chốn. Gánh nặng trút hết lên đôi vai người chị mảnh dẻ. Đồng lương ở một cơ sở may gia công, chắt chiu lắm cũng chẳng đủ để mua lương thực đổ vào bốn cái cối xay trong nhà.

Cô bây giờ đã trở thành một cô gái đang ở lứa tuổi dậy thì, thắt đáy lưng ong, tóc thề buông xỏa. Đã có đôi lần nghĩ quẩn, cô muốn buông thả, đi làm một cái nghề rất thịnh hành thời mở cửa để giúp đỡ cho mẹ và các em.

Nhưng lại bị mẹ ngăn lại bằng câu :

“ *Giấy rách phải giữ lấy lề...* con ạ! Đừng làm gì tủi vong linh ba con nhé!”

Thế nên khi ông Hà ở Mỹ về, tìm thăm lại bạn bè cũ và được đưa đến gia đình Loan, đã là một cái tin giật gân đối với khu xóm lao động nghèo nàn này.

- Con Loan có Việt Kiều về coi mắt, đã ghé nơi đi nhe!

- Hèn chi lâu nay nó đâu thèm để ý gì đến bọn con trai trong xóm mình.

Mỗi người một câu làm như là chuyện có thật vậy.

Mà họ nói vậy chứ cũng chưa đúng hẳn, bởi Loan cũng một đôi lần hò hẹn với Quang là con của Chú Tư xích lô ở đầu xóm. Họ có cảm tình với nhau, nhưng cũng chỉ mới ở mức độ nắm tay nhau mỗi lần Quang có tình đón Loan đi làm về trễ, nơi đầu ngõ.

Thế rồi, khi ông Hà nhờ chú Thái ngỏ lời với mẹ, thì các em cô đã nhảy cẫng lên, mừng vui như ngày còn nhỏ được ăn đầy một bát bo bo. Mẹ thì lặng thinh, nhìn Loan

như chờ xem ý kiến của cô. Nhưng dường như trong sóng mắt của mẹ ẩn chứa một niềm vui khó tả.

- Thừa mẹ! Mẹ và chú Thái đã lo lắng sắp đặt cho con như thế, con nào dám cãi lời ạ!

Niềm vui òa vỡ trong mắt mẹ, niềm vui tràn đầy trên mặt chú Thái và niềm vui cũng rạng rỡ nơi đôi môi cười thật tươi của ông Hà. Chỉ có Loan là nghe trong lòng héo hắt.

Khi ông cười cũng đâu đến nỗi già lắm, chỉ mới ngoài năm mươi. Nhờ có cuộc sống vật chất sung túc, nên trông trẻ hơn cả chục tuổi.

... Năm anh hai mươi, em mới sinh ra đời,

Ngày anh bốn mươi, em mới tròn đôi mươi....

Thì đã sao đâu. Miễn mình giúp đôi vai gầy của mẹ trút bớt được gánh nặng. Các em có những bữa ăn no lòng, nhất là làm sao để cái nơi đặt tấm ảnh thờ của ba không còn bị những giọt mưa phủ phàng tuôn xuống làm nhòe nhoẹt đi nữa.

Thế là mọi thủ tục được gấp rút tiến hành, qua ngã vị hôn thê chứ không là vợ chồng, và chỉ mấy tháng sau, Loan đã có mặt trên đất nước thiên đường này. Từ đó đến nay, cô đã thâm thía được nỗi buồn của cái cảnh:

Chiều chiều ra đứng ngõ sau,

Trông về quê mẹ, ruột đau chín chiều.

Ông Hà chăm sóc cô từng ly từng tý, đối xử với cô thật tốt:

- Loan không cần phải đi làm, hàng tháng, anh sẽ đưa tiền em gửi về cho mẹ và các em. Học lái xe hả? Làm gì cho phiền toái, đi đâu đã có anh là tài xế cho em được rồi. Đến những nơi hội hè đình đám chỉ thêm nhiều sự, chốn ấy chúa là hay thị phi, dòm ngó người này, người khác...

Đã gần hai năm nay, cô yên phận trong ngôi nhà kín cổng cao tường này. Chỉ còn biết bầu bạn với cái máy hát và những bài ca đại loại như Tiếng Hát Chim Đa Đa, có ai thấu hiểu tâm trạng của cô...

Cô không phải là chim đa đa, mà là một loài chim kiểng được chung trong lồng son, gác tía để mỗi ngày ra vào gậm nhấm nỗi buồn tha hương và nghe lời oán trách nỉ non :

... Sao em nỡ lấy chồng từ khi tuổi còn non,

*Để con chim đa đa, ngậm ngùi đành bay xa... **

MÂY NGÀN

Pleiku gió mùa

Biển hồ lai láng bụi đỏ mờ

Hạ vàng chói nắng mây giăng tơ

Ta người lữ khách chiều cô quạnh

Phố núi mù sương dạ ngẩn ngơ

Pleiku gió mùa bụi cát tung
Nhà tôn vách lá đỏ mịt mù
Nhấp nhò triền núi chồi cao vắng
Sơn nữ băng khuâng mây khói trùng

Sương mai lành lạnh phố cao nguyên
Áo mỏng hoàng hôn suối tóc huyền
Bước chân phiêu lãng miền đất lạ
Rực cháy Trường Sơn lửa ước nguyên

PHAN CÁC CHIÊU HẰNG

Mưa qua

mưa qua giọt mỏng cuối đường
trong xao xuyến nhớ bỗng mừng tượng đau
mưa qua lóng lánh mắt nâu
đủ nuôi trái ngọt chín sâu trong tôi
mưa qua ướt một chỗ ngồi
mà như lạnh cả góc đời chiều nay.

Vài ba năm nữa

Rồi chừng vài ba năm nữa
Còn trơ mấy nhánh tóc xanh
Không đủ quyến vòng níu giữ
Chắt chiu đôi giấc mộng lành
Rồi chắc cũng đành gửi trả
Bao lời hẹn ước trăm năm
Nhịp tim đau chùng tiếng thở
Chân xa bước có ngại ngần?

Rồi chừng vài ba năm nữa
Bàn tay gầy guộc xương khô
Ngón dài rung rung cõi bỏ
Bao nhiêu tháng đợi năm chờ
Rồi chừng vài ba năm nữa
Chắc gì ta vẫn còn đây
Chắc gì người rồi còn đấy

Nói chi đến chuyện kiếp này

Rồi chừng vài ba năm nữa
Trắng lững lơ treo
Mây hững hờ bay...

đoàn thý vân
mưa lạnh mắt nâu

@... mưa qua ướt một chỗ ngồi
mà như lạnh cả góc đời chiều nay.
lạnh từ góc bể chân mây
lạnh tôi riêng lẻ tình cây gió ngàn

mưa như lệ đá trăm năm
lạnh đời lạnh cả chỗ nằm em ơi!
là chuyện thật chẳng phải chơi
đường như còn đó một lời vọng âm.

làm ơn cho chút từ tâm
chỗ ngồi mưa lạnh sắc cằm còn đau
một góc đời một vực sâu
chứ đâu phải chỉ chút sâu thoáng qua.

sợi mưa giăng kín ta bà
ngăn đường che lối người qua muôn chiều
thôi đành hóa đá tịch liêu
ngàn năm rêu lạnh cũng liêu yêu em.

chiều qua mưa lạnh chợt thềm
nụ hôn nướng từ ngọt mềm chết tôi.

TRẦN MINH HIỀN
Vô tâm cang
tỉnh thức chốn địa đàng

Như hạnh phúc ngập ngừng nơi bến vắng
Đợi mùa thu về thấp lửa ân tình
Hò chưa cạn mà lòng người cay đắng

Hắt hiu vắn thơ ngày tháng ảo hình

Như lãng đãng những chân trời vô định
Nhật cánh hoa rơi anh biết nghĩa vô thường
Đêm nghe gió u hoài vùng thanh tịnh
Hát khúc vu lan thổn thức miền trường

Như ánh sáng cuối đường hầm vô lượng
Kiếp nhân sinh mê muội muôn đời
Tâm giác ngộ để cho mình hướng thượng
Trồng thương yêu trong vườn thắm tuyệt vời

Như lời nói của con thơ chờ đợi
Như cánh chim soái cánh đại ngàn
Anh đã hiểu sóng vô cùng diệu vợi
Vỗ tâm cang tỉnh thức chốn địa đàng

MY OWN POETRY

*Translate is betray, I can not translate my own poetry
Life is full of challenges and love is full of uncertainty
Sometimes we listen to our own sounds, we can not hear so well
Sometimes we look at ourselves, we don't see its own dwell*

*On the long bumpy roads of this crazy realm, we find the most beautiful flowers
In the deep blurry ocean of those lazy universes, we encounter wonderful towers
I dig my own yard to seek for the lasting memories
Nothing can prevail unless we really fall in love into our own stories*

DƯƠNG QUÂN

Mắt em

*(Tặng Người quả phụ 10 năm
khóc chồng đến mờ cả đôi mắt)*

Nghe tin em mắt bị mờ
Mười năm đứng cạnh bàn thờ cư tang
Chồng em về chốn thiên đàng
Thương chồng em khóc lệ tràn đêm đêm

Ngày xưa, đôi mắt nhung huyền
Anh thư dáng ngọc, dịu hiền dung nghi
Bây giờ nặng trĩu sầu bi
Héo hon nhan sắc, xuân thì tàn phai

Nhớ thương ngày tháng đông đầy
Người không về nữa, chờ ai phương nào
Một đời tận tuyệt cho nhau
Thì thôi dấu đến ngàn sau vẫn tình

Mắt mờ kém vẽ tình anh
Mà lòng muôn thuở đã thành sắt son
Lệ tuôn dù đá cũng mòn
Còn dư hương cũ vẫn còn khóc nhau.

Lời mời của biển

Mời em một chuyến rong chơi
Thăm miền biển vắng thăm người cô đơn
Quanh hiu những lá hoa còn
Bình minh sương phủ, hoàng hôn sóng gào

Em về đây, ta có nhau
Trà chuyên đôi ẩm dạt dào ý thơ
Đường trần lối cũ mịt mờ
Công danh phù phiếm, dật dờ mộng tan

Em về đây, chấp lỡ làng
Kề vai sao rụng, mây quàng tóc thơm
Vườn xuân đã héo lại ươm
Gối chăn đã nguội hãy còn hồi sinh

Nâng niu nhóm ngọn lửa tình
Đốt trầm hương ủ mộng lành gấm hoa
Lắng nghe tiếng sóng vỗ òa
Trường thiên biển hát khúc ca bốn mùa

Sá gì sớm nắng chiều mưa

Trà chuyên đôi ẩm cũng thừa giấc say
Mời em thu xếp về đây
Hành trang xin nhớ chất đầy túi thơ.

PHẠM THU LIỄU
hư hao

chiều rơi nhạt hết sắc vàng
chùng theo nỗi nhớ ngập tràn
mông mênh

giọt sầu rụng thấm buồng tim
hắt hiu bóng ngả bên thềm
đợi mong

hoàng hôn lịm má môi hồng
xanh xao đêm với hư không
mệt nhoài

trăng soi hoang lạnh bờ vai
vẽ ngang chấn gối hình hài bơ vơ

canh thâu giấc ngủ thờ ơ
chập chờn mộng mị
trũng tro vũng buồn

đêm loang mãi chẳng cạn nguồn
chảy theo ký ức
ngập ngừng
trở trần

hồn nghiêng
gợn những bản khoảnh
nghe ray rút sóng
vỗ tình
hư hao

Phạm Thu Liễu
PhốBiển

XUÂN BÍCH

Vào thu

đi giữa ngày nay sao nhớ xưa
thu về đưa nắng chín sang mùa
nhớ hôm chiều xuống miền quê ấy
ta hỏi buồn không – em nói chưa...

trong khoảng mù sương ta nhớ xa
nhớ em và mùa lá quê nhà
gió thu mơn trớn nghiêng cành liễu
mì mắt em trầm theo tiếng ca

khi tuổi vừa men sang lớn khôn
say mê đèn sách thoáng vui buồn
vẫn trên bụi giảng vờ lơ đãng
để khỏi mềm môi khi khát hôn

những chuyện tình yêu như đó đây
như đêm thao thức nhớ ban ngày
như ngày mong mỗi chờ đêm tới
để gửi tình thư trên ngón tay

từ khoảng xanh xưa ta nhớ ta
qua mùa áo trận vắng sơn hà
những đêm xa xứ hồn dân tộc
đau ngất trong đời trên sắc da

biên giới vô hình ta biết nhau
chia từng vơ vát với sồn đau
say men lũ thú đêm miền lạ
tuổi nhỏ phù lưu sao lớn mau

từ những u hồn vương khắp nơi
mượn lời sông núi khắc bia đời
vinh danh lưu sử người em gái
và những chàng trai giữa đất trời

trong khoảng trần ai như nhớ dai
mỗi lần thu đến tím u hoài
quê hương xa lắm bao giờ tới
còn lại ngày mai ta nhớ ai...

Tùng Nguyên ***NHẠC SỸ CUNG TIẾN VỚI TÌNH THU***

Trong chu kỳ đổi thay thời tiết của vũ trụ thiên nhiên này ta bắt gặp Mùa Thu. Mỗi năm một lần, thu đến rồi thu đi, rồi thu lại đến để rồi lại giữ áo ra đi. Mỗi mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, đều có những sắc thái riêng biệt, song dường như chỉ với thu lòng người mang mang một mối hoài cảm vời vợi, băng khuâng. Những tâm hồn đa cảm không tránh khỏi buồn vương theo dư ảnh “lá đỏ muôn chiều, ôi lá úa”, “lá bay hàng xóm, lá bay sang” và như Xuân Diệu gọi lại cái lặng lẽ, u trầm, óng ả của thu:

*Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng
Đây mùa thu tới mùa thu tới
Vời áo mơ phai dệt lá vàng...*

Phải chăng vì thu đẹp, thu sang, từng sóng lá nhuộm màu thời gian xào xạc trên những khóm cây trong sân trường, nơi công viên hay bên bìa rừng và ý thu khơi gợi hồn người những xúc cảm, có khi vu vơ, huyễn hoặc, nhưng những băng quơ ấy dù không xác định vẫn tồn tại trong những rung cảm thực. Bởi chỉ có rung cảm thực và thu có đẹp thực mới cho ta những tình tự hoài thu:

*Những đêm lá rơi xào xạc
Tình yêu như giấc mơ hoang
Lối xưa chập chờn bóng đổ
Hồn lay đôi cánh lơ lửng....*

Người đời hoài thu có lẽ trong bốn mùa ta chỉ nghe có THU QUYẾN RŨ mà thôi. Trong đó Đoàn Chuẩn đã phải ca lên rằng:

*Anh mong chờ mùa thu
Dịu thế nhân vào chốn thiên thai
Và cánh chim ngập ngừng không muốn bay
Mùa thu quyến rũ anh rồi.....*

Thu có đẹp, có quyến rũ hay không, xin hãy nghe các nghệ sỹ nói chung và các nhạc sỹ, thi sỹ nói riêng, từ đông sang tây, từ Âu sang Á, và chỉ riêng Việt Nam thôi, đã có biết bao ngòi bút ca tụng vẻ đẹp mùa thu, bao nhiêu cây đàn và tiếng đàn cùng lời ca hát lên cho mùa thu. Tình thu vời vợi, ý thu lâng lâng, hồn thu mênh mang, và lòng thu chứa chan rung động. Mùa thu, mùa gọi cảm hơn hết; những cảm xúc mang chiều sâu kỷ niệm, u trầm trong ý nghĩ, xâm chiếm hồn người qua tiếng hát lời thơ. Mặc dù mang biệt danh ‘Vô Tình’ nhưng người thơ vẫn thấy riêng mình:

*Gió thu – tà áo tung bay
Mùi hương thoảng nhẹ nghe say tâm hồn*

rồi một Vĩnh Phúc qua lời thơ cũng cho ta một dung nhan trầm nhớ vẫn vương trên tà áo tím:

*Ngàn thu đau thương vương áo em màu tím
Nhuộm tím những chuỗi ngày vắng nhau.....*

Nói đến mùa thu, không mấy ai trong chúng ta không nghĩ tới và không muốn lắng tâm tư nghe những khúc ca tuyệt vời về thu. Trong số những nhạc sỹ tên tuổi với những sáng tác đề đời về thu không thể không nói đến Cung Tiến. Ông, tên gọi là Cung Thúc Tiến, sinh vào cuối năm 1938, tại Hà Nội. Thời gian còn ở bậc Trung học đã có cơ may theo học nhạc với hai nhạc sư nổi danh là Chung Quân và Thẩm Oánh. Ngoài ra từ 1957 đến 1963 du học tại Úc Đại Lợi về ngành Kinh Tế Học, ông cũng đã dành thì giờ tham dự các khóa về âm nhạc tại nhạc viện Sydney và sau này từ 1970 đến 1973 du học tại Cambridge, Anh quốc, cũng tham dự các khóa về nhạc lý hiện đại tại đây.

Cung Tiến, một nhạc sỹ nổi danh theo dòng nhạc Tiền Chiến. Điều đặc biệt muốn nói ở đây, ông là một nhạc sỹ trẻ và những sáng tác đầu tay khi mới 14 tuổi, vừa mới ‘trình làng’ đã được phổ biến sâu rộng và rất nhiều thính giả hâm mộ. Cung Tiến sáng tác không nhiều nhưng đều là những tác phẩm có giá trị cao. Hầu hết là những sáng tác sau năm 1954, trừ những ca khúc đầu tay viết trước đó. Thời gian ở hải ngoại, năm 1987 ông soạn tấu khúc CHINH PHỤ NGÂM cho 21 nhạc khí, trình diễn lần đầu tại San José, California vào tháng 3 năm 1988, và đoạt giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật. Năm 1993 TỔ KHÚC BẮC NINH được ông soạn cho giàn nhạc giao hưởng, năm 1997 soạn bản hợp ca nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập ca đoàn nổi tiếng quốc tế Dale Warland Singers, và rồi năm 2003 cho ra đời tác phẩm nhạc đương thời LỖ THỔ TỔ LIỄU BUÔNG MÀNH, viết theo điệu Dân Ca Quan Họ. Đồng thời ông cũng là hội viên Hội Nhạc Sỹ Sáng Tác ở Minneapolis, Minnesota.

Ngoài lãnh vực âm nhạc, Cung Tiến, với bút hiệu Thạch Chương, còn là nhà biên khảo và dịch thuật về Văn Học và Nhạc Dân Ca Việt Nam cũng như Nhạc Hiện Đại Tây Phương.

Với thu, trở về quá khứ một chút, ai đã từng ở Hà Nội trước kia mà không yêu mùa thu, xa Hà Nội mà không nhớ mùa thu. Cung Tiến hẳn nhiên là một trong những “ai” đó. Xa rời Hà Nội ngày ấy, mang theo mùa thu để viết lên ca khúc đầu tay tại Sài Gòn khi mới 13, 14 tuổi đời, ca khúc mang tựa đề THU VÀNG. Đây cũng là tác phẩm lưu danh muôn thuở tên người viết nhạc.

Mùa thu vàng lên sóng lá, huy hoàng cho không gian và chiều sâu ý nghĩ, màu thu vương nét đài trang nên có người như Xuân Diệu đã viết:

*Gió thu hoa cúc vàng lưng dậu
Sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên*

Trong nhạc bản THU VÀNG tác giả ghi mấy câu thơ của Thế Lữ như một sự đồng cảm nhuốm vào hồn thơ từ thuở nhỏ:

*Con gió thổi lá vàng rơi lác đác
Cùng rơi theo loạt nước động trên cành
Những cây khô đã chết cả màu xanh
Trong giây phút lạnh lung tê tái ấy!*

và một câu ngắn gọn mang dấu ấn của thời niên thiếu: “Ta, Hà Nội những ngày ầu thơ.” để rồi khi xa rời kinh đô ấy người ta bắt gặp một Cung Tiến:

*Chiều hôm qua lang thang trên đường
Hoàng hôn xuống chiều thắm muôn phương
Chiều hôm qua mình tôi băng khuâng
Có mùa thu về tơ vàng vương vương
Một mình đi lang thang trên đường
Buồn hiu hắt và nhớ băng khuâng.....*

Thu của Cung Tiến như có gì độc đáo, khác với THU QUYẾN RŨ của Đoàn Chuẩn, cũng không là BUỒN TÀN THU của Văn Cao, lại không là MÙA THU KHÔNG TRỞ LẠI của Phạm Trọng Cầu, cũng chẳng giống TIẾNG THU của Phạm Duy phổ thơ Lưu Trọng Lư với lời ca thiết tha:

*Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thốn thức*

*Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu*

ngược lại, với Ngô Thụy Miên trong MÙA THU CHO EM thì:

*Em có nghe mùa thu mưa giăng lá đổ
Em có nghe nai vàng hát khúc yêu đương
Và em có nghe khi mùa thu tới.....*

và rồi Nam Lộc lại hé cho ta tâm tình băng khuâng của mùa lá thuở tình học trò:

*Trưng Vương vắng xa anh rồi
Mùa thu đã qua một lần
Chợt nghe băng khuâng lá rơi đầy sân.....*

Thu của Cung Tiến mang niềm sâu nhớ mênh mông, những nhớ nhung vẫn vương tơ vàng trong không gian đầy những băng khuâng, diu gót lang thang.....đượm nét buồn thanh quý, đài trang.

Mặc dù là một nhà kinh tế học, nhưng những ca khúc của Cung Tiến không chỉ thích thú khi nghe mà còn thú vị khi thấy những nét đẹp kiều sa, trầm lắng, những hình ảnh xưa nhưng không cũ kỹ, đẹp mãi với thời gian, vì đó là cái đẹp nghệ thuật, qua tài năng dụng ngữ của nhà viết nhạc. Phải chăng vì Cung Tiến là nhạc sỹ nhưng rất yêu thơ mà trong thơ thường có những xao xuyến, băng khuâng, mơ hồ, lãng đãng và vu vơ. Trên bình diện này, Cung Tiến cho rằng những bài thơ hay tự nó đã có chỗ đứng trong văn học, song nếu đưa nhạc vô phụ họa hần sẽ có ảnh hưởng rộng lớn hơn vì đã trở nên ca khúc nghệ thuật (Art songs). Điển hình như nhạc khúc VẾT CHIM BAY, phổ thơ Phạm Thiên Thư:

*Ngày xưa tôi đón em
Nơi gác chuông chùa nọ
Con chim nào qua đó
Còn để dấu chân in
Tôi một mình gọi nhỏ
Chim ơi biết đâu tìm...*

Trên một bình diện nào đó nói Cung Tiến là nhạc sỹ của mùa thu cũng không ngoa, bởi ít nhiều gì giới mộ điệu đón nhận và hâm mộ tài năng của Cung Tiến cũng là do ở mùa thu. Thu của Cung Tiến không chỉ ở THU VÀNG mà tình thu, ý thu, hương thu và dáng thu còn phảng phất đó đây, ví như trong ĐÊM HOA ĐĂNG có “Nhạc

thu cao vút trời vui thể nhân....”. trong ĐÔI BỜ phổ thơ Quang Dũng, thu lại hiện về trong: “mắt kia em có sầu cô quạnh / khi chớm thu về một sớm mai.....”

Nếu trong THU VÀNG ta thấy một nghệ sỹ lang thang trong trời hoàng hôn “...chiều thăm muôn phương...” thì HOÀI CẢM lại hiện lên bóng dáng một Cung Tiến giữa trời quạnh hiu, mơ hồ nghe sóng lá vàng rơi mà tưởng như dư âm ngày nào dạt dào trong tâm tư. Những thanh âm ấy đã thi vị hóa cho thành “tiếng thu”; xào xạc lá rơi trên nường chiều và dáng người ngày xưa chợt về cho lòng cuồng điên vì nhớ:

Chiều buồn len lén tâm tư

Mơ hồ nghe lá thu mưa

Dạt dào tựa những âm xưa

Thiết tha ngân lên lời xưa

Quạnh hiu về thăm không gian

Ấm trầm như lặn vào hồn.....

Khi hoàng hôn lắng sau núi đồi vẫn thường là bối cảnh khơi lên niềm nhớ, hơn nữa lại là chiều mùa thu “lá rụng đầy sân”, giữa lúc một người đang nhớ một người. Từ đó dòng nhạc Cung Tiến đã hát lên khúc ca tình tự dân gian của con

người thật, con người trần thế mang trái tim nhân bản và tình yêu:

Buổi chiều chợt nhớ cố nhân

Sương buồn lắng qua hoàng hôn

Ôi đâu người đâu ân tình cũ

Tiết tấu trong HOÀI CẢM nghe chậm chậm như thấm vào đời, quện vào hồn, lắng sâu trong tâm tư. Ở tuổi đời niên thiếu mà viết nên ca khúc trữ tình như HOÀI CẢM quả là có khả năng thiên phú. Điều đáng ngạc nhiên là nếu như không nghe được những lời giải bày của tác giả thì mấy ai có thể nghĩ đây là một sáng tác hoàn toàn do tưởng tượng; khác với một số các nhạc sỹ khác là những lời ca thiết tha, những nhớ nhung đến cuồng điên ấy không cho ai, không vì một đối tượng nào có thực ngoài đời, có chăng là do ảo ảnh gây lên ấn tượng từ những áng thơ tình lãng mạn của các nhà thơ tiền chiến mà ông đã say mê đọc.

Tình ca Cung Tiến nhẹ nhàng ru ta về quê hương kỷ niệm với dĩ vãng mơ xa, với hẹn hò đầy đó thoáng qua vãn điệu ca dao. Những tình quê, tình người ấy lồng trong tiếng gọi HƯƠNG XƯA. Cũng như khúc ca HOÀI CẢM, HƯƠNG XƯA là tác phẩm điển hình cho nhạc Thính Phòng, loại nhạc thanh cao:

*Người ơi! một chiều nắng tơ vàng hiền hòa
hồn có mơ xa
Người ơi! đường xa lắm con đường về làng
đều mấy thuyền dò
Còn đó tiếng tre êm ru
Còn đó bóng đa hẹn hò
Còn đó những đêm sao mờ hồn ta
mênh mông nghe sáo vi vu.....
Người ơi còn nghe mãi tiếng ru êm
êm buồn trong ca dao.....*

Nói về nhạc sỹ Cung Tiến không thể không nói đến những sáng tác độc đáo, khó viết, khó hát, và nhất là khó thưởng thức, bởi ở tầm mức cao, khó nhận ra đó là nhạc hay thơ. Đây có thể nói nhạc Cung Tiến và thơ đã hòa nhập vào nhau. Điển hình như khi nghe trong LỆ ĐÁ XANH, phổ thơ Thanh Tâm Tuyền:

*Tôi biết những người sống lẻ loi
Hồn không nguôi, sầu không nguôi
Đời quên yên bình cho người
Đời không yên vui là đó
Lệ khóc không rơi ngoài hồn.....*

hoặc như trong ca khúc NGUYỆT CẨM, phổ thơ Xuân Diệu. Đây cũng là một tác phẩm tinh hoa của Nhạc Giao Hưởng, một tiết tấu tuyệt vời giữa nhạc và lời, trắng và nghệ sỹ:

*Trăng nhập vào giây cung nguyệt lạnh
Trăng thương trăng nhớ hơi trăng ngần
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân
Đêm mùa trăng ủa làm vỡ hồn ta
Ngập ngừng xa xuôi thu dồn lá ủa trôi qua.....*

Thông thường thì ai mà không có ít nhiều sở thích và Cung Tiến cũng không ngoại lệ, tuy nhiên, có lẽ âm nhạc vẫn là sở trường và là sở thích khởi đầu và sau cùng trong đời nhạc sỹ. Sự khác biệt giữa các sáng tác đầu tay và sau này có thể là do lúc đầu nhạc sỹ chỉ nghĩ đến viết nhạc phổ thông (popular songs) nhưng sau khi học hỏi về những kỹ năng hiện đại trong âm nhạc Tây phương và tìm hiểu rồi cảm nhận được những tinh hoa trong “âm giai ngũ cung” của Á Đông nên đã để tâm khai thác, áp dụng đặc điểm này trong sáng tác các nhạc bản sau này. Nhạc bản đầu tiên ông dùng âm giai nhạc dân tộc đó là ca khúc HOÀNG HẠC LẬU, do thi hào Vũ Hoàng Chương dịch thơ Thôi Hiệu đời Đường:

*Xưa cánh hạc bay vút bóng người
Nay lâu Hoàng Hạc chút thom rơi
Vàng tung cánh hạc bay bay mãi
Trắng một màu mây vạn vạn đời
Cây bến Hán Dương còn nắng chiếu
Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi
Gần xa chiều xuống đâu quê quán
Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi!*

Những tác phẩm của Cung Tiến phần lớn được sáng tác sau năm 1954, trừ mấy nhạc bản đầu tay viết trong thời học sinh và thường được trình bày trên đài phát thanh trong chương trình Tiếng Hát Sinh Viên, tuy nhiên điều đáng nói là thành công của tác giả ở chỗ hầu như chưa ai với tác phẩm đầu tay vừa mới ra đời đã được đón nhận nồng nhiệt như Cung Tiến, một nhà viết nhạc vị nghệ thuật, không vì mưu sinh. Qua những ca khúc của Cung Tiến người nghe không chỉ thưởng thức nhạc điệu mà còn cảm nhận được sự chọn lọc tuyệt vời về ngôn ngữ của lời ca như rót vào hồn. Xin cùng lắng nghe trong MẮT BIẾC, những hình ảnh vừa lãng mạn vừa băng khuâng, mới lạ:

*Tóc nghiêng bờ nắng
Vai buồn trơ vơ
Mắt xưa sâu vắng
Ôi mắt xưa lệ thấm....*

và rồi nữa, qua nhạc bản KẼ Ỏ (Mai chị về), nghe thiết tha bao tình, vắn vưng muôn chiều, đắm âm yêu thương, hình ảnh và tình thương quyện vào nhau:

*Mai chị về em gửi gì không?
Mai chị về nhớ má em hồng
Đường đi không gió lòng sao lạnh
Bụi vương ngang đầu mong nhớ mong
Quê chị về xa mù dậm xa
Rừng thu chiều xao xác cánh gà.....*

SONG AN CHÂU **Nắng thu phai**

Nhìn	màu	nắng	nhớ	dáng	em	trong	đó
Thướt	tha	chiều	lửa	hạ	đã	dần	phai
Anh	nhớ	em	nắng	thu	dịu	mát	này

Lòng	se	thất	từng	ngày	con	nắng	đỏ.
Mong	con	mưa	như	trưa	hè	năm	đỏ
Dưới	hiên	nhà	anh	quạt	mát	cho	em
Nay	thu	về	gió	lay	động	bức	rèm
Con	gió	mát	nhớ	em	ngày	xưa	ấy.
Nhớ	thu	xưa	em	hứng	gió	heo	may
Đùa	trong	nắng	nhật	từng	lá	thu	bay
Rồi	nhẹ	vuốt	để	ép	vào	trang	giấy
Mỗi	trang	thơ	anh	giữ	đến	hôm	nay.
Anh	nhớ	quá	chúng	mình	có	những	ngày
Tay	trong	tay	dưới	nắng	chiều	thơ	mộng
Châm	chậm	đi	bên	nhau	dọc	bờ	sông
Thì	thăm	nói	những	lời	yêu	triu	mến.
Nay	thu	về	vật	nắng	sớm	vừa	lên
Lòng	xao	xuyến	anh	nhớ	chiều	thu	ấy
Mắt	hoen	buồn	em	thỏ	thẻ	lời	thương
Em	lo	quá	những	mùa	thu	còn	lại...
Nắng	thu	về	đời	biết	có	đổi	thay
Có	xa	nhau	như	chiếc	lá	thu	này
Rời	thân	mẹ	đâu	có	ngày	trở	lại
Mong	tình	ta	không	như	lá	thu	bay.
Tôi	im	lặng	nghe	lòng	buồn	rười	rười
Nhìn	thấy	em	đôi	dòng	lệ	chảy	dài
Nay	thu	về,	nơi	phương	trời	viễn	xứ

Nhớ thương em, dòng lệ lại chảy dài...

Tình quê

Nay	tôi	rũ	áo	phong	sương
Nằm	nghe	tiếng	bên	đường	tê
Quê	huơng	chưa	một	lần	về
Nhớ	thương	đứt	tình	quê	dâng
Xa	quê	nhớ	mới	năm	nào
Lần	tay	tính	lại...	mà	quá

buồn.

Giọt	sầu	như	thể	mưa	tuôn
Thân	côi,	lạnh	giá	vẫn	nhà
Xa	quê	nhớ	mẹ	thương	quê
Nhớ	con	đường	cũ	đi	đã
Sấn	khoai	mẹ	đã	ra	cánh
Nay	con	xa	xứ	ai	trông
					mẹ
					oi!

Giờ	con	lưu	lạc	phương	trời
Núi	sông	cách	biệt...bờ	bờ	lòng
Tình	quê	nay	vẫn	dạt	đau.
					dào

Con mong tái ngộ ngày nào Mẹ ơi!

Ngày về quê cũ hoài mong ...

Người				đi
mắt		hút	mây	ngàn
Thời		gian	nhìn	lại
thu		sang	mấy	mùa.

Hoàng				hôn
nắng		nhật	chiều	mưa
Người đi, đi mãi				
nhưng chưa ngày về...				
Bao năm				
viễn		xứ	xa	quê
Thân côi, bóng lẻ				
ngày về hoài mong.				

Niềm đau
chan chứa trong lòng
Tiếng ai than khóc
nghe trong mây chiều.

.....

Ngày về				
quê		cũ	buồn	hiu
Nhà		xưa	nay	đã
tiêu				điều...
xót xa !				

CÁI TRỌNG TY

Phù trường

về đây vẽ lại thời cung kiếm
tìm lại đường guom thép hóa bùn
biên cương muôn dặm hồn tử sĩ
tổ quốc tôi ơi
xé ruột bầm gan

thương lá tiêu vong rụng vườn nguyệt tán
mệnh số hờn căm giọt lệ mây tàn
đêm mưa nghe chuyện người hóa thạch
vay vốn oan khiên món nợ luân hồi
cây vô sản thấm qua hồn độc dược
nắng lặn dài trên ghế một buồn hiu
phố cũ đèn xưa ta về lạ mặt
ngồi quán phủ thừa xếp đá vườn cam
hoang đường mộng mị
ghé bãi phù trường thiên đường đóng gói
về đâu đây giữa chiều ba mươi
về chi năm tận tháng cùng
tết cô độc chốn quê nhà xa lạ
rưng rưng nhớ mẹ nôi bánh tét
bếp lửa giao thừa cay đắng mậu thân
về đây ngồi lại nhìn lãng miếu
tìm lại hình ta thành quách thâm u
tìm lại đường em mưa bụi giăng mù
về chi núi ngự tàn thân thế
ta của ngày xưa bạc số phần
lìa xa bản quán tình lưu lạc
đau đầu lòng quê chớp bể bờ đông
về nghe sợi chỉ đỏ xuyên suốt

Bên sông Tuy Hòa

những luồng hồng bên sông Tuy hòa
em sắm soi từng cánh mỏng
chờ suốt mùa hè lên môi son
em hái trộm vài cành gai nhọn
trao cho người ngày đó em đi

hình như chiều đang giông tới
tiếng sấm xa nghe vọng trong hồn
nghe hơi đông về cánh đồng lúa gặt
bước chân nào vội quá dứt quai mang

mai em đi
chuyến xe vào Nha Trang sớm
những cơn bão mùa
phố nhỏ đèn khuya
anh buồn rầu đi dưới hàng hiên
cơn gió lạnh chạy dài se sắt
một đêm xưa
kiếm tìm ngôi nhà cũ
nơi ngã tư phố vắng đèn đêm
màu đỏ hoa ti gôn
rụng đầy trí nhớ
ngọn đèn pha loé sáng quét chân trời
đôi mắt đèn chong
Tháp Nhạn thức canh ba
chân tai kiếp dẫm lên đời hóa thú
dưới sông Đà mầm tai họa ai hay

đêm ấy sáng trăng
địch chưa pháo về đây
chúng ta sống trong một thời điên đảo
tình em cho bằng đáp những mơ đời

Đà Lạt mù sương cội thông già
cuộc tình ta như còn như mất
những đảo mây trôi khuất rặng Lâm Viên

cúi nhìn sông nước sông ra biển
tình thả trôi mái sóng lênh đênh
lá hoài hương rụng vườn đưa tiễn
gắm cho cùng thời thế cuồng điên
khói chiều cao ngất bên kia núi
trời Di Linh mưa ướt tháng mười hai
những gió bắp rừng lướt mềm trí nhớ

quán bên đường thơm đọt mía lau
chuyên xe đêm trừ tịch khói bánh chưng
em cúng Tết mùi hương trầm quện gió

Yên Sơn

KÝ ỨC

Bây giờ đang là tháng cuối của mùa Hè Texas.

Sáng sớm Chủ Nhật, cả rừng thông Kingwood đứng mơ màng trong lớp sương rất mỏng, xám đục. Cả lũ ve sầu dường như cũng đang mơ ngủ. Sáng hôm nay thời tiết rất thu, không hừng hực nóng như buổi sáng hôm qua. Tôi xem xét chiếc xe đạp đã nằm yên trong nhà chứa xe từ bao nhiêu tháng qua, bôm hơi thêm và đạp về hướng Green Belt

Không biết có nơi nào ở Texas giống như ở Vùng Kingwood, nơi tôi cư ngụ hơn 20 năm qua hay không? Ở đây, người ta thiết lập một hệ thống Green Belt để cho cư dân trong vùng sử dụng vào các việc tập thể dục trong ngày, dắt chó đi bộ hoặc chạy bộ, chạy xe đạp. Người dắt chó đi chơi phải mang theo bao rác nhỏ dùng vào việc giữ vệ sinh chung cho môi trường. Green Belt là một hệ thống con đường nhỏ cong queo dài như vô tận, nối liền tất cả các khu nhà trong vùng lại với nhau, nếu đạp xe đạp cả ngày có lẽ cũng không hết. Toàn bộ con đường lát xi-măng sạch sẽ, màu xám xám, rộng hơn một thước tây, uốn lượn trong từng khoảng rừng thu hẹp giữa các khu gia cư, cây cỏ được cắt xén bảo trì thường xuyên, thỉnh thoảng năm ba tuần thấy có anh cảnh sát đạp xe đạp dọc theo đường để duy trì an ninh, trật tự. Dù vậy, bao nhiêu năm chúng tôi sinh sống ở đây chưa hề nghe thấy bất cứ một vấn đề gì về Green Belt, có chăng chỉ một vài than phiền về ai đó dắt chó đi chơi quên mang theo bọc rác. Suốt đường đi bóng cây rừng rợp mát rất đẹp, nhất là vào dịp mùa Xuân hoa dại đây đó nhiều màu sắc. Dân cư Vùng Kingwood càng ngày càng tăng trưởng. Hiện có đến cả trăm ngàn dân. Kingwood vốn là một thành phố riêng biệt nhưng hơn 10 năm qua bị Houston cưỡng bức sáp nhập mặc cho dân chúng trong vùng quyết liệt phản đối. Những vụ kiện đòi độc lập đối với Houston vẫn tiến hành nhưng có lẽ cũng chẳng đi về đâu.

Suốt dọc hai bên đường Green Belt xe đạp chạy qua, hậu quả mùa hè năm trước còn nhan nhản là những cành gãy, cây khô đã được cắt bỏ, chất từng đống gọn gàng. Nhìn từng đống gỗ tự nhiên lòng tôi buồn quá đỗi! Nỗi buồn kéo tuột tôi về một dĩ vãng xa xôi nhưng lúc nào cũng chực chờ trong tiềm thức. Những bụi khói của rơm rạ, mo nan, lá mía khô... đã bao lần làm cay mắt mẹ khi nấu ăn trong suốt những tháng năm nghèo túng năm xưa đang làm cay mắt tôi lúc này. Tôi cũng nhớ tôi đã nhiều lần góp phần đi tìm củi để nấu cơm! Củi ở đâu mà tìm trong khi rừng thì xa, xe đạp không có?! Ngoài việc lượm mo nan, gom lá tre, lá mía hoặc cành khô ở mấy lùm tre chung quanh làng, nhặt một ít rơm rạ còn sót lại ở ngoài ruộng sau các vụ

mùa! Có một lần Mẹ sai tôi đi tìm củi vì cây rom sau nhà đã gần cạn. Chỉ nghe biểu đi tìm củi mà không chỉ cho tôi tìm nơi đâu! Loanh quanh trong xóm cả buổi không tìm được lại gặp lũ bạn rủ nhau tắm sông, chơi đá banh, đánh đáo, cút bắt cả buổi chiều. Tuổi còn bé ai mà không ham chơi? Khi trời sẩm tối mới giật mình là phải có củi về nhà. Tôi thật sự lo sợ không biết làm sao, cứ đi lang thang chưa dám về. Bỗng nhiên lòng mừng khắp khởi khi thấy có một hàng rào gỗ của nhà hàng xóm có cây cột gỗ nhỏ đứng trơ trụi, ngả nghiêng... Ngó trước ngó sau không thấy bóng dáng ai, tôi vận dụng cơ bắp nhỏ xíu trộn với mồ hôi kéo lên hăm hở mang về! Tưởng sẽ thoát khỏi bị rầy la việc đi chơi cả buổi, ai nê mới vào đến sân đã thấy Mẹ tôi đứng trước cửa, tay cầm cây roi nhịp nhịp, hỏi cây gỗ lấy ở đâu, tôi co rúm người nói thật... bị Mẹ quát cho mấy roi rồi bắt tôi vác cây gỗ theo Mẹ tới nhà ông Nghị hàng xóm xin lỗi và trả lại. Ông hàng xóm quá ác còn xúi Mẹ tôi nhịp thêm vài roi vào mông nữa, rồi bắt tôi hôm sau phải trở lại đào lỗ chôn xuống đàng hoàng! Trên đường về Mẹ còn dặn đi dặn lại từ nay trở về sau đừng bao giờ lấy bất cứ cái gì của người khác nếu không có sự đồng ý.

Nói tới cây rom, tôi lại nhớ cái khuôn mặt nhỏ xíu của nhỏ Lan, con ông Sáu Hòe ở gần nhà. Vâng, con nhỏ đáng ghét nhỏ hơn tôi, cũng xấp xỉ tuổi tôi mà sao nó lanh đáo để. Lúc nào cũng hành xử như chị người ta không bằng! Trong xóm có một lũ 5, 6 đứa con trai lẫn con gái thường chơi đùa với nhau, không biết sao đứa nào cũng coi nó như là một thủ lĩnh. Và tôi cũng tình nguyện nghe theo nó bất cứ việc gì; có lẽ vì nể sự bậm trợn của nó, cũng có thể vì nó trắng da dài tóc, nhất là nó hay lúi khoai lang để dành cho tôi sau những lần đi học về. Trong lớp nó ngồi với lũ con gái ngay trước bàn tôi. Nó giỏi văn tôi giỏi toán nên giúp đỡ nhau khi cần thiết. Có một lần tôi mang họa cũng vì nó. Đó là một ngày đẹp trời trong giờ văn, tôi nghịch lên cột hai tà áo dài của hai đứa con gái với nhau, khi một đứa đứng dậy đi nộp bài... hai chiếc áo bị té rách một phần, hai đứa ôm bụng khóc thét lên. Thằng bạn ngồi một bên sợ bị phạt lây nên tố giác liền với Thầy giáo! Thế là tôi bị Thầy bắt quỳ gối, úp mặt vào tường, quát cho năm thước báng tê mông. Thầy bảo hai đứa con gái đi học về đem áo tới nhà cho Mẹ tôi sửa lại và phạt cấm túc hai hôm! Trên đường về tôi năn nỉ cả hai đứa nó đừng mang áo tới nhà bắt đền, nếu không thì tôi bị đánh đòn đau tôi sẽ nghỉ chơi với tụi nó, tôi sẽ không giúp toán tụi nó nữa! Vậy mà nó im re chỉ thì thầm với con bé kia làm tôi sợ điếng người! Về gần tới nhà nó mới tuyên án rằng tha! Tôi mừng quá ôm chầm lấy nó, chưa kịp nói chữ cảm ơn, nó la bài hãi đẩy tôi ra rồi chạy biến dạng về nhà! Hôm sau tôi phải giả bệnh ở nhà hai hôm, còn nó thì vẫn làm mặt giận; được cái, hai ngày tôi bị cấm túc nó chép giùm bài đem về cho tôi đầy đủ nhưng đưa bài xong với lời dặn thì biến mất liền.

Nhưng chỉ sau đó vài tuần nó lại rủ chơi cút bắt sau khi đi học về. Lũ chúng tôi 3 đứa bị nó chia phe. Nó nói để cho công bằng mỗi bên một trai một gái. Nó bắt tôi vào phe của nó đi trốn mặc dầu tôi phản đối muốn ở khác phe - vì tôi tính trước nếu tôi thắng nó tôi sẽ bắt nó còng tôi đi một vòng. Nó bảo tôi chạy theo nó trốn ở góc

rom sau vườn. Tôi bảo mỗi đứa trốn một nơi kéo tụi kia để bắt được cả hai. Nó nắm tay tôi kéo ghệt moi cây rom chui vào, lấy rom che kín mít. Chúng tôi nằm im thin thít, hồi hộp một lúc khá lâu nhưng không nghe động tĩnh gì hết, tôi nghĩ hai đứa kia chịu thua rồi nên tính chui ra, nó kéo lại và ôm ghì tôi không nhúc nhích được. Trong khoảnh khắc thăng thốt đó nó hôn vội lên môi tôi ướt nhẹp rồi chạy tuốt tìm hai đứa kia bắt công trên lưng!

Và cũng từ hôm đó càng ngày nó càng xa cách hơn. Cho tới năm sau khi sinh hoạt ở chùa. Trong đêm tập văn nghệ nó bỗng dừng than mệt và kêu nhúc đầu. Nó nhờ tôi hỏi mượn chai dầu cù là của Thầy đem vào phòng cho nó. Nó nằm rên hừ hừ, biểu tôi xúc lên hai bên thái dương, chà xát nhẹ nhẹ, rồi tới sau ót... xong nó nằm sấp xuống biểu tôi thò tay vào bên trong bóp chung quanh đốt xương thứ sáu giùm nó?! Tôi hơi mắc cỡ nói với nó tôi ra nhờ chị trưởng đoàn; nó không chịu, nói tay con trai mạnh bóp tốt hơn! Tôi chột dạ làm theo lời chỉ dẫn của nó. Bàn tay tôi run run thọc sâu vào lưng áo... ôi da thịt con gái mát rượi chuyền hơi lạnh vào tận tim tôi! Thật tình tôi không biết đốt thứ sáu nằm ở đâu, mà ai dạy cho nó phải bóp đốt thứ sáu? Vì thế tôi cứ bóp tới bóp lui vớ vẩn mà sao nó cũng nằm im re không rên như trước nữa. Tôi cảm nhận nó cũng đang run như tôi. Đó là lần đầu tiên lòng tôi biết rạo rực, rung động! Cứ thế, cả hai im lặng được một lúc khá lâu tôi tiếc nuôi lấy tay ra, hít một hơi dài lấy lại bình tĩnh, rồi không ai nói với ai thêm một lời nào nữa, nó có vẻ bẽn lẽn còn tôi thì bối rối, thuận chân bước ra ngoài, ngo ngo trước ngo sau rồi chạy một mạch về nhà như tên ăn vụng!

Đó cũng là lần sau cùng tôi và nó có những khoảnh khắc riêng tư với nhau. Năm sau, tôi theo gia đình vào Nam lập nghiệp trong khi Ba Mẹ nó nhất định ở lại với đất hương hỏa khô cằn sỏi đá! Hôm tiễn tôi lên đường, trong lúc người lớn bận rộn hành trang, nó đến bên tôi với đôi mắt đầy lệ, méu máo dạn dò xong ôm vội tôi thật chặt rồi chạy mất. Khi xe lăn bánh tôi dõi mắt tìm, thấy nó lấp ló đứng ở góc nhà khóc suốt suốt vẫy tay từ biệt!

Mỗi tình cảm thơ ngây đó đã theo tôi suốt một quãng đời ấu thơ cho dù những tất bật của đời sống mới có làm cho đầu óc tôi què quặt. Qua bao nhiêu thăng trầm với cuộc sống, tôi và nó không còn dịp nào để gặp lại nhau. Lời hẹn ước trở về thăm không bao giờ có thể thực hiện được dù thỉnh thoảng tôi vẫn nhớ nghĩ về nó.

Tôi lại nghĩ tới những gian lao của thuở ban đầu ở một nơi gọi là “đình điền” - Đây là chính sách khẩn hoang lập ấp của Tổng Thống Ngô Đình Diệm muốn đưa dân Miền Trung vào những nơi trù phú nhưng rừng núi bạt ngàn để xây dựng cuộc sống mới. Ban đầu kêu gọi, khuyến khích di dân tình nguyện. Nghe Ba Mẹ tôi thảo luận với nhau rằng 6 đứa con cần có tương lai mà đất hương hỏa không còn đủ cho nhiều thế hệ về sau; rằng đây là cơ hội hiếm có... Mặc dù Ba Mẹ có thảo luận với chúng tôi, mặc dù chúng tôi không muốn xa trường, xa bạn nhưng Ba Mẹ tôi đã quyết định tạo dựng tương lai cho chúng tôi nên đã trở thành gia đình đầu tiên ghi danh cùng với một số bạn bè có cùng hoàn cảnh.

Nơi gia đình chúng tôi và một số người đầu tiên sẽ đến là Xã Võ Đất, Huyện Đức Linh, kéo dài từ biên giới thị trấn Gia Ray qua hết Mepu, tây giáp Định Quán, Lâm Đồng, đông giáp tỉnh lỵ Bình Tuy nhìn ra biển Đông.

Bắt đầu từ con lộ đất đỏ duy nhất đầy bụi mù, xuyên qua mấy chục cây số rừng rậm; con đường chỉ vừa cho một chiếc xe đi qua. Một đoàn xe vận tải, khoảng 10 chiếc, từ Quảng Ngãi chạy vào qua ngã ba Gia Ray, tới một khu gọi là Võ Đất thì dừng lại. Đó là một buổi chiều tối, ánh sáng lù mù, cảnh vật chung quanh trông rất hoang sơ tiêu điều. Hai bên con lộ vừa được ủi thẳng tắp không bao lâu, màu đất đỏ hầy còn rất mới, là hai dãy nhà lợp xúp vừa mới cất bằng cây rừng, rất đơn sơ với mái và vách che toàn bằng lá làm nón, chen lẫn giữa muôn trùng gốc cây lớn nhỏ bị xe ủi đất ủi đứt lưng chừng, lổm chổm, nghiêng nghiêng chia xéo lên trời. Ba tôi là người đầu tiên rời khỏi cabin của chiếc xe vận tải đầu đàn, đặt chân xuống mặt đất xa lạ sau gần ba ngày di chuyển miệt mài trên một chặng đường dài như vô tận, khởi đi từ miền đất khô cằn sỏi đá miền Trung. Tiếp theo là những gia đình bè bạn cùng làng, cùng xóm với ông, rời Quảng Ngãi thân yêu để vào đây, quyết tâm xây dựng một đời sống tốt đẹp hơn cho gia đình và tìm kiếm một tương lai sáng lạn hơn cho con cháu.

Nguyên cả vùng này, Võ Đất khởi đầu là một vùng rừng núi bạt ngàn, những thảo nguyên mênh mông, với nhiều chim muông và thú dữ, cùng với con sông La Ngà, ngọn đồi Bảo Đại, và dãy Núi Dinh chìm khuất sau những rừng cây rậm lá. Đi sâu vào rừng, có khoảng vài chục gia đình người thiểu số sinh sống, rất rải rác, bằng nghề săn bắn và trồng lúa trên rẫy...

Tôi vẫn nhớ những ngày đầu tiên phải đi tìm nước vì nước máy chứa đựng rất nhiều phen và màu đỏ của đất mà các gia đình thay phiên bơm xả bớt mỗi ngày trước khi lấy. Đã vậy, bao nhiêu gia đình mà chỉ có hai giếng nước nên mỗi lần lấy được quả là trần ai! Anh em chúng tôi phải đi bộ ra suối khá xa nhà để lấy nước về. Suối nước trong veo, mát lạnh. Mỗi lần đi lấy nước là chúng tôi có cơ hội bơi lội rất thoải mái ở hạ nguồn trước khi đem nước về... Ôi tuổi trẻ vô tư! Bây giờ nghĩ lại thấy thương, thấy thèm!

Đầu thập niên 1990's tôi có việc gia đình cần kíp nên phải trở lại Việt Nam. Sau khi giải quyết việc gia đình, còn lại mấy ngày tôi quyết định đi xe đò về thăm lại Miền Trung, thăm họ hàng sau bao năm dài xa cách. Họ hàng thì đông vô số kể mà thời gian và phương tiện quá hạn hẹp; vì thế, tôi không thông báo cho bất cứ ai. Tôi về thẳng nhà thờ chính ở Mỹ Khê lạy mừng Tiên Tổ (lúc này Tổ đường của Giòng Họ chưa được xây dựng tươm tất như bây giờ); xong nhờ người thân đưa đi thăm một số bà con rất giới hạn; tôi xin những bà con tôi đến thăm đừng tiết lộ về việc tôi đã về đến đây để tránh bị rầy la. Tôi về thăm căn nhà ngày thơ ấu bây giờ gia đình Chú Út của tôi đang ở, trực nhớ đến... "con" Lan con ông Sáu Hòe hàng xóm. Hỏi thăm mấy đứa em con Chú, đứa nọ ngó đứa kia cười nói không biết. Tôi được Hạnh, con gái đầu của chú Út đưa tôi tới ngôi trường ngày xưa theo yêu cầu. Ngôi trường

không còn dáng vẻ xưa cũ nữa mà đã được xây cất nề nếp. Theo Hạnh, ngôi trường đã được xây cất lại trước 1975, sau này có tu bổ thêm một ít. Nhìn ngôi trường thân yêu lòng tôi chùng xuống cùng với dĩ vãng hiện về. Con đường ngày xưa tôi đi học dường như khá dài sao bây giờ chỉ cách một khoảng ngắn. Tôi ngỡ ngàng hỏi Hạnh thì nó bảo vẫn chỗ cũ. Xóm làng xưa bây giờ cũng khác lạ quá chừng! Tôi không tìm được những lũy tre xanh quanh làng; không tìm được những con đường, những ruộng mía, những nơi tôi từng chơi đùa với bạn bè. Con sông ngày xưa với bao nhiêu kỷ niệm, cách xa nhà một khoảng đất mênh mông bây giờ đã lấn sát bên sân sau vì bên bồi bên lở!

Tôi đang dùng cơm chiều với gia đình Chú thì Bé Nga, con của Hạnh vào cho biết là “Dì Lan” con ông Sáu Hòe vừa tới cửa nhà xong quẹo xe chạy đi. Quẹo gấp quá bị té trầy cả chân nhưng cũng lỉnh quỳnh lên xe phóng mất rồi! Hỏi ra mới biết là các em đã âm thầm báo tin cho Lan... Thật bất ngờ làm tôi vừa bối rối vừa hồi hộp!

Sau bữa cơm, tôi đi với Hạnh đến nhà Lan. Honda chạy khoảng mười phút. Cửa trước không đóng nhưng Hạnh cũng gõ vào vách, thấy đứa con trai nhỏ ra chào dì rồi dắt chúng tôi vào nhà. Đứa bé nói bà Ngoại đang đau chân nằm trong phòng. Tôi hồi hộp, lúng túng không biết làm gì. Hạnh bước vào phòng thăm Lan, tôi dợm bước theo bị Hạnh ra dấu chặn lại. Một lát sau Hạnh trở ra biểu tôi cùng đi về. Dọc đường Hạnh nói với tôi “chị Lan nói biết tin anh về mừng lắm, tính chạy tới thăm nhưng bây giờ thì không muốn gặp anh nữa. Chị Lan nói sợ anh thất vọng khi nhìn thấy chị; chị nói anh cứ giữ những hình ảnh tốt đẹp trong lòng là đủ rồi!” Lòng tôi bồi hồi thương cảm, nói với Hạnh là tôi muốn gặp lại thăm chị Lan và gia đình. Hạnh nói, “em đã năn nỉ chị Lan giùm anh rồi nhưng chị đã cương quyết không muốn gặp anh”. Tôi không thể làm liều nên đành chấp nhận dù trong lòng bứt rứt cả đêm dài. Sáng hôm sau, tôi ra tỉnh sớm để đón xe đò trở lại Saigon sau khi nhờ Hạnh gửi tặng gia đình Lan một món quà nhỏ.

Đã hơn năm mươi mùa xuân qua! Ôi tuổi trẻ vô tư! Bây giờ nghĩ lại thấy thương, thấy thèm! Những tân khổ của một đời sống mới sau khi vào Nam đã dẫn dắt, đưa đẩy tôi trôi dạt ở chốn này để nhớ về nơi chốn cũ, kỷ niệm xưa với lòng biết ơn sâu sắc đối với Ba Mẹ tôi và để yêu thương một đất nước tội tình, nơi mà đồng bào tôi đang sống quần quai dưới ách cai trị của tập đoàn bắc bộ phủ “hèn với giặc, ác với dân”!!!

Dường như tôi đã chạy quá xa khi mãi mê với những dòng ký ức! Nắng đã lên cao dù con đường Green Belt vẫn mát mẻ một cách hấp dẫn. Phải mất hơn tiếng đồng hồ tôi mới đạp về đến nhà. Pha cho tôi một ly cà phê rồi ngồi xuống ghi lại dòng tư tưởng ngọt ngào đã tràn ngập lòng tôi trong buổi sáng dịu êm của những ngày cuối hạ.

SONGTHY

Vàng trắng thiếu phụ

(Viết cho bốn vàng trắng Sang Thảo Oanh Lan)

Trăng xưa ấy rạng ngời tươi trẻ
ngân ngơ nhìn dáng vẽ Nghê Thường
bước chân chim lòng thoáng vẩn vương
trăng đôi tám ngập ngừng e ấp

Trăng đêm nay có sao hiu quạnh!
vàng trắng xưa luống chạnh nhớ nhung
thoáng cô đơn xa cách nghìn trùng
vàng trắng đó để lòng nhung nhớ

Vàng trắng hồi chứng lời thệ nguyện
sao hững hờ nghe chuyện con tim
thời gian ơi, đánh mất đâu tìm
hình bóng cũ êm đêm ngày ấy
Trăng chênh vênh rơi qua kẽ lá
Dáng hao gầy trăng thiếu phụ chờ vơ!!!
Trăng rơi xuống bụi trúc già run rẩy
Trút ngậm ngùi trên từng nhánh thơ đau

Nghe như thể tiếng than từ đồng vọng
Dấu tích đời còn đó những tang thương.

LUÂN TÂM

Không mòn mưa môi

Nửa đêm cào tuyết đá đông
Thơ ngây thơ mộng thơ hồng thơ xanh
Hồn quê hương áo dãi dành
Con thơ hoa mộng tình anh quê người
Đi đội đá về vá trời
Chôn nhau lở cắt rún bồi ca dao
Vô cùng đêm thánh nôn nao
Em thơ trắng cánh chiêm bao học trò
Tương tư tròn kiếm vòng vo
Mười năm nắng hạn gọi đò hoa mưa
Hoa sương sớm hoa nắng trưa

Hoa ngậm ngải bướm ăn buà tinh hoa
Xây nhà mẹ mở nước cha
Đời non lấp bể phù sa ruộng vườn
Buồn trôi vui nổi văn chương
Lần mò vọng cổ cải lương chín muồi
Hoa thơm hoa ngọt hoa cười
Hoa tình hoa nghĩa hoa tươi hoa đào
Hoa chanh hoa bưởi hoa cau
Hoa mơ hoa mận hoa chào hoa hôn
Hoa căng tròn bướm vòng tròn...
Mưa môi...

Cho hồng em thơ

Thương ơi...
Trăng còn hồng thơm môi em thơ
Gió còn hồng thơm gót em mơ
Mây còn hồng thơm em áo mộng
Nắng còn hồng thơm hoa em chờ
Bể còn hồng thơm suối tình anh
Núi còn hồng thơm sông đổ dành
Trời còn hồng thơm hương tình muộn
Đất còn hồng thơm dựng lều tranh
Em còn hồng thơm đoá tân hôn
Anh còn hồng thơm lửa than non
Nước còn hồng thơm chim hồng lạc
Mật còn hồng thơm sữa trắng non
Giấy còn hồng mực bông con
Trăm năm bia đá thời mòn còn mơ
Ngàn năm tình sử tình thơ
Hồn quê hương áo dựng cờ ca dao
Không nghìn trước không nghìn sau...
Thương ơi...

TÚY HÀ ***Một mình***

Ngồi một mình
lặng nghe gió thổi
râm ran

từ cõi mơ hồ ký ức
hay từ trần trở
gió, gió đẩy đưa
từng cơn nóng lạnh
lạnh hoang vu
nóng sa mạc cháy
rát mặt người
đang tự cầm tù
trong nỗi nhớ trăm năm
hồn tử
gió và gió
gió tứ bề thổi thốc
em ơi gió về
em ở đâu
có còn biết gió
gió đi đâu và sẽ về đâu
anh vẫn bên triền vực nhớ
chờ gió em về
mặt tuyết băng.

Gió đi qua
suối hồ
sông núi
qua đại dương cuồng nộ
gió ngất ngư
như em
đi qua đời vội vã
gót chân son từa máu
thể xác dập vùi
và tâm hồn đông cứng
gió em chỉ là
cơn gió mộng du.

Anh vẫn chờ
gió phù du
bên triền vực hận
chờ em
chờ gió
ta qua cửa luân hồi.
ta sẽ trở về nhập thể

trong ký ức xanh xao
với tâm hồn con trẻ
sẽ không còn hỏi gió
đi đâu
về đâu.

Nhưng gió vẫn liu riu
gợn mặt hồ thương nhớ
vì xe luân hồi chưa trọn hành trình
em
gió
trong ly rượu cạn
vẫn ngày ngật anh.

Ngoài kia
đời gió nổi
vẫn lớp lớp bầm dập
vẫn chất ngất cuồng si
em đi qua cửa gió
khép hộ anh
nổi nhớ không rời.

DẠDUNGVŨ

Một thoáng

Một thoáng gọi anh trong tĩnh lặng
Bao khát khao ray rứt nỗi đợi chờ
Trong ly ti tế bào thoi thóp thở
Mỗi vuông da sớ thịt vấy vùng hơn

Cho tôi yêu dấu cô đơn trầm lắng
Cho tôi thở dấu vết tích tội đồ
Nụ hôn xa tôi cô đọng hững hờ
Dấu chấm phết cho câu duyên kì ngộ

Dòng sông say con nước chảy lờ đờ
Đêm tĩnh mịch bao dung từng hơi thở
Ta trao nhau dòng thơ tình cuồng tận
Có mà không cứ như thật... phỉnh phờ

Anh yêu nhé! hãy nằm yên tĩnh lặng
Mắt khép hờ mơ mộng với nàng trắng
Đêm kiêu diễm nâng niu vùng thánh thể
Chờ nơi ấy, phone mail em trao tặng

(Dạ Dung gửi th.)

TRẦN YÊN THUY

Đoản khúc mưa

Cơn mưa đổ... bỗng thấy lòng cô quạnh
Nghe tiếng rơi, ký ức chợt tràn về.
Ôm hoài niệm, băng khuâng như nước nở
Khúc mưa buồn, tê lạnh buốt tâm tư.
Mưa mang tới những nỗi niềm nhung nhớ
Ta ngây ngô, đứng đợi trước hiên nhà.
Chờ dưới mưa, bao lần ta tự hỏi,
Không thấy nhau, lòng có thấy hoang liêu.
Đường anh đi, bây giờ không còn nắng,
Có mưa thôi, đen tối một góc trời.
Anh chơi vui, gọi em sao chẳng thấy,
Em nơi đâu? Trong bóng tối đêm sâu.
Mưa chợt đến, bất ngờ không nói trước,
Rồi chợt đi, cũng rất thật vội vàng.
Có phải ta? khách trọ nợ trần gian,
Ném nỗi buồn theo mưa trôi vô nghĩa.
Dù đã biết, mưa đời mệnh mông lăm
Nhưng xin mưa, mang lại chút yên bình.
Và vẫn biết, đau buồn trong thương nhớ
Vẫn mong người, giữ hẹn đợi chờ nhau.
Xin thời gian xoa dịu những vết đau,
Cho nước mắt trôi theo giòng mưa đổ.

Tiếng

đàn

đêm.

Tiếng

đàn

bầu

đêm

khuya

rung

réo

rất

ru

lòng

người

sênh,	phách,	nhịp...	thời	gian
nghe		bi		oán
từ	nữa	đời	lỡ	vận
tự		trách		mình
hay	trách	cuộc	đòi	này
tàn		cuộc		chiến
người	như		thànhhoang	phế
đề		đêm		đêm
tự	sự	với	phím	buồn
bên		gác		lạnh
chờ	xuông	câu	về	bến
tự		nhủ		thầm
khi	nào	có	binh	minh
vẫn		còn		bảo
rótrời	sau		chiến	cuộc
vết		thương		lòng
còn	đó	những	thiệt	hơn

của người bị bỏ quên
bên chiến tuyến
hay cho tôi
đã mất một góc đời

tiếng đàn đêm
vẳng nghe trầm uất
tiếng lòng tôi
đau nhức tự bao giờ.

KIM OANH

Xin

Một

Lần....

Một	lần	nào	em	lại	gặp	anh
Đôi	mắt	ám	vẫn	hoài	lưu	luyến
Gặp	một	bữa	lòng	em	xao	xuyến
Tan	học	về...	bóng	quyện	bóng	trưa

Trời	nắng	hạ	chẳng	một	giọt	mưa
Em	run	rét	mắt	vừa	chạm	mắt
Ngọn	lửa	bừng	xin	đừng	dập	tắt
Sưởi	ấm	tim	lạnh	ngắt	hộ	em

Đêm	bao	đêm	thao	thức	qua	rèm
Đôi	mắt	ây	êm	đêm	xuyên	suốt
Em	biết	yêu	khô	đau	mình	chuốc
Nhưng	anh	yêu	liều	thuốc	nhiệm	màu

Xin	cho	em	gặp	lại	buổi	đầu
Đôi	môi	lấy	thắm	màu	hương	cũ
Lửa	mắt	ây	nồng	nàn...	quyến	rũ
Đốt	đời	nhau...	tình	nhớ	thiên	thu!!!

<i>Biển</i>	<i>Khóc</i>	<i>Chiều</i>	<i>Hôm</i>
--------------------	--------------------	---------------------	-------------------

Tháng	Tám	chưa	qua	sao	lời	từ	biệt
Sóng	xa	bờ	nhận	lạc	hương	tìm	nhau
Phố	biển	chiều	nay	xanh	biếc	một	màu
Tiếng	nhạc	sóng	sầu	dâng	phương	ấy	

Thành	phố	buồn	cách	xa	nhau	từ	đầy
Ánh	đèn	đêm	tay	vẫy	phút	tạ	từ
Trời	tháng	hạ	mà	lòng	như	đông	giá
Im	lặng	cúi	đầu	vội	vã	bước	đi

Ừ	thôi	đi...	Không	còn	gì	để	nói
Lưu	luyện	nhieu	chỉ	làm	nhói	tìm	đau
Hàng	cây	xanh	úa	màu	phai	dáng	ngọc
Xa	nhau	rồi	biển	bạc	khóc	chiều	hôm

Nắng	xa	lung	linh	chòm	xanh	màu	lá
Mưa	phương	này	lạnh	tím	cả	ước	mơ
Tháng	Tám	chưa	qua	tháng	Chín	hững	hờ
Xa	nhau	thật!	Đợi	chờ	bao	lâu	nhỉ?!

PHẠM TƯỜNG NHƯ

Lời Biển Khóc

Chiều tháng tám qua chuyến phà giã biệt
 Cánh hải âu lượn gió chỉ vì nhau
 Bọt về đâu trắng xóa, biển xanh màu
 Còn lớp lớp lượn cuồng lưu nước chảy

Thành phố biển mang tâm tình từ đáy
Hoa dã quỳ em hái đóa tình nhân
Nơi vực đá nghe hơi thở thật gần
Áo nắng bay quần cườm chân chưa mỏi

Lời biển khóc thay những gì muốn nói
Sóng xô ghềnh, vỗ đá, bọt nhàu đau
Nắng thoi thóp, nước rung rung lệ trào
Dáng em nhỏ chưa quen bờ bến lạ

Sóng ru biển hay rừng ru xác lá
Lời thì thầm như tiếng gió ru mơ
Em ra đi nên tháng tám hững hờ
Và tháng chín nhớ ời lời ước nguyện

Nghe biển khóc hay hồn ta hóa biển
Giọt mưa rơi hay tiếng sóng chạm đời
Đời vốn buồn những tâm khúc đầy vơi
Tình ai đó thả chơi vơi trên sóng

Tim thổn thức là trùng dương hiển lộ
Biển mênh mông chỉ riêng bóng trắng chờ
Gió chuyển mình, mây kẻ những vằn thơ
Đêm biển khóc, trăng rơi từng sợi nhớ!

ĐÈO VĂN TRẦN

Lời tình hoang mang

Những dòng sông vẫn miệt mài
Những người tình nhỏ sao hoài bỏ ta
Ngâm ngùi nghe khúc xuân ca
Nắng chia nửa bãi... bao la ngút ngàn
Bờ xa con nước cạn dần
Đàn mòn tay phím mấy lần ngang cung
Đêm say nhớ bạn tao phùng
Bến xưa trăng đã ngại ngừng úa phai
Tóc thề ai xóa ngang vai
Cho ta dư ảnh tóc mai lỡ làng
Sông quê ta vượt mắt nàng

Ta lên bến lở, em sang bến người
Trăm năm dầu hẹn một lời
Thì đây lệ đá cho người đãi bồi
Tình kia ta vẫn đắp bồi
Tay phù sa nhỏ bồi hồi níu ai?
Lầu hồng tỉnh mộng hôm mai
Kẻ chôn nước mắt kẻ mài thương đau
Trở về kí ức tìm nhau
Lòng hoang vu đã nát nhàu chiều chẵn
Ngậm ngùi tóc bạc da nhăn
Hỡi ôi phút chốc khô cạn tuổi ta
Nhìn ra bờ cát bao la
Hoang mang chợt thấy tình xa tí mù

Ai bảo tôi không nhớ Sài gòn

Rằng tôi không nhớ Sài gòn
nhớ! nhưng cứ ngâm bồ hòn giả quên
bởi Sài gòn đã thay tên
hoa học trò đã bay lên trên trời
từng đêm thao thức rã rời
nhớ! ôi ta nhớ một thời đam mê

Quê hương ai chẳng muốn về
Tầm tay quá ngắn đường quê quá dài!
Nhớ quê tan nát lòng này
Ai thoa cho xót ai dày cho đau?
đi hoang đến nửa địa cầu
Quê hương bỏ lại, chôn sâu lời thề!
Về đây để thấy ê chề
Về đây để thấy bốn bề tang thương
Về đây xa lạ phố phường
Về đây ánh mắt người thương ngỡ ngàng
Gia long in đậm bóng nàng
Trung vương áo trắng dưới hàng lá xanh
Giòng đời lạnh lẽ trôi nhanh
Cổ nhân bỗng chốc trở thành tích xưa
Sài gòn sớm nắng chiều mưa
Sài gòn biến mất ta chờ trăm năm!
Sài gòn mất giữa bảy lăm

hồn ta khóc buổi trăng rằm úa phai
biết tìm ai biết gọi ai
bây giờ tên lạ gọi hoài dừng dung

CHU THỤY NGUYỄN

Khi khói quện thơ bay

Chợt cùng rừng. Lá hoài xếp muộn
Trầm mặc đêm. Mưa lũ đã cuồng
Ta nhạt nhòa ta. Hải nhi lem luốc
Trời bên đường. Giông bão mưa tuôn

Sao cứ hỏi. Tìm gì mê mãi?
Câu thơ ngâm đùa. Đôi chút băng quơ
Áo em tím. Hay cả trời bỗng tím
Lúc quay về. Lòng chắt dạ ngu ngơ

Ngắm con chữ. Bay hình ảo bóng
Đôi không tên. Lòng cũng u minh
Đàn tích tịch. Hồ lô muội khói
Người đi rồi. Đi thật vô tình

Gió siêu độ. Lá hoa tịnh độ
Một rừng thu. Hay mỗi mình thu?
Leo lét lẩm. Đường heo hút lạnh
Gần hết đời. Bỗng cảm cảnh âm u

Lúp xúp bạc. Đầu tròn hung hân
Lầm bầm cuồng nộ. Khóc than van
Khói lên cao ngất. Thơ bay chữ
Rớt vùn xuống biển. Sóng tan hoang...

LÊ HỮU MINH TOÁN

Nỗi nhớ bàng hoàng

Gục đầu trên trang sách
Mân mê từng nhánh sầu
Nghe đời mình gõ nhịp
Ném phiên buồn lên cao.

Houston ngày khánh kiệt
Không gian tím nửa hồn
Sao khuya mòn mỗi chết
Ta còn gì nữa đâu

Từ người đi vĩnh viễn
Môi câm nín muôn đời
Nhìn áo quan phủ liệm
Cơn biển động mù khơi.

Ba mươi năm nỗi nhớ
Vương miện kết từng ngày
Nghĩa trang khóc tình lỡ
Chung cuộc là hôm nay.

Cửa thiên đường khép kín
Thôi hết rồi đón đưa
Thôi xa rồi mộng寐
Kỷ niệm xưa tôn thờ.

Ai cho ta chút lửa
Đốt dùm ta thời gian
Cho quên sầu chất chứa
Quên nỗi nhớ bàng hoàng...

CHÚC ANH ***Vì Anh Em Làm Thơ***

Bâng khuâng thứ bảy cuối tuần
Em ngồi đan sợi nắng xuân mượt mà
Kết vàng mây trắng thướt tha
Tô son cánh lá đài hoa nhung tuyền

Bến xưa, nồng thắm mắt huyền
Hoài trông dòng nước bóng thuyền buồm xanh
Góc buồm khắc chữ M-N
Thêu bằng màu nhớ vàng chanh tím cà

Từ đâu đôi nhạn la đà
Đưa tin anh đã vượt qua sóng chiều
Anh về! thấp sáng thương yêu
Lấp bao sầu úa tiêu điều... xác xơ

Đề em nửa chết dật dờ
Nửa trong hiu hắt bơ vơ thiếu mình.
Một lòng ước nguyện trung trinh
Một đời khao khát chữ tình thủy chung.

Sao vậy?

Cả tuần nay chưa thấy
Bài thơ nào của anh
Không điện thư, sao vậy?
Anh biết em bồn chồn?

Giao mùa trời trở lạnh
Nắng sương rơi thất thường
Ngoài hiên mưa dầm tạnh
Mây chiều gieo nhớ nhung

Quyển tập thơ anh tặng
Em thầm đọc ban đêm
Ý hay tình sâu lắng
Nhớ phút giây êm đềm

Nếu sau này anh hỏi
Em thích gì? anh cho
Không ngại ngần, khẽ đáp
Em thích... anh... nhà thơ

Chúc Anh

feb. 01, 2012

Nguyễn Đức Nhơn
Một chuyến đi huyệt hăng

Người khách sau cùng vừa chui vào được bên trong thì chiếc xe đã rời khỏi bến. Bà đứng lom khom, hai tay quờ quạng không biết bám vào đâu. Bỗng chiếc xe lắc mạnh, bà mất thăng bằng, ngời phệt xuống cái giỏ gà dưới chân. Mấy con gà hoảng hốt kêu lên oang oác. Người chủ gà cảm rằm, mẹ ơi, đề chết mấy con gà tôi rồi! Thằng lơ xe cười khúc khích nói, bảo đề trên mũi không chịu, chết đáng. Ông tài xế vừa nhìn lên kính chiếu hậu vừa chửi, đ. m mày, còn không xếp chỗ cho người ta ngồi. Thằng lơ vất vả lắm mới kê được một bao gạo để làm chỗ ngồi cho bà khách. Người đàn ông trung niên ngồi phía sau (có lẽ là chủ bao gạo) than nhỏ, chết mẹ! Ăn bao gạo này chắc ngiến răng suốt ngày.

Đây là chiếc xe than duy nhất chạy trên lộ trình này. Chiếc xe được *cải tiến* từ một chiếc Peugeot 203 cũ kỹ. Xe chạy mỗi ngày một chuyến, bắt đầu từ ngã ba Long Thành đến khu kinh tế mới Suối Quít. Con đường dài trên 50 cây số này bị bỏ hoang từ thời chiến tranh nên đầy dẫy ổ gà. Chiếc xe vừa chạy vừa lắc lư như chiếc thuyền con trôi trên sóng. Lúc này thì không còn ai để tâm đến những cung cách lịch sự thường ngày, kể cả cô gái ngồi bên cạnh tôi. Mỗi lần chiếc xe lắc mạnh, cả người cô ngã lên mình tôi, một tay choàng qua vai, bầu chặt như bầu vào một khúc gỗ, không một chút úy kỵ. Cổ gái khá đẹp. Nước da trắng mịn. Khuôn mặt trái xoan. Mũi cao. Miệng nhỏ. Cặp chân mày dài, cong vút với mái tóc đen huyền phủ xuống gần tới thắt lưng.

Sau một hồi dần xóc kịch liệt, chiếc xe chạy qua một khúc đường tương đối bằng phẳng. Cô gái lấy lại tinh thần, sửa lại thế ngồi ngay ngắn. Cô nhìn thoáng qua tôi nhưng không biểu lộ một cử chỉ đặc biệt nào. Tôi cũng tảng lờ, nghiêng người nhìn ra bên ngoài. Mặt trời đã lên đến đỉnh đầu. Thời tiết tháng Tư nóng bức. Xa xa một vài đám mây lững lờ trên nền trời trong xanh. Một con chim khách nghịch ngợm lượn theo chiếc xe mấy vòng rồi bay thẳng vào khu rừng, mất hút.

Chiếc xe ì ạch bò lên một ngọn đồi thoải thoải. Khói từ hai ống bô tuôn ra tạo thành một vòng xoáy bám sát vào đuôi xe. Bên lề đường, một em bé trần truồng đứng trước một ngôi nhà tranh lụp xụp, chăm chú nhìn chiếc xe như nhìn một con quái vật. Một người đàn bà trạc tuổi năm mươi, mặc bộ bà ba đen ngả màu, kéo lê một bao than ra đường. Chiếc xe từ từ ngừng lại. Thằng lơ nhảy xuống nhét vào tay người đàn bà một xấp tiền rồi bê bao than ém vào đuôi xe. Chiếc xe gầm lên rồi có sức trườn tới. Người đàn bà chăm chú đếm từng tờ bạc lẻ. Thằng bé vẫn nhìn theo chiếc xe với một niềm vui hiềm hoi, mỗi ngày chỉ đến với nó một lần. Chạy thêm một đoạn chừng vài chục cây số, bỗng chiếc xe rung lên bần bật như một người bị chứng kinh phong. Ông tài xế vừa đạp ga vừa chửi thằng lơ luôn miệng. Hình như ông ta chửi vì thói quen chứ không vì lỗi lầm hay biếng nhác của thằng lơ.

Dù cố gắng đến đâu cũng vô ích. Chiếc xe vẫn khắc ra những tiếng khằng khặc rồi tắt phụt. Hành khách trên xe vừa lo vừa mừng. Ngồi trên xe gần hai tiếng đồng hồ. Đây là cơ hội tốt để trút đi những thứ thừa thãi trong người. Nhưng xuống xe

xong mọi người mới chợt nhận ra, chiếc xe ác ôn lại chết máy ngay trên một khu đất trống. Những người đàn ông thì thoải mái, bước ra chừng năm ba chục thước là xong. Những bà sồn sồn thì chịu khó ra xa một chút rồi cũng êm chuyện. Tôi bất chợt nhìn sang cô gái. Cô ta đứng chết trân tại chỗ, ứa nước mắt. Tôi biết cô đang gặp khó khăn gì. Nhưng trong trường hợp này, tôi vô phương giúp đỡ. Nhìn cô ta thật đáng thương. Bỗng tôi chợt nghĩ ra và móc từ trong túi xách một tấm vải che mưa, bước đến chìa vào cô. Cô gái hơi lúng túng nhưng cũng đưa tay nắm lấy miếng vải. Tôi trở về chỗ, tựa lưng vào hông xe và hơi ngạc nhiên vì thấy cô gái vẫn đứng tần ngần tại chỗ, đôi mắt càng đỏ hơn. Tôi biết sự chịu đựng của cô đã đến mức tột cùng. Cũng may lúc ấy có một người đàn bà tốt bụng, hiểu ý, nắm tay cô dẫn ra một chỗ xa xa giúp cô căng tấm vải làm bức màn che. Cô gái trở vào với một dáng điệu ngượng ngịu, sượng sùng. Cô nhờ người đàn bà đem trả tôi tấm nylon. Tôi quay mặt qua chỗ khác để khỏi làm tăng thêm nỗi hổ thẹn, ngượng ngùng của cô.

Mặt trời đã ngả về phương tây. Ông tài xế và thằng lơ vẫn hì hục với chiếc cỗ máy bất động như một con vật đuôi sóc nằm lì. Dưới sức nóng hanh hao của buổi chiều tháng Tư, mọi người đều mệt mỏi, không ai buồn nói chuyện. Trong cái không gian vắng lặng của vùng hoang dã chỉ còn nghe tiếng va chạm của kềm búa, tiếng chúi bới oang oang của ông tài xế và tiếng cảm rầm khe khẽ của thằng lơ. Tôi bước đến ngồi trên một khúc gỗ nằm bên vệ đường, bật lửa đốt thuốc. Thỉnh thoảng tôi đưa mắt nhìn về phía cô gái. Giữa nơi đông không đông quanh mà được ngắm nhìn một bông hoa kiêu diễm thế kia thì còn gì bằng. Ước gì...

Đang đắm chìm trong mơ mộng thì tiếng máy xe nổ rang, kéo tôi trở về hiện thực. Hành khách mừng rỡ chen nhau lên xe. Tôi bước theo sau cô gái vào ngồi ở chỗ của mình. Nhìn đồng hồ đã 4 giờ 30 chiều. Xe chạy thêm một đoạn chừng vài cây số thì đến một con suối nhỏ, hai bên cây mọc um tùm. Ông tài xế cho xe ngừng lại, máy vẫn nổ. Thằng lơ cầm cái thùng nhựa vừa đi xuống suối vừa nói oang oang “đi ỉa, đi đại... đi bà con ơi”

Thì ra đây là chỗ thường ngày chiếc xe dừng lại đổ nước máy và cho bà con đi tiểu. Tôi cười thầm, đồ khỉ, cái máy cũng biết trêu người, không bò thêm một chút, báo hại con bé phải chịu một trận hổ thẹn đến đỏ mề đay đỏ mặt.

Đây là lần đầu tiên tôi đến khu kinh tế mới Suối Quít, nên không biết còn bao lâu nữa thì đến nơi. Nếu đến đó vào ban đêm thì việc tìm nhà sẽ vô cùng khó khăn. Bất chợt tôi quay sang cô gái hỏi:

“Xin lỗi, ở Suối Quít cô có biết nhà ông Sáu Ngời không vậy?”

Cô gái nhìn tôi với vẻ không được tự nhiên lắm:

“Dạ không. Cháu mới đến Suối Quít lần đầu”

Bây giờ tôi mới để ý đến cách ăn mặc của cô gái. Tuy không sang trọng lắm nhưng rất đúng “mốt” của những cô gái thị thành. Tôi biết mình bị hớ, nên vội khỏa lấp:

“Ồ! thì ra cô cũng như tôi. Nếu mình đến nơi mà trời tối thì thật là phiền”. Cô gái không nói gì, đưa tay vuốt lại mái tóc.

Càng vào sâu địa hình càng phức tạp. Những ngọn đồi nối tiếp nhau phơi mình dưới ánh nắng chiều mùa hạ, lấp lánh, mông lung. Một vài căn chòi lá nằm lơ lửng trên ngọn đồi với những cuộn khói bốc lên từ những hàng cao su mới trồng, thẳng tắp. Bất chợt tôi thấy một đám mây đen xuất hiện ở hướng Tây nam. Đám mây mau chóng hình thành một trận mưa giông đầu mùa dữ tợn. Hành khách vội vàng thả tấm màn nylon chống mưa, nhưng nó không giúp được gì. Những đợt gió thay nhau thốc vào hông xe, tấm màn nylon giãy lên phành phạch, ngọn mưa theo đó tạt vào. Hành khách la ới ới. Thăng lơ lửng hai cánh tay xiết chặt vào chiếc thang gắn ở đuôi xe, gồng mình chịu đựng. Ông tài xế cho xe chạy chậm lại. Lúc này, mọi người trên xe dường như đã khuất phục trước sự cuồng nộ của thiên nhiên. Tất cả đều ngồi co rút, im lặng, trên mặt thoáng hiện một chút sợ hãi. Có người mấp máy đôi môi, hình như đang cầu xin một đấng thiêng liêng nào đó phù hộ. Cô gái nép sát vào người tôi. Với bàn tay rắn chắc của một người đàn ông chưa tới bốn mươi, tôi lấy hết sức ghi chặt tấm màn, vừa che cho cô gái vừa che cho mình. Tôi nghe lòng ấm lại trong cái mát lạnh của trận mưa giông đầu mùa.

Chiếc xe ngừng lại trên một khu đất trống. Trời đã nhá nhem tối. Cảnh vật trở nên mơ hồ lảng đãng sau trận mưa. Hành khách lần lượt xuống xe đi vào các ngả rẽ, mất hút. Trên bãi đậu xe, chỉ còn lại tôi, thăng lơ và cô gái. Tôi đứng nhìn quanh với một nỗi buồn rười rượi. Không ngờ ông Sáu Ngõ, một thương gia có chút tiếng tăm ở Biên Hòa, bây giờ phải giam mình trong cái hóc khi ho cò gáy này. Tôi đang lưỡng lự không biết phải đi về hướng nào thì chợt nhớ đến cô gái. Thì ra cô ta vẫn đứng tần ngần ở trước đầu xe. Nhìn dáng vẻ của cô, tôi đoán được không phải cô đang chờ người thân đến đón. Tôi bước đến hỏi:

“Người nhà chưa đến đón cô à?”

Cô gái rơm rớm nước mắt:

“Cháu không báo trước cho chị Mai”

Tôi không hỏi gì thêm, từ từ rút điều thuốc đặt lên môi, bật lửa, những lọn khói cuộn tròn, quán quít như chưa muốn tan biến vào không gian:

“Vậy cô tính thế nào?”

“Cháu không biết”

Tôi đứng ngó người vài giây rồi hỏi tiếp:

“Nếu vậy, cô có muốn đi với tôi cho có bạn không?”

Cô gái nói nhanh:

“Dạ muốn”

Bây giờ tôi mới để ý đến cử chỉ và lời nói của cô gái. Nhìn vào vóc dáng và khuôn mặt, tôi đoán chắc, tuổi của cô không thể dưới hăm lăm, nhưng không biết tại sao cô ta lại có cái vẻ ngây thơ khờ khạo như vậy.

Địa hình khu kinh tế mới Suối Quýt vô cùng phức tạp. Những ngôi nhà không nằm gần nhau mà bị phân cách bởi những khu vườn rộng lớn, trồng đủ loại hoa màu. Tôi và cô gái bước theo thẳng bé, luồn lách giữa những đám bắp cao khỏi đầu người. Phải mất gần nửa tiếng đồng hồ, chúng tôi mới tới được một căn nhà lá nằm cạnh một con suối nhỏ. Tôi cho tiền thẳng bé dẫn đường rồi bước tới gõ nhẹ lên cánh cửa làm bằng những mảnh gỗ ghép lại. Nhìn qua khe cửa, tôi thấy một ngọn đèn dầu treo trên bức vách, tỏa ra một thứ ánh sáng yếu ớt, bệnh hoạn. Một ông già lom khom bước đến mở cửa. Dù chỉ một chút ánh sáng lờ mờ từ ngọn đèn dầu chiếu ra, tôi vẫn nhận ra ông Sáu Ngồi. Người ông gầy hăn đi, ốm yếu, hom hem như một cụ già tám mươi. Ông Sáu Ngồi nhìn tôi đăm đăm, dè dặt như nhìn một tên trộm. Tôi vội lên tiếng:

“Thưa bác, cháu là Dũng đây. Cháu mới về”

Ông Sáu Ngồi nhướng đôi mắt nhìn tôi từ đầu đến chân rồi vỗ nhẹ lên vai nói:

“Mô Phật, về được là tốt rồi. Thôi vào đi, đứng đây muỗi cắn”

Tôi và cô gái bước vào ngồi trên chiếc sạp bên bằng tre. Ông Sáu Ngồi rót trà ra hai cái tách, nói:

“Hai cháu dùng nước. Cháu Dũng lập gia đình rồi à?”

Thấy ông Sáu hiểu lầm, tôi vội lên tiếng:

“Thưa bác, cô gái này đi chung chuyến xe với cháu. Vì trời tối không tìm được nhà người thân, nên theo cháu đến đây xin tạm trú một đêm, xin bác thông cảm”

Ông Sáu Ngồi vui vẻ đáp:

“Ồi, ăn thì nhiều chứ ở bao nhiêu”

Ông Sáu đang chăm chú vắn thuốc, bất chợt dừng tay nhìn tôi thở dài sườn sượt:

“Thật không may, cháu vào chơi mà con Quỳnh không có ở nhà. Nó theo chồng về dưới Vũng Tàu gần một tháng nay rồi”

Nghe ông Sáu nói, tôi thấy người choáng váng nhưng kịp lấy lại bình tĩnh:

“Quỳnh làm đám cưới lâu chưa bác?”

Ông Sáu vừa tiếp tục vắn thuốc vừa trả lời:

“Có làm đám cưới đám hỏi gì đâu cháu. Thằng chồng nó làm nghề buôn ngũ cốc, thường tới lui Suối Quýt để thu mua bắp và các loại đậu. Hai đứa nó quen nhau. Bác thấy con Quỳnh đã lớn tuổi rồi nên cũng ừ cho nó yên bề gia thất. Cuộc sống đã đổi thay, mình đâu còn gì để mà lựa chọn nữa cháu!”

Nghe giọng nói rầu rầu, chua chát của ông Sáu, tôi đoán được Quỳnh chịu lấy người lái buôn nào đó chỉ vì muốn thoát khỏi cái vùng tăm tối này. Tôi cúi đầu yên lặng, chịu đựng nỗi đốn đau dày vò như có hàng ngàn mũi kim châm vào lòng ngực.

Đêm đó tôi và cô gái ngủ lại nhà ông Sáu Ngời. Nhà chỉ có một cái giường duy nhất có mùng. Ông Sáu nhường cho cô gái. Tôi và ông ngủ ở cái sạp tre phía trước. Đêm đã khuya, tôi cứ thao thức trằn trọc mãi, không cách nào chợp mắt được. Lâu lâu lại nghe tiếng thở dài của ông Sáu. Tôi biết nỗi đau buồn của ông không kém gì tôi. Ông buồn vì cuộc sống, tôi buồn vì đã mất người yêu...

Thì ra nhà dì cô gái nằm cách bến xe chỉ vài trăm thước mà chúng tôi không biết. Mai, người chị họ của cô mừng rỡ, lảng xẵng hỏi han tíu tít. Bây giờ tôi mới rõ tên cô gái là Phượng Vy. Có một điều làm tôi vô cùng ngạc nhiên là tính tình cô gái hoàn toàn khác hẳn với ngày hôm trước, nói cười luôn miệng, thỉnh thoảng lại pha trò thật dí dỏm, khiến mọi người cười vang.

Trò chuyện một hồi, Mai đưa tôi và Phượng Vy dạo quanh những khu vườn có nhiều loại cây ăn trái. Phượng Vy nhanh nhẹn như một con sóc, nghịch ngợm, phá phách. Nhìn cô ta tôi nghĩ thầm, chắc cô gái này chưa hề bị tình yêu khuấy động, nên cái vẻ ngây thơ, thuần khiết vẫn còn nguyên vẹn. Mai thì có vẻ trầm lặng hơn, nhưng vẫn còn giữ được cái dáng dấp của một cô gái thị thành. Mai đưa chúng tôi đến một con suối nhỏ chảy ngang một khu đất bằng phẳng đã được khai hoang để trồng hoa màu. Những luống rau đủ loại xanh mướt trải dài dọc theo hai bên bờ con suối như hai thảm lụa xanh, phơ phất dưới ánh nắng mai dịu dịu. Chúng tôi đến ngồi trên một chiếc cầu nhỏ bắc qua con suối. Dòng nước chảy êm nhưng đục ngầu vì chứa nhiều phù sa. Cách đó chừng vài chục thước, một cô gái đang cặm cụi chăm sóc mấy luống cải mới trồng. Nhìn cái vẻ lam lũ của cô gái rồi nhìn lại Mai, tôi nghĩ thầm, dù ở bất cứ thời đại nào, dù ở bất cứ nơi đâu, sự bất công của xã hội vẫn luôn tồn tại...

Chợ nhóm trên một khu đất trống. Các mặt hàng chính yếu bày bán tại đây hầu hết là những thứ sản xuất tại địa phương như rau cải, thịt heo, thịt rừng và một vài thứ linh tinh khác. Tôi đứng nhìn hai cô gái lảng xẵng mua sắm những thứ cần dùng cho buổi cơm chiều. Người tôi mệt nhoài vì suốt ngày lèo đèo theo sau hai cô gái. Bữa cơm chiều tuy không thịnh soạn lắm nhưng rất ngon miệng vì tài nấu nướng khéo léo của Mai. Một tô canh mướp, một đĩa mì xào và một đĩa hột gà chiên. Có một điều làm tôi khá cảm động là trước mặt tôi, một chai bia đã khui nắp và một cái ly làm bằng nhựa.

“Cám ơn hai cô nhiều, hai cô chu đáo quá”

Mai nhanh nhẩu:

“Đâu có gì. À mà không có đá đâu nhé. Ở cái nơi thâm sơn cùng cốc này, kiếm một cục đá còn khó hơn kiếm một cục vàng”

Tôi cười xã giao:

“Không sao. Hai cô uống một chút cho vui”

Phượng Vy với một giọng trầm buồn khó hiểu đọc nho nhỏ một câu thơ trong Truyện Kiều của Nguyễn Du, “người buồn rượu có vui đâu bao giờ”

Mai cười hồn nhiên:

“Nhỏ ơi! Nguyễn Du nói *cảnh* chứ nói *rượu* hồi nào”

“Người buồn thì cảnh rượu gì mà chẳng buồn”

“Chứ nhỏ không nghe người ta nói mượn rượu giải sầu sao. Ừa, mà nhỏ buồn hay ai buồn vậy?”

Phượng Vy lườm Mai một cái rồi bỏ vào trong lấy chén đĩa.

Tôi phải ở lại nhà Mai qua đêm vì đến ngày hôm sau, chiếc xe mướn kia mới trở về Long Thành. Đêm đó ba người chúng tôi ngồi quay quanh một cái bàn nhỏ, trò chuyện. Mẹ Mai, sau một ngày buôn bán thấm mệt đã vào phòng ngủ trước. Dưới ánh sáng mờ ảo của ngọn đèn dầu, khuôn mặt Phượng Vy càng hiện rõ cái nét diễm kiều, khả ái. Tôi ngồi yên nghe hai cô trò chuyện. Bất chợt, tôi cảm thấy sự hiện diện của mình lúc này là một trở ngại cho hai người lâu ngày gặp nhau tâm sự, nên cáo lỗi bước ra ngoài. Bầu trời đen ngịt. Tiếng con trùng râm ran như một bản nhạc hòa tấu ngân nga bất tận...

Một ngày hai đêm ở Suối Quýt trôi qua như một giấc mộng. Nỗi đau buồn, hụt hẫng của chuyến đi tìm Quỳnh vẫn còn nguyên vẹn trong tôi. Từ già gia đình Mai, tôi lặng lẽ bước theo hai cô gái tiến về bãi đậu xe. Vẫn chiếc xe than cũ kỹ mang chúng tôi trở về Long Thành. Phượng Vy ngồi yên như pho tượng, trên mặt loáng thoáng một nét buồn xa xăm, khó hiểu... Tôi cũng ngồi yên nhìn ra bên ngoài. Bầu trời trong xanh, một cặp chim rừng đang xoải cánh bên nhau, bay về hướng mặt trời...

NHƯ PHONG

Thiên thu

Lãng đãng cõi buồn

Như	là	một	áng	mây	trôi		
Giữa	trời	lãng	đăng	nỗi	buồn	thiên	thu
Trăm	năm	đời	tựa	mây	mù		
Tình	đau	một	khối	tình	ru	vạn	sầu

Ái	ân	chưa	ấm	lòng	nhau		
Gối	chăn	chưa	lạnh,	hồn	đau	rã	rời
Bao	nhiều	năm	mộng	pha	phôi		
Vòng	tay	xưa	bồng	vẫy	đời	dừng	dừng

Rượu	vừa	cạn	chén	thủy	chung
------	-----	-----	------	------	-------

Sao	tình	đã	vội	trùng	trùng	phong	ba
Từ	em		về	với		đời	ta
Ngàn	con	sóng	vỗ	ngọc	ngà	phai	hương

Ta	ngồi		trên	đỉnh	đau		thương
Mà	say	chất	ngất	đoạn	trường	đời	ta
Ta	say,		hát	khúc	cuồng		ca
Cỏ	hoa	suối	đá	cũng	thơ	thần	buồn

Mưa	đời		phủ	xuống		lệ	tuôn
Tóc	xanh	xao	đã	nhuộm	buồn	thời	gian
Thôi	em		tình	đã		úa	vàng

Đã như trăng rụng trên ngàn tuyết băng...

TRẦN THỊ DÃ QUỲ

Màu nhớ

chờ anh đã hết mùa thu
 vàng hoa quỳ đã xa mù heo may
 anh còn xa biệt ngàn mây
 nhớ nhung hóa đá tháng ngày đơn côi...
 vẫn là em phận bèo trôi
 mây xa dỗi bóng bên đời hoài mong
 biết đất trời vốn mệnh mông
 nhưng sao em vẫn nặng lòng nhớ anh
 niềm hy vọng rất mong manh
 vì sau mưa vẫn nắng hanh dịu dàng
 đêm ngày lòng vẫn riêng mang
 chắt chiu niềm nhớ gói trang giấy rời
 chữ rớt rơi mộng rồi bời
 ý nghiêng mực cạn theo hơi thở buồn.
 về mau kéo mưa lại tuôn
 thu đi hè lại cội nguồn còn đây
 anh ơi! chén rượu vui đầy
 bên này em vẫn đêm ngày trống không
 mưa phương tây dột phương đông
 hai đầu xa cách vẫn trông bóng người.
 nhớ quất quay, chẳng nói cười
 nhớ gì như thể đất trời ngã nghiêng
 lòng dao cắt tâm cuồng điên

từng giây nhưng nhức trong triền miên đau.
về mau anh hãy về mau
tiếp em chút máu cho màu son tươi.

cho dù năm tháng dần trôi
yêu anh em quyết một đời chờ mong
ngày tàn chút nắng bên song
vẫn đau đáu giữ trọn lòng ví anh.

độc thoại đêm

chỉ cái nhìn
em đã nhận ra anh
như thân quen
từ vô thi
và đêm ấy
nỗi nhớ nhưng kỳ lạ
vẫn vương từng giấc ngủ chao nghiêng

em - anh
chưa một lần hội ngộ
từ nửa vòng trái đất tí mù xa
lạ lắm cái tên chưa từng gọi
duyên tình nào bỗng trói buộc đôi tim
tình yêu em trôi ngược trở về
như sóng vỗ bờ ôm khao khát
ào ạt đam mê
bao ưu tư khắc khoải
nhói buốt còn cào nỗi nhớ
dìm em vào từng đêm trắng xanh xao
lời độc thoại viết vần thơ rất thật
“ trái tim em nghiêng nhịp phía anh rồi...”

VĂN NGUYỄN DƯỠNG

Giọt thủy ngân

Anh là lính thương em từ buổi đó
Tóc mây huyền từng sợi nhỏ vương vương,
Dáng em qua hè phôi hồng thương thương,

Anh đứng lặng để em đi vào mắt...

Nhắm mắt lại vẫn thấy em màu trắng,
Màu học trò chớm rạng nét thanh tân.
Sáng long lanh như giọt thủy ngân trong
Đốt tim anh từng tia cháy rực hồng.

Anh là lính, thương em nên nín lặng
Những lần buồn ôm súng trận nghêu ngao...
Hát cho ai nghe mà tiếng hát lên cao,
Gió bay mất câu nào không nhớ nữa....

Khúc Nam Ai, Nam Bình, câu Lý Ngựa
Có lời nào xứng được với em đâu!
Định làm thơ, anh nắn nót từng câu
Bôi xóa mãi, thơ nát nhàu trong túi.

Em vẫn thế, vẫn sáng chiều hai buổi
Đền trường quen trên hè phố dừng dung.
Đèn xanh qua, đèn đỏ đứng ngập ngừng,
Thương em quá mà ngại ngừng, không nói...

Rồi một sớm anh phải rời thành phố,
Giã từ em anh lại đến sân trường.
Từ bên ngoài anh đứng ngóng vào trong
đôi chiếc lá bẽ bàng rơi trên cỏ...

Anh là lính thương em từ dạo đó...
Có bao giờ quên được dáng em đâu.
Biết bao lần vào trận giữa rừng sâu,
Gối đầu súng, em lại vào trong mắt...

Anh vẫn biết em sinh viên trường Dược
Đong giọt cay, giọt đắng, vẫn thương thương.
Anh vẫn biết anh là lính trận,
Biết nói gì cho đủ để em thương!..

NHƯ LY
Đợi giấc mơ về

Tháng	tám	dường	như	nắng	nhật	dân
Sương	mù	lăng	đăng	vẫn	chưa	tan
Hàng	cây	lá	trở	màu	tê	tái

Khoác áo buồn vương cả cõi trần

Những	ngón	tay	lùa	mái	tóc	mây
Làn	hương	toả	nhớ	dáng	hao	gây
Bên	kia	biển	động	trời	say	ngủ

Đề bóng hoàng hôn phủ chốn này

Kỷ	niệm	năm	xưa	chợt	vỡ	oà
Khu	vườn	ký	ức	mở	tung	ra
Chao	ơi	Mẹ	đứng	bên	song	cửa

Giang rộng cánh tay mắt lệ nhòa

Mát	Mẹ	đời	con	tựa	kẻ	mù
Vách	sâu	sâu	thăm	bước	hoang	vu
Chiều	mưa	khắc	khoảnh	hồn	ly	xứ

Đội giấc mơ về có Mẹ ru.

NGUYỄN MỘNG DIỆP

Cám ơn đời đã cho em gặp anh

Ước gì thời gian ơi dừng lại
 cho em ấp ủ tình đừng phai
 Giữ mãi tình anh không thay đổi
 mai kia gặp lại một thành hai.

Anh không nói em lặng thinh
 quanh anh tuyệt sắc ý tình xôn xao
 bướm mộng xưa đã nhạt nhòa
 bay trên sông lạnh nhạt hoa hững hờ

Còn lại gì ngoài bơ vơ....
 Còn lại gì nát hồn thơ...

VÕ THỊ ĐIỂM ĐẠM

Em

Thư đi vội vào giảng đường nhỏ của trường Y tá nằm phía tây thành phố cảng Hamburg, tìm một chỗ trống ở những hàng ghế đầu để nghe cho rõ. Còn hai phút nữa, mắt nhìn lên đồng hồ trên tường, tay lục tìm cây viết và quyển tập trong giỏ

xách để ghi chép, thói quen từ thời sinh viên già, mặc dù Thư biết là tất cả các bài giảng đều sẽ được phát cho từng học viên để làm tài liệu nghiên cứu sau này. Một nhún tay nhẹ trên vai. Quay lại, Thư reo:

- Anh Thành! Lâu quá!

Thành cũng là đồng nghiệp, làm ở một bệnh viện cách Hamburg hai giờ xe hơi. Hôm nay là khóa tu nghiệp cho y tá vùng bắc nước Đức. Cả vùng chỉ có hai y tá chánh ngạch người Việt nên Thư quen Thành cũng đã khá lâu, hai mươi năm không chừng, qua những khóa tu nghiệp hàng năm. Cả năm sáu năm rồi, năm nay hai người mới chọn cùng khóa. Thành cười rộng miệng, mắt một mí kéo dài như nhỏ lại, giọng bắc pha tám mươi phần trăm giọng Nam hỏi một câu dư thừa:

- Cô Thư cũng chọn đề tài này à?

- Nhìn tới nhìn lui, chẳng có đề tài nào hấp dẫn cả nên chọn đại. Lâu lâu được đi tu nghiệp, được bao ăn uống, trốn mấy bệnh nhân cần nhân, đòi nói chuyện. Rảnh rang được vài ngày, không đi uống chết. Anh vẫn làm chỗ cũ chứ?

- Vâng! Già rồi, cũng chẳng muốn thay đổi gì nữa. Còn cô?

- Cũng mỗi rồi anh, không muốn bon chen nữa, lúc này Thư có được 8 giờ ngồi trực bàn nên nhàn lắm. Thôi tới giờ, chút nói chuyện thêm.

Giờ giải lao, Thành rủ Thư lại ngồi ở một góc canteen để nói chuyện bằng tiếng Việt, cho đã. Thành nhìn Thư chọc:

- Cui cô Thư không có gì thay đổi cả, năm sáu năm rồi còn gì, có cọng tóc bạc nào chưa?

- Năm mươi rồi đó anh, tìm kỹ thì ít nhất cũng chục cọng, bắt Harald nhỏ, ông cần nhân hoài.

Đang chuyện trò trắng nước thì có tiếng mobile kêu, Thành rút máy trong túi, nháy mắt xin lỗi Thư. Thư nhìn lơ đãng ra sân, vô tình mà lại lắng nghe câu chuyện đàm thoại. Nhiều người thường khó chịu khi nghe ai đó nói chuyện trong mobile, họ khó chịu không vì phải bị nghe chuyện thiên hạ, họ khó chịu vì chỉ nghe một nửa cuộc đối thoại, làm họ không hiểu toàn vẹn, làm trí tò mò vô hình trong họ không được thỏa mãn. Thư cười thầm khi lắng nghe mẫu đối thoại không che dấu của người bạn. Giọng Thành, người đàn ông gần 60 mươi tuổi, tóc muối nhiều hơn tiêu, đôi hăn, dịu ngọt:

- Em đừng mua gì cho anh.

-

- Áo len của anh cả chục cái mặc không hết.

-

- Ủ thôi cũng được, nếu em thích màu đỏ. Em tìm được cái nào cho em chưa ?

-

- Chút ba giờ thì xong, em chờ anh ở cà phê Đà Lạt nha!

Thư đùa:

- Hai ông bà già rồi mà còn tình tứ quá nhỉ, anh với em ngọt sớt.

Thành nhìn Thư như có vẻ thông cảm vì câu nói đùa mang chút sót xa đó, Thành hiểu Thư.

Trở lại giảng đường, Thư thần thờ: Tiếng Việt mình hay thật, có những đại danh từ được dùng để xưng hô với nhau thật trù mền, thật đặc biệt cho người trong cuộc, chứ không như những ngôn ngữ khác, cái gì cũng you với I, cái gì cũng toa với moa, cái gì cũng ich với du, cái gì cũng mich với dich... Tiếng Việt mình, tiếng anh và em thật màu nhiệm, thật ngọt mật.... Cho đến cuối đời, tóc bạc da mồi vẫn còn giữ tiếng xưng hô thần ái đó. Tiếng anh và em như một chứng nhận tình yêu...

...Trong quán kem cuối đường Nguyễn Du gần tới nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, Hải âu yếm hỏi:

- Anh đặt kem dâu cho em nha?

Tiếng em Hải kéo dài, thật nhẹ, thật êm như hai ngón tay Hải vuốt cẩn thận gò má Thư hồng rậm nắng. Giọng Phan Thiết cung cứng nồng nàn của Hải làm Thư cảm động, nũng nịu:

- Thêm hai cây bánh kẹp nữa, anh quên món tử của em.

Tiếng em lần đầu tiên Thư xưng với Hải sau ba tháng quen nhau. Tiếng em được giọng con gái Sài Gòn nhão nhẹ kéo dài, đầy thương yêu làm Hải xúc động. Tiếng em mà Hải đã kiên nhẫn chờ đợi. Hải hiểu như đó là dấu hiệu đáp lại tình yêu của anh khi Thư xưng em một cách nũng nịu như muốn áp mặt vào bờ ngực Hải căng cứng, như muốn thu nhỏ trong vòng tay anh. Hải ngồi xuống cái ghế mây bên Thư, vuốt nhẹ cánh tay trần có những cọng lông măng mịn màng, mắt Hải đầy thương yêu:

- Thêm một trái dâu lớn thật lớn?

Thường thì Hải gọi Thư bằng tên Thư ngọt ngào hay “Chó Nâu” đùa nghịch. Cái tên “Chó Nâu” Hải đặt cho Thư vì hình ảnh cô bé Sài Gòn trong cái quần pat nhung nâu xậm, vai đeo cái giỏ da nâu chỗ đậm chỗ lọt vì mớ quần áo ướt vừa đi bơi về, đôi giày sandal da nâu thấp gót, cái áo thun trắng trên ngực có thêu chữ Dream bằng sợi chỉ nâu mỹ miều ôm sát người, lần đầu tiên Hải quen Thư trên con đường Phan Thanh Giản.... Hình ảnh tươi trẻ đầy sức sống của cô bé Sài Gòn đã là sinh viên rồi mà vẫn con nghịch ngợm như nữ sinh trung học. Cô bé đã làm yếu lòng Hải ngay từ lúc gặp gỡ vì lối nói chuyện không e ấp, vì ánh mắt nhìn trong sáng, nhìn thẳng người đối diện không chút e dè như những cô gái khác khi nói chuyện lần đầu tiên với đàn ông xa lạ. Khi nào Hải và Thư dùng tiếng em, tự nhiên cả hai đều cảm nhận cả làn sóng tình trù mền cho nhau đậm đà hơn, ngọt mật hơn thường lệ.

Thư ngăn người, lời giảng viên nghe vắng vắng đâu đây.

Tiếng Hải đậm ấm dỗ dành dưới dàn hoàng lan năm nào trong đêm Hải trở về để sáng sớm mai xe thiếu tá Vinh đến đón đi Long Khánh. Cái đêm cả hai đều không ngờ là đêm cuối cùng. Lòng Hải hoang mang vì anh hiểu tình hình chiến trận của những ngày cuối xuân năm 1975. Lòng Thư lo âu vì phim Mộng Thường do Thanh Lan đóng, chiếu trên TV, vì giọng Thái Thanh nức nở bài Kỷ Vật Cho Em mỗi ngày

trên radio. Hải không kể cho Thư nghe nỗi hoang mang của mình. Thư không kể cho Hải nghe nỗi âu lo của mình. Cho nên Thư níu kéo, cho nên Hải chùng chằng:

- Em vô nhà rồi anh mới đi.
- Làm sao anh về?
- Anh đi lang thang.
- Xa lắm!
- Anh đi lang thang để nhớ em.
- Cho em theo anh đi lang thang.
- Không được! Khuya rồi, nghe lời anh, vô nhà đi, ba má la em.
- Em chịu la.
- Chó Nâu hư, anh lớn, anh không để ba má la Chó Nâu.

Thư vùng vằng đi vô nhà, nước mắt lăn dài trên má, nước mắt thấm mặn môi Thư. Nước mắt rơi trên trang giấy đã ngưng ghi chép từ lâu. Thư giả bộ nhắc cặp kính cận lau mắt, lau mặt, làm như mắt bị vương hạt bụi nào đó, hạt bụi của những ngày tháng Sài Gòn thơ mộng.

Sau Hải, Thư chưa một lần được may mắn xung em với những người đàn ông đã có cảm tình với Thư, với những người đàn ông Thư đã có cảm tình. Không phải tiếng em Thư dùng với hai chị mình, không phải tiếng em Thư dùng với hai ông anh rể, không phải tiếng em Thư dùng với mấy ông anh con cô Ba. Bởi vì sau Hải, những mối tình chưa đến đã tan, những mối tình Thư chưa kịp chuẩn bị cho phép lòng mình xưng tiếng em ngọt mật, tiếng em mang ý nghĩa cho nhau. Tiếng em đối với Thư mang đầy ý nghĩa thương yêu gắn bó cho nên Thư không dám dùng khi Thư thấy lòng mình chưa thực sự chín chắn cho chữ em thiêng liêng đó.

Sau Hải, những viên đá tình yêu được ném xuống hồ nước nhưng không tạo được vòng tròn làm chứng tích tình yêu trên mặt hồ bởi hồ nước luôn luôn gợn sóng, bởi lòng Thư chưa yên ổn, bởi những tình cảm của những người đàn ông chưa đậm đà để đủ có kiên nhẫn chờ đợi Thư xưng tiếng em mang đầy thương yêu cho mình.

Harald không hiểu tiếng em màu nhiệm trong ngôn ngữ tình yêu của người Việt nên anh không cần chờ đợi. Anh yêu Thư và muốn sống đời với Thư mà không chờ Thư nói tiếng em yêu anh, ngay cả tiếng yêu anh bằng ngôn ngữ nước anh. Năm đầu mới lấy nhau, trong cơn nồng ấm vợ chồng, Harald năn nỉ:

- Nói đi Thư! Nói rằng em yêu anh bằng ngôn ngữ nước em đi Thư, nói em yêu anh bằng ngôn ngữ tự đáy lòng em đi Thư.

Thư tăng lờ, Thư im lặng, Thư hôn chồng đậm đà hơn. Thư lẩn tránh. Thư cảm nhận tiếng thở dài Harald cố nén tận đáy sâu. Harald không nài nỉ nữa, lời nài nỉ không được đáp lại đã trở thành vết chàm lúc mờ lúc tỏ. Vòng tay trần thơm mềm ấm xiết mạnh hơn không xóa được vết chàm đó trong tình yêu Harald dành cho vợ. Vết chàm chém vào tim Harald, vết chàm luôn quấy phá Harald những lúc hôn vợ. Vết chàm không chịu nằm yên, âm thầm khơi lên những đợt sóng ngầm phá rồi đời sống bình an bên vợ.

Năm mươi tuổi rồi, Thư lúc nào cũng xưng tên mình như thời còn đi học với những người đàn ông Thư giao thiệp hàng ngày. Ba mươi năm rồi, ba mươi năm mất Hải, mất bàng hoàng không một dấu tích báo trước; Hai mươi năm rồi, hai mươi năm tình nghĩa vợ chồng vẫn thấm thiết mặc dù không có một đứa con để gắn bó với nhau; Thư chưa một lần được xưng tiếng em thiêng liêng. Thư chôn vùi tiếng em ngọt mật đó dưới lòng đại dương như con ốc hương khi sợ hãi vội đóng kín tấm phen, thu mình trong lớp vỏ ốc cứng mang màu nâu, trắng mỹ miều, dũi sâu xuống lớp cát trắng mịn xa tận biển khơi.

Nỗi sót xa thảnh thoảng làm nhói tim Thư vì Thư biết rằng mình không bao giờ có được cái điểm phúc đó, cái điểm phúc được xưng em ngọt mật với người chồng không hiểu ý nghĩa thiêng liêng của chữ em, với người chồng mình thương yêu. Điểm phúc cho chị, điểm phúc cho em.

TRẦN VIỆT CƯỜNG

hoa nở cho người

là thiên đường tình yêu anh mở rộng
lối nào vào cho em bước thênh thang
vòng nguyệt quế giữa đêm trăng gió lộng
nụ ân tình đang tỏa ngát mùi hương
và anh ơi
em tự hỏi thực hay mơ
anh có đầy hay rồi tan biến mất
khi bình minh đem ngày mới cho đời
em- đã quỳ đơn sơ trong đêm tối
chỉ riêng mình với nỗi đơn côi
mai héo rũ không còn ai nhớ biết
trái tim hồng thơm máu lệ thăng hoa
giọt nước mắt yêu thương rơi lặng lẽ
rớt xuống ngậm ngùi cho người biết nhớ nhau
anh, hiện hữu một đời trong nỗi nhớ
đau đáu tận cùng theo nhật nguyệt không tan....

trăng có vỡ mặt trời có tận
nỗi nhớ người vẫn nhưng nhức trong tim
và nếu thực đến ngày hoại huyết ,
tan vào lòng đất lạnh trở mầm hoa.
Những cánh hoa đỏ au như máu
điểm trang đời cho người biết yêu người.
em đừng sợ đã quỳ kia nở muộn

nhưng luôn mang thông điệp của bình minh.
cho ngày sáng đêm không còn tăm tối
giọt lệ đời lăn vào cõi trống không
giọt lệ lăn không ăn năn hờn dỗi
sẽ rơi vào nỗi nhớ chẳng phai pha.

anh vẫn là gã điên biết nhớ
nụ hôn đầu ngây ngất sân si.
anh vẫn là gã điên còn thờ
giữa tiệc đời đầy tráo trở hôm nay.
anh vẫn là gã điên say ngất ngưỡng
ám ảnh bên em như bóng quái ma hời.
trong hôn mê xả lảng nhập cuộc chơi
mặc khánh tận một đời thua với lỗ.
có hề gì khi ngược sóng vẫn bơi.

Câu thơ viết cho người như ngưng thờ
Như vạt tóc khô trong túi đựng càn khôn.

TRẦN KIÊU BẠC

Biên hòa ơi!

Sao nhớ quá

Cái nhớ của tôi lập lại nhiều lần vào những thời điểm khác nhau. Nhớ Biên Hòa là điều có thật, hay nói cách khác là không giả dối chút nào. Đó là những lần một mình vào siêu thị sau giờ làm việc, chiều nắng hơi nhạt, gió hơi lạnh, một mình lang thang trong chợ. Chỉ một mình lang thang, tôi bắt gặp Biên Hòa trong tầm mắt mình, tôi sờ Biên Hòa trong tay mình, tôi ngửi được Biên Hòa qua mũi mình qua hàng trái cây có những trái bưởi vàng rất đẹp. Nhất là khi thấy những trái bưởi nhỏ nhỏ đáng quen thuộc như mình đã biết hồi năm nào còn thơ ấu. Bà Nội tôi thường bảo tôi người ta gọi đó là bưởi Ổi, chỉ to hơn trái ổi xá lỵ một chút, đáng mảnh khảnh dễ thương như cô con gái mới lớn, còn e ấp, mắc cỡ, mỗi khi ai nhìn vào ngực chưa bằng trái bưởi ổi của mình. Bưởi Ổi thơm lắm, mà bưởi tôi thấy trong siêu thị bên này không thơm bằng. Mỗi lần Tết, Bà Nội tôi chưng bưởi lên bàn thờ là mùi thơm bay xa lắm, tôi ngồi học bài xa bàn thờ cũng ngửi được. Mùi thơm được giữ lâu qua đêm rằm tháng Giêng vẫn còn nguyên và có khi còn đậm đà hơn trước Tết. Tôi phải dài dòng như thế để có ý nói rằng hương bưởi đã là một phần trong trí nhớ tôi qua nhiều năm xa quê cũ.

Đến khi về sống tại Biên Hòa tôi thường thấy loại bưởi nhỏ nhắn này. Tôi mua về để trong phòng là thấy đời như tươi thêm, và hình như học bài mau thuộc thêm.

Thử hỏi, trong lòng tôi có bưởi, trái tim tôi có bưởi, thì khi nhìn thấy bưởi sao không nhớ Biên Hòa? Không nhớ mới là chuyện lạ!

Từ hồi nào không biết, tôi tự xếp nỗi nhớ ấy vào loại NHỚ CÓ ĐIỀU KIỆN, tức là mỗi khi thấy bưởi là nhớ Biên Hòa, hay có nhìn thấy bưởi tôi mới nhớ! Xin đừng đánh giá tôi hạn hẹp hay hời hợt, bởi lúc nào lòng tôi cũng đầy ắp Biên Hòa và ngập tràn hương bưởi.

Tôi tự an ủi và thấy an tâm khi nhớ lại điển xưa tích cũ: Nỗi nhớ thường đi đôi với ngoại cảnh và điều kiện. Chúng ta đã biết câu thơ đầy tình cảm qua điển tích Trung Hoa:

“Gió Thu một tiếng bên tai

Thuần lư sực tỉnh nhớ mùi Giang Nam”

Đó là chuyện ông quan Trương Hàn thời Trung Hoa cổ, người đất Giang Nam, trấn nhậm nơi xa, đến khi gió Thu về gợi nhớ mùi rau thuần và mùi cá lư là những thức ăn hồi nhỏ, coi như đặc sản ở quê ông. Nỗi nhớ quê làm ông xao xuyến, chịu không nổi đến độ từ quan mà về quê để có dịp gặp lại và thưởng thức món đặc sản quê nhà bấy lâu xa cách. Tôi nghĩ gió Thu và mùi thức ăn đặc sản đã làm cho ông nhớ lại quê xưa như là điều kiện cần thiết vậy.

Phải nói rằng nỗi nhớ quê nhà không hình dáng, không cân đo được, mịt mùng sâu thẳm, mà làm lòng người nôn nao một nỗi nhớ quay quắt. Cả loài vật cũng vậy, câu “Việt điều Sào Nam Chi, Hồ Mã Tê Bắc Phong” là một thí dụ. Chuyện xưa Ngựa Hồ Chim Việt, hay Chim Việt Cảnh Nam, Ngựa Hồ Gió Bắc tưởng không xa lạ gì với mọi người, nhưng cũng nên nhắc lại: Chu Thành Vương nhận con chim của Vua nước Việt dâng lên, vẫn không khỏi ngạc nhiên khi thấy con chim trong vườn ngự vẫn chọn cành cây phương Nam mà làm tổ. Hay con ngựa của Rợ Hồ dâng cho Hán Vũ Đế, mỗi khi nghe gió bắc về thường ngoảnh mặt về phương Bắc để hí vang!

Thì ra, hoàn cảnh và điều kiện làm người ta và cả loài vật đều nhớ nhà theo cách riêng cũng không lạ. Còn tôi, khi có dịp thấy trái bưởi hay tình cờ nghe mùi hương bưởi là nhớ Biên Hòa đến xao xuyến cả lòng!

Dẫu nỗi nhớ Biên Hòa là mịt mùng, là sâu thẳm, tôi vẫn như cuốn hút vào những nơi đặc biệt có nhiều kỷ niệm hay những dấu ấn đầy tình người. Tôi muốn nhắc đến trường Ngô Quyền trước hết. Đó là thời vàng son của thời mới lớn, biết suy nghĩ và nhất là biết yêu. Đó là những kỷ niệm mà cả đời không bao giờ tìm thấy được. Ở đâu đó, trong ký ức mỗi ngày càng mờ nhạt, thì hình ảnh ngôi trường xưa càng đậm nét. Tôi thấy lại thầy Hiệu Trưởng Phạm Đức Bảo với chiếc Lambretta 2 màu cùng thân hình vạm vỡ và mỗi sáng thứ Hai đầu tuần, Thầy vẫn thường cầm cái roi đi rào quanh sân trường xem có đứa nào không mặc đúng đồng phục để chào cờ không? Nỗi lo khi gặp Thầy lúc đó bây giờ là nỗi nhớ khó nói bằng lời! Lời giảng bài của thầy Phiên (Toán), thầy Cát (Toán), thầy Lang (Pháp văn), thầy Chúc (Anh Văn), cô Oanh (Sử Địa), thầy Bích (Triết), thầy Phúc (Lý Hóa) ngày nào vẫn đầy uy lực

trong tôi. Đó là những nhịp cầu đầu tiên đưa tôi vào đời mà bây giờ nhớ lại, tôi vẫn thấy cần mang ơn đến trọn đời. Tiếng xe Lam và tiếng lao xao của đám đông nữ sinh trước giờ học, áo trắng và giày không cao gót vẫn là nỗi ám ảnh mỗi khi nhớ lại trường xưa. Tôi đã chìm trong tiếng lao xao đầy quyến rũ ấy để tìm ra một tà áo trắng để nhớ nhung và yêu mến để khi rời xa tuổi học trò, chỉ còn lại một vết sẹo thật sâu bên ngực trái. Tôi chỉ học ở Ngô Quyền năm cuối bậc Trung Học, nếu dài hơn và lâu hơn, không chừng khuôn ngực tôi, cả bên trái và bên phải chập chùng những vết sẹo không bao giờ lành lặn! Những lời Thầy Cô giảng dạy mê hoặc tôi đã đành, mà những tà áo trắng, vài tiếng guốc khua nhẹ êm và len lén đã khơi trong tôi niềm nhớ nhung khôn xiết. Ngô Quyền ơi! Trường vẫn còn đó, dù đã qua bao thay đổi, nhưng tìm đâu được thời xanh tóc và thấy đâu được kỷ niệm vàng theo thời thơ ấu đã lùi xa?

Tôi sống ở Biên Hòa lâu hơn thời gian tôi đi học. Tôi đã đi đến những nơi xa và nơi gần của Biên Hòa, những ngõ ngách, những đường rộng đường hẹp, những vườn cây trái và tiếp xúc được nhiều giới trong xã hội, nên tôi có thể nói rằng Biên Hòa là nơi đất lành mà chim cần tìm ra để đậu và người cần tìm đến để sinh sống và làm ăn. Những năm chiến tranh dai dẳng, Biên Hòa vẫn không nổ ra những trận giao tranh lớn và Biên Hòa vẫn không chịu hậu quả nặng nề do chiến cuộc gây ra. Phải chăng đất đai, phong thổ, hay vị trí chiến lược đặc biệt cùng sự phù hộ của các Đấng Thần Linh đã cho Biên Hòa sự vững vàng như thế? Thật là khó lý giải để thuyết phục một trăm phần trăm, nhưng có một điểm mà tôi cho là có thể tác động tới mọi thứ, đó là TÍNH CÁCH CỦA NGƯỜI BIÊN HÒA (viết hoa). Phải thành thật và công bằng mà nói, người Biên Hòa rất hiền hậu và chân thật trong đời sống, sinh hoạt lẫn giao tiếp! Đó là tôi nói về cái thời xưa của Biên Hòa còn sau này, tôi không biết. Người Biên Hòa bình dị nhưng không kém phong lưu trong đời sống! Trong đối xử với nhau, mọi người đều khoan hòa, không cự cãi quá mức. Nói năng từ tốn, không nóng vội, người Biên Hòa ăn không to miếng, ăn không nghe tiếng, không gấp lia lịa, mà nhai kỹ và không nuốt ừng ực, không húp sù sụp. Người Biên Hòa ít khi to tiếng với hàng xóm. Đi không vội mà bước chân vững vàng và đĩnh đạc làm người Biên Hòa đầy vẻ chững chạc, tự tin hơn. Phụ nữ chỉ mỉm cười nửa miệng cũng làm điều đúng biết bao anh hùng. Gặp chuyện vui quá, người Biên Hòa cũng không cười to tiếng, có giận hờn, người cũng không la lối om sòm. Tôi xin kể một chuyện hồi tôi còn ở đó, cũng lớn xộn rồi. Tôi kêu một anh bán cà rem trạc độ tuổi tôi vì định mua cà rem. Anh ta bung thùng cà rem tới, nhưng tôi đổi ý không mua! Tôi thấy sắc mặt anh ta hơi đổi khác, tôi hơi lo, nhưng anh vẫn nói trong hơi thở điều hòa và bằng một giọng vừa phải: “Sao không mua “anh Hai”, cà lem tui ngon lắm mà!”. Tôi biết ngay là người bán cà rem là dân Biên Hòa chánh hiệu, nếu không, tôi sẽ không được yên đâu! Một chuyện khác là tôi có người quen là Cô Giáo ở Biên Hòa. Một ngày không hên, nhà Cô bị trộm viếng. Tên trộm vừa lấp ló ở chuồng gà thì bị cô bắt gặp. Cô chỉ từ tốn hỏi “Ăn trộm hả?”. Chỉ ba tiếng nhẹ hều như vậy mà

tên trộm hoảng sợ hết hồn trong hai giây, chắc là một giây ngạc nhiên và một giây cảm động, rồi bẻ giò lái, chạy bèn gót, bỏ lại trước chuồng gà một chiếc dép đứt quai! Nếu còn ở lại, có khi được Cô giáo hỏi thêm “Mạnh giỏi không”, thì chắc mừng hết lớn nổi!

Người Biên Hòa như thế, hỏi sao tôi không thương không nhớ chứ? Đã ra vùng ngoại ô Thành phố Biên Hòa thì mới thấy rõ cái dễ thương của vùng đất dễ sống này. Tôi đã đi từ sương sớm tới tối mịt mới về nhà. Tôi đã lội cùng khắp, tất nhiên là chưa thể đi hết, và đã thấy Biên Hòa đẹp biết bao! Gần nhất là Cù Lao Phố, Cầu Gành hay xa hơn nữa là Bửu Long, Châu Thới hoặc Tam Hiệp, Long Thành... Đó là sương, là nắng, là màu mỡ thiên nhiên, là sức sống trào dâng, và cũng là muôn vàn khó nhọc.

Ở đâu cũng thấy nhiều mảng xanh mát rượi đến không ngờ. Những cây bưởi tàng xanh, bày những chùm hoa trắng làm xao lòng người thăm viếng. Trong những mảnh vườn gia đình con con, người ta trồng đủ loại rau hay hoa cỏ với nhiều màu sắc mà người nhìn như thấy thỏa mãn con mắt hơn là nghĩ đến dạ dày! Cây, hoa, trái là thơ là nhạc mà những nốt tròn trắng hay những âm giai rời trải từ xa đến gần như một dải lụa thon mềm trên vai một bậc quý phi. Mọi người đến đây và trở về đều mang theo mình một cảm xúc khó quên về một Biên Hòa màu mỡ đầy hương vị quê hương. Sự hẹp hòi không bao giờ tồn tại được ở Biên Hòa mà nơi đó có sự hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, không gian tham, lừa lọc. Nhà này lúc túng cùng có thể sang láng giềng mượn lon gạo về ăn, xin bó củi về nấu, xin bó hoa về chưng hay xin bó rau muống về luộc. Chuyện nhỏ mà! Tôi đang mơ màng về bưởi, một tác nhân làm nên “Nỗi Nhớ Biên Hòa” trong tôi mỗi khi vào siêu thị. Ở đâu cũng bưởi, trong vườn nhà, bên cạnh sông, ngoài ngõ, trong sân, trên xe Lam và trong chợ...

Bưởi làm cảm xúc dâng cao, bưởi gây nỗi nhớ nhà thêm đầy, và bưởi cho tình người thêm ngọt. Tôi miên man với bưởi, tôi nhớ Bà Nội tôi qua hương bưởi và tôi nhớ Việt Nam mến yêu qua hình bưởi quen thuộc quê nhà!

Nhìn lại sông Đồng Nai, ở khúc nhớ Biên Hòa, tôi lại nghĩ đến những ngày tuổi xanh đầy mơ mộng. Tôi đã tắm nơi khúc sông này, đã bơi theo nghĩa bóng, những hình ảnh con gái xinh xinh trên bờ sông bên bồi bên lở. Tôi đã một mình đứng lặng trên Cầu Mát để có những vần thơ vu vơ vô nghĩa mà bây giờ đọc lại thấy ngượng ngùng! Sông Đồng Nai bao dung và luôn rộng mở tấm lòng với du khách. Tôi chưa thấy một đáng tiếc nào xảy ra nơi khúc sông tôi ở cạnh trong suốt thời gian xưa nên tôi kết luận không vội vàng như thế. Đồng Nai đồng nghĩa với nước trong gạo trắng, với đồng xanh bát ngát và ruộng lúa mùa vàng, là nôi Mẹ ấm lòng, là cây bưởi trắng hoa, là hương cau trâu thơm ngát!

Tôi lan man nghĩ đến sương và nắng ở Biên Hòa. Sương sớm màu khói nhang rất đẹp. Sương chiều màu đậm hơn và làm người ta yếu lòng khi ngắm lâu! Qua màn sương ấy, tôi mơ màng nghĩ đến một mối tình tuổi trẻ nông nổi dễ tan vỡ như màn sương và cũng từ màn sương đó tôi nghiệm ra rằng những bàn tay Mẹ tảo tần qua

một nắng hai sương không dễ gì tan trong lòng những người con hiếu đễ. Nắng từ Biên Hòa hắt ra cũng mang một sắc thái khác thường. Đứng từ bên này sông nhìn qua bên kia, chúng ta thấy con nắng (xin lập lại là con nắng, không phải con nắng) nhảy múa như reo vui cùng thiên hạ.

Nắng reo từ tà áo bà ba yêu kiều thiếu nữ, nắng riu rít theo những giọng cười của cô gái chèo đò, nắng đùa vui với hạt lúa vàng, nắng xôn xao với những gia đình nhỏ bé và sum họp một cách thân tình và dễ mến. Những giọt nắng chiều chảy xuống, đọng trên những nhịp Cầu Gành là bức tranh tuyệt mỹ của thiên nhiên mà không phải nơi nào trên Tổ quốc ước mơ mà có được.

Tôi đã đi hơi xa về nỗi nhớ Biên Hòa? Không đâu! Tôi vẫn còn bình tĩnh để thấy quanh mình những dấu kỷ niệm không dễ phai về một nơi tôi đã sống qua! Trong chúng ta, mỗi người mang một số phận, mỗi trí óc một suy nghĩ, nhưng tôi tin lòng hoài hương thì chỉ có một, hay ít ra cũng giống nhau như là một. Tôi nhớ Biên Hòa có thể bằng chi tiết khác những đồng hương, nhưng trong tôi, và trong lòng những người đồng hương yêu quý đó chỉ có một Biên Hòa.

Bây giờ thì xa lắm rồi với vô vàn kỷ niệm cũ, chúng mình gặp nhau bây giờ chỉ là để có dịp nhắc lại thôi, chứ Biên Hòa vẫn xa và nằm ngoài tầm tay của chúng mình. Cho nên tôi vẫn hằng ao ước có một thành phố Biên Hòa thật gần gũi và luôn nằm trong tầm tay với. Làm một Biên Hòa trên không gian ảo chẳng? Nên lắm chứ! Tôi lại ao ước có một Website về Thành phố Biên Hòa thống nhất, không cần ở hai nơi như Texas hay Cali hay nhiều nơi khác bởi Biên Hòa dù trời có lỗ, đất có long thì vẫn muôn đời là một, là nơi dấu yêu cần được luôn nhắc nhớ, tôn trọng và giữ gìn. Có Website, dù là ảo nhưng mỗi lần mở ra là thấy Biên Hòa một bên với trường xưa bạn cũ, với tiếng cười nói thật vui của bạn bè, tiếng ồn ào của bến xe Lam, tiếng vọng chuông chùa ưu tư trầm vắng buổi chiều, hồi chuông ngân giáo đường buổi sớm, hay nỗi vắng im của quán cóc cà phê lẻ loi mà không cô độc, hay tiếng ì ầm của sóng nước Đồng Nai chảy hoài như không bao giờ cạn. Gần nhất, tôi ao ước có lần được trở về thăm lại Biên Hòa, một mình cũng được, hay với ai đó mà tôi có cảm tình đặc biệt càng hay! Về để nhìn lại ngôi trường xưa đã làm mình lấm lấm nhưng nhớ, để thấy tình người vẫn còn, tình Thầy Trò vẫn y nguyên, để gửi lại trọn vẹn mùi hương buổi toát ra từ những chùm hoa trắng tinh nở sớm bằng đất Biên Hòa, bằng nước Đồng Nai, và qua sự chăm bón của những bàn tay Biên Hòa chính hiệu, không cần vay mượn hương buổi Mỹ hay Mễ ở nơi xa ngoài Tổ quốc này.

Không biết đêm nay tôi còn thao thức và trăn trở với nỗi nhớ Biên Hòa hay không?

Phạm Ngọc

Tương tư

Dang tay
góp gió xanh trời
em và tôi
mộng
rã rời bước nhau
đàn rơi
âm vọng cung sầu
note tương tư
vỡ
nát nhàu thỉnh không

Em – trắng
giữa chốn bụi hồng
tôi – thơ
gọi gió phiêu bồng
dặm xa
tạ tình
câu phúc âm qua
lỡ câu
quan họ như là trăm năm
thu reo
nỗi nhớ thật gần
mùa trăng góa phụ
âm thầm
gọi nhau...

Trần Thị Hà Thân
Chờ đợi

chiều hôm nay
nắng nhạt màu
vô tình len một nỗi sâu vào tim
nhịp tình yêu
gỗ im lìm
để nghe rõ tiếng cô liêu quanh mình

biết yêu
dày đặc muộn phiền
biết đâu
mai nắng len duyên hẹn hò?

Em về tìm lại

gập ghềnh những bước em đi
là khi tình ngược đời, bi lụy người
thêm lần cười mất tiếng vui
thêm câu thơ vớt ngậm ngùi, trong em

bây giờ anh biết bon chen
bao giờ em cũng là em, ân cần
vui – buồn - hạnh – phúc mấy lần?
em về tìm lại tình lành nay mai

Khai Nguyên

Ngã tư cuộc tình

Phố dài hun hút
Xanh đỏ vàng xanh
Ngã tư cuộc tình
Em đã đi rồi
Thơ tôi quần quai
Hoang dại công viên
Tình sâu kết trái
Hằng đêm hằng đêm
Chẳng yên giấc lá
Buồn nẫu lên men
Em qua xứ lạ
Rượu say nghiêng ngã
Lửa cháy thâu đêm
Tro tàn kỷ niệm
Rắc đầy huyết sâu
Em vui nơi đâu?
Nơi đây tang tóc
Đèn đường đang khóc
Xanh đỏ vàng xanh
Ngã tư cuộc tình.

Đinh Yên Thảo

Dòng người xếp hàng thâu đêm

chờ mua hàng ngày Black Friday.

Truyền thống mua sắm ngay ngày Thứ Sáu, sau lễ Tạ Ôn đã trở thành một hoạt động thương mại truyền thống của người dân Mỹ. Nhắc đến lễ Tạ Ôn, người ta không chỉ nói đến ý nghĩa tinh thần, những bữa tiệc sum họp gia đình có gà tây mà còn cả những bàn tán xôn xao về những món hàng đại hạ giá ngày Thứ Sáu hôm sau. Năm nay, Black Friday được giới truyền thông đưa những hàng tít “Black Thursday”, khi một số hệ thống bán lẻ mở cửa đón khách từ ngay chiều tối Thứ Năm ngày lễ Tạ Ôn. Nhân mùa lễ Tạ Ôn, chuyên mục mời các bạn cùng chúng tôi “đạo” qua đôi điều về ngày “Black Frid” này.

Trong khoảng 5 năm trở lại đây, ngày Thứ Sáu sau lễ Tạ Ôn vẫn được mọi người quen gọi là “Black Friday” đã trở thành ngày mua sắm đông đảo nhất trong năm. Một số người đã chờ sẵn dịp này để mua sắm một số vật dụng trong gia đình đã được tính trước, phần lớn là các mặt hàng điện tử như TV, đầu DVD, máy nghe nhạc, điện thoại, áo quần... Thật đúng dịp, nếu cần thay thế những TV đời mới mà giá cả có khi chỉ còn phân nửa. Nhưng có những người khó lòng cưỡng lại những món hàng giá hời, bất cứ thứ gì, để tham gia vào chuyện mua sắm cho mình hay chuẩn bị quà Giáng Sinh. Hay cũng là chuyện “đạo chơi”, ngắm nhìn thiên hạ sắp hàng hay khệ nệ bung đồ, hòa vào nhịp đập ngày lễ. Cách nào đi nữa, thì Black Friday cũng thu hút hầu hết dân Mỹ đổ đến các cửa tiệm. Ngày Black Friday năm 2010, theo số liệu từ ShopperTrak đã có trên 70 triệu người đổ xô mua sắm và năm nay được dự đoán có thể tăng cao hơn nữa. Các tổ chức thống kê về hoạt động thương mại ước tính số người mua sắm trong cuối tuần sau lễ Tạ Ôn năm nay có thể lên đến 152 triệu lượt người, hoặc tại tiệm, hoặc mua sắm qua internet. Hầu hết các hãng xưởng không hoạt động trong lãnh vực mua bán, dịch vụ đã cho nhân viên nghỉ thêm ngày Thứ Sáu sau lễ, đã là một trong những lý do đẩy số người đi mua sắm lên cao.

Ngày nay, theo cách giải thích và được mọi người hiểu một cách đại chúng về từ “Black Friday” là ngày lợi nhuận của các cửa tiệm. Nhưng thật ra cụm từ này được xuất phát từ Philadelphia, được Sở Cảnh Sát thành phố này đặt tên, nhằm chỉ ngày đông đúc người bộ hành hay xe cộ trong ngày Thứ Sáu sau lễ Tạ Ôn nên cần phải gia tăng kiểm soát. Cụm từ lan truyền khỏi Philadelphia, thay đổi ý nghĩa và ám chỉ ngày mua bán bận rộn trong năm.

Thoạt đầu các tiệm buôn, hệ thống bán lẻ đã không mấy “mặn mà” với cụm từ đầy vẻ “u ám”, đen tối này. Nhưng khi những người áp dụng tiên phong tìm cách giải thích rằng nó ám chỉ các số liệu lợi nhuận mục đen thay vì khoản thua lỗ màu đỏ, cụm từ đã được chấp nhận và trở thành phổ biến để chỉ ngày mua sắm bận rộn, đầy lợi nhuận cho sinh hoạt nước Mỹ như hiện nay. Và quả thật, khi các thương vụ

trong năm chỉ là cầm chừng, khoảng thời gian từ tháng 11 đến cuối năm mới thật sự là thời gian gỡ gạc và thu lợi của các hệ thống bán lẻ.

Nhiều năm trước, Black Friday không phải là ngày mua sắm bận rộn nhất trong năm, mà là ngày Thứ Bảy trước lễ Giáng Sinh, khi mọi người đổ dồn đến các cửa tiệm phút chót để mua sắm các món quà Giáng Sinh cho gia đình, người thân. Nhưng như đã dẫn bên trên, từ 2005 trở lại, các số liệu đã cho thấy Black Friday thật sự “lên ngôi” vì nhiều lý do. Đây là cuối tuần mà tại nhiều thành phố đã chính thức thấp sáng cây Noel, dấu hiệu khởi đầu cho mùa lễ cuối năm, chuẩn bị quà cáp cuối năm. Thông lệ tại một số cuộc diễu hành trong dịp lễ Tạ Ôn thường có ông già Noel đi sau cùng, để nhắc mọi người rằng Giáng Sinh và mùa lễ đã dạm chân ngoài thềm cửa. Thêm vào đó, một số hãng xưởng đóng cửa hay nhân viên lấy ngày phép để vui chơi, sum họp với gia đình đã gia tăng số người tham gia mua sắm. Số người từ Canada đổ sang Mỹ “ăn ké” ngày Black Friday cũng góp phần đáng kể tổng thu cho ngày này.

Nếu chỉ dăm năm trước, các cửa tiệm chỉ mở cửa lúc 4,5 giờ sáng ngày Black Friday, thì từ năm qua đã có hệ thống mở cửa lúc nửa đêm, như Walmart. Nhưng năm nay vài hệ thống bán lẻ còn thông báo mở cửa từ tối Thứ Năm, cũng như Best Buy tại vài thành phố khác nhau còn đưa cả các màn hình lớn ra ngoài trời, chiếu phim “phục vụ” khách hàng sắp hàng. Không phải khách hàng nào cũng đồng ý việc mở cửa sớm trong ngày Thứ Năm này, nhưng các cửa tiệm cho rằng họ thực hiện điều này vì “khách hàng là thượng đế” và “thượng đế” muốn vậy.

Sự phát triển về các dịch vụ mua sắm qua internet cũng góp phần đáng kể vào hoạt động mua sắm nhộn nhịp này. Từ cả tháng trời đến đôi tuần trước lễ Tạ Ôn, các trang mạng đã quảng bá rầm rộ các món hàng hạ giá trên mạng, hay lần lượt đăng các mẫu quảng cáo “dưới đất”. Đây là hoạt động được gọi là lễ Tạ Ôn trên không gian ảo (Cyber Thanksgiving), có những cách quyến dụ khách hàng khá hữu hiệu. Nhiều người không chủ đích mua hàng qua internet mà chỉ lên net để tìm hiểu, dò la các món hàng sẽ được bán tại các tiệm dưới đất, bị các quảng cáo nhiều món hàng đại hạ giá có thể mua liền, vừa đỡ công xếp hàng chờ chực, nhiều món giá cả cũng khá hời không kém chuyện thức dậy nửa đêm, sắp hàng ngoài trời lạnh giá để mua đồ, lại chẳng tốn tiền cước phí. Bên cạnh các trang mạng của chính mình, các hệ thống bán lẻ tận dụng tối đa các kỹ thuật internet qua các trang mạng xã hội như Groupon, facebook, LivingSocial ... để quảng bá các món hàng đại hạ giá. Không chỉ bắt đầu từ vài ngày trước lễ Tạ Ôn, đến ngày Black Friday mà còn cả một ngày Thứ Hai kế tiếp gọi là Cyber Monday để chiêu dụ khách hàng, đặc biệt giới trẻ.

Nhưng tất cả các hoạt động mua bán ngày Black Friday này không hoàn toàn “vui nhộn” như vậy. Không ít khách hàng đã trải qua cảnh xếp hàng chờ chực nhiều tiếng đồng hồ để khi đến phiên mình và được thông báo rằng món hàng “sale” đã bị

hết. Chính vì vậy mà một đôi năm qua, đã có vài nơi chen lấn dẫn đến xô xát, ẩu đả hay chết người như tại Walmart, New York hồi 2008, khi khoảng 2,000 người đồng loạt xông vào cửa tiệm và đè lên một nhân viên của Walmart. Hay một vài vụ bắt giữ khi có kẻ cắt hàng, và đã móc súng dọa đám đông khi bị phản đối. Nên việc mua sắm trong trường hợp đặc biệt này không nên dẫn theo con nhỏ, dù để “cưỡi ngựa xem hoa”. Mặt khác, chưa có số liệu thống kê chính thức, nhưng trong một ngày (hay đêm) đông đúc và hối hả như vậy, khả năng các vụ cọ quẹt, tai nạn giao thông cũng không phải là điều bỏ qua. Mua được (hoặc không được) một món hàng giá hời, nhưng nếu phải bỏ tiền túi sửa xe hay bị tăng bảo hiểm vì đụng phải xe người khác, quả không là chuyện vui cho bất cứ người nào. Black Friday trong những trường hợp này sẽ trở thành ngày Thứ Sáu “hắc ám” đúng theo nghĩa đen của nó. Sau khi “cân-đo-đếm”, sự chọn lựa cách mua sắm nào cho cuối tuần Black Friday này tùy theo mỗi người. Nhưng nếu vừa có thể mua sắm nhẹ nhàng, đỡ mất thời giờ vừa có thể nhăm nháp ly vang hay trà nóng, tham gia “Cyber Thanksgiving” qua việc mua sắm trên internet xem ra là khá an toàn và dễ chịu.

THÁI BẠCH VÂN

Mây tím

Nhớ mãi mùa thu nắng chẳng say
Ngập ngừng mây tím thoáng bay bay
Cùng ai sánh bước đôi sim tím
Đắm đuối hồn hoa mộng cuối ngày

Mây tím vương vương lượn nẻo trời
Tình ta như vẩn mãi chơi vơi
Hương yêu phong kín, tình chan chứa
Chuỗi mộng long lanh quá tuyệt vời

Chênh chênh tà dương giọt nắng mơ
Hoàng hôn mây tím dệt ngàn thơ
Màu sim tím ngắt, đàn nâng phím
Trôi khúc nhạc tình đẹp ước mơ

Mây tím giăng giăng tím cả trời
Tình ta vương vẩn mãi người ơi!
Hoa sim tím ngắt màu thương nhớ
Lắng... bước chân ai vọng dưới đồi...

Giữa Giấc Mơ

Một thoáng anh về giữa giấc mơ
Để em chúc mộng một nguồn thơ
Đàn anh dịu dặt ru êm ả
Như kén bướm vàng nhẹ nhả tơ

Phút chốc trần gian thoáng nhạt mờ
Đôi ta tan loãng giữa hư vô
Cùng nhau chấp cánh lên trời thăm
Mây biếc trắng vàng đến gần ngơ

Cù Hoà Phong

Săn thú rừng vùng An Tượng

Rừng vùng An Tượng rộng lớn ngút ngàn, nhiều dãy núi cao lồng lộng, Chạy từ Đồng Sim xuống đến Đông Giêng, cây cối bạt ngàn với con sông uốn lượn theo dòng chảy từ vùng ranh Phú Yên ra cầu Bà Gi, nhìn vào hướng nam là Hòn Ông cao lớn, đá dựng cheo leo thật hiểm trở, dưới chân thì nhỏ, càng lên cao càng lớn như một vòm che, chưa hề có bước chân con người lên đỉnh núi, nhiều cây cổ thụ mọc chằng chịt; Có lần nhóm người đi săn gặp cụ Bảy Dần hơn tám mươi tuổi ở làng Xóm Mới kể: Trên đỉnh Hòn Ông thì chỉ có chim chóc và các loại bò sát như trăn, rắn rít và kỳ đà, ban đêm thường có nhiều vệt sáng lóe lên, rồi vụt tắt, bao đời người dân sống quanh vùng chưa biết là vật gì, có nhiều lời đồn đãi là rắn thành tinh hay trên đỉnh có nhiều hạt đá kim cương, ngọc thạch phản chiếu bởi ánh trăng sao chiếu rọi hay là những hồ nước chứa đầy sau cơn mưa...; Rồi thỉnh thoảng dân làng đi đón củi gặp con kỳ đà cắn lộn rớt xuống to bằng bắp vế, đuôi dài cả thước rưỡi, có loài rắn mun nằm chết thân mình to bằng cây chuối, còn trăn thì khỏi nói, nó rớt xuống đầu đụng đất mà đuôi thì còn trên ngọn cây dừa... Ai đã có dịp đi vào vùng Hòn Ông mới thấy sự linh thiêng và đầy bí ẩn. Còn dưới chân núi thì voi, beo, nai, cọp, mễnh, có cả bầy ngựa hoang, và heo rừng, còn thỏ thì nhiều nhưng ở ngoài rừng thưa.

Nhóm đi săn thường thì từ năm đến bảy người, cùng đi trên một chiếc xe lambletta 3 bánh, mỗi người mang theo đồ dùng cá nhân, kể cả gạo và thức ăn, súng thì có ba loại shotgun, rifle (súng trường) và carbine, đèn săn bằng đá carbure, mọi người cùng mặc áo vải màu vàng để dễ nhận nhau lúc rượt con mồi cũng như nghe hai phát súng báo hiệu tập trung, mỗi lượt đi là hai ngày của cuối tuần, địa điểm khởi hành tại quán cô Tư Chân Voi, phía đông cầu Phụ Ngọc, và vùng đến là An Trường cách quốc lộ 19 khoảng 15 cây số, con đường từ máy gạo Ông Cây Ba xuyên qua Xóm Mới, Hòn Chóp Vung, xe chạy chừng mười cây số nữa là đến nơi.

An Trường ngày trước là đồn điền của Pháp ủi phá chuẩn bị trồng cây cao su và phía tây là rẫy của ông Câu Hân (Kim Châu) đã bỏ hoang lâu năm, có vài giếng nước bằng đá ong, thành giếng cao, không biết xây từ lúc nào, nơi đây thoáng mát, trăng lớn này thoai thoải xuống đến tận suối nguồn Hòn Ông, càng vào sâu cây cối càng che khuất mặt trời. Đến đây nhóm người ngừng xe xuống nghỉ ngơi, và bắt đầu trời ngã về chiều là cùng nhau tiến vào rừng sâu, họ nói chuyện rất nhỏ, kể cả những bước đi cũng nhẹ nhàng để không đánh động những chú nai vàng đang gặm cỏ, hay những chú thỏ đang đùa giỡn, luôn cả những Ông Ba Mươi đang rình mồi, những Ông Voi xuống suối uống nước.

Người đi săn cũng đòi hỏi nhiều kinh nghiệm, vì cũng rất là nguy hiểm, nếu không rõ phương hướng hay tín hiệu dễ bắn nhầm nhau, hay khi gặp thú dữ như cọp, trăn rừng, rắn hổ mang, mái gầm, heo rừng một mắt, một nanh...

Khi nhìn thấy cọp phải di chuyển thật lẹ sang nơi có cây gốc to, vì cọp mà trúng đạn hay nhảy tới vô; Trăn thì có lần anh Bảy vô tình bước ngang đồng lá ủ, con trăn bung lên quán chắc, anh Bảy Xe Ngựa có súng cũng như không, vì nó siết chặt cả tay chân, may nhờ có bác Thống Tiềm đi gần, nhanh nhẹn kê khẩu Rifle vào đầu con trăn “đoành” một phát, quay lơ, thế là anh Bảy xe ngựa thoát nạn, Trăn mà bắt được mồi thường hay tìm các hố nằm ngủ hàng tháng, nên lá, nhánh cây rừng rụng xuống gặp trời mưa lá mục, người không tinh ý cứ tưởng đồng lá, bước nhầm thì gặp nạn; Còn rắn Hổ Mang, rắn Mái Gầm thì hay theo ăn thịt và hút trứng các loại chim đẻ trong hốc cây cổ thụ, nơi nào thấy có lông chim không nên thò tay vào, kể cả đi gần dưới gốc cây, vì rắn thường nằm trong hốc hoặc ở gần gốc, nó chỉ cần phun nước độc vào mắt là mắt bị mù ngay. Nói tới heo rừng một nanh một mắt thì thật là nguy hiểm, vì chúng rất hung dữ, bắn trúng con của nó, khi nghe tiếng súng chúng nhào tới rất nhanh, ủi cần làm ta trở tay không kịp; ông Xếp Ban làng Cù Lâm Nam kể: ông trồng rẫy bắp và mì, cứ mười, mười lăm hôm là chúng xuống phá, khi bắp mới tượng hạt, ông bèn làm bẫy tóm được 2 chú heo con, cả bầy còn lại chạy ngược về rừng, hai hôm sau con heo một mắt và bầy heo rừng xuống phá tan tành đám bắp của ông, thậm chí mấy hôm sau có người dân làng thả bò lên trảng cũng bị nó xuống rượt, bò chạy tán loạn.

Trên rừng thì đủ các loại ong rừng, nhưng nguy hiểm là loại ong Vò Vè, Ong Lỗ hay làm tổ trong bông cây, trên các nhánh lè tè cách mặt đất không cao, người đi săn thấy nên tránh xa, nếu chọc phá hay lấy mật, không có túi nylon trùm người để bảo vệ, coi chừng chúng bu đốt, nhẹ thì sưng mặt mày, nặng thì làm nóng sốt có thể đi đến tử vong.

Thói quen của loài thú là thường vào buổi chiều mới ra rừng thưa, có lẽ chúng hưởng những ánh nắng còn sót lại trong ngày và nhón nhor với bầu trời trong xanh, chúng có biết đâu đó là những tai họa cho bản thân khi gặp phải những người thợ săn đang phục sẵn chờ chúng xuất hiện, những tiếng nổ “đoành, đoành” thường hay kết liễu

cuộc đời của chúng, họa hoằn lắm mới có một chú thoát chết khi bị thương nhẹ nơi vùng chân hay xuyên qua một phần của cổ, không mấy nguy hiểm.

Trong nhóm đi săn có bác Thông Tiềm là người từng trải và nhiều kinh nghiệm trong săn bắn, bác nói: Chạn vạn hay ban đêm khi chúng ta thấy không rõ dáng nai, heo rừng, thỏ hay cheo, phải nhìn kỹ xem con vật gì? Có lúc chúng chạy, nhảy, đi hoặc đứng im cần quan sát trước mới đưa súng lên ngắm rồi mới bóp cò.

Vùng An Tượng thì còn đàn voi mấy mươi con sống sát chân núi, hay di chuyển đến vùng thanh tịnh, nên người săn ít khi gặp. Duy nhất có lần đi săn Ông Biện Hai rượt theo con cheo ông bắn đã bị thương chạy thực mạng, ông càng rượt nó càng chạy, ông mệt lử, nó cũng hết sức ngã quy, cùng lúc ông nghe mấy nhánh cây kêu lào xào, nhìn sang thì thấy “Ông Voi” đực đang theo hướng ngược lại, quá bất ngờ, Ông Biện Hai liền núp vào gốc cây nã luôn mấy phát súng Garant, trúng cổ nó rống lên mấy tiếng rồi ngã quật xuống, chân thì cào tung đất, vòi thì bẻ mấy cây gần bên và từ từ nằm im, ông Biện Hai mừng quá bắn chỉ tiên hai phát súng báo hiệu, ông bắn hai tiếng đầu vì quá xa nên họ nghe không rõ, tới 10 phút mà chưa thấy ai, ông bắn thêm hai tiếng nữa thì mọi người mới nhận định được hướng mà băng rừng tề tựu, hôm ấy có hai chiến lợi phẩm, con cheo và Ông Voi, con cheo thì ông Ba Tửu xẻ thịt, chuẩn bị đem về xe lấy đùi xắt xào lạng, còn mọi người kéo xác voi đến chỗ trống đốt lửa sáng để dễ xẻ thịt, và tránh được cọp xuất hiện bất ngờ. theo qui ước ai bắn được voi thì ưu tiên lấy được một cái ngà, còn một cái kia thì toàn nhóm ước định giá được bao nhiêu thì Ông Biện Hai phải trả tiền để chia đều cho mọi người, còn thịt thì cũng chia đều, nếu ăn không hết thì bán, tùy thích. Thịt voi mà nhậu thì cũng tạm được, nhưng thịt voi không sẵn, có điều càng nấu thịt càng nở, thớ thịt lớn mà bở, lúc cắt bằng ngón tay xào nấu cho chín thì nở bằng ngón chân cái hay to hơn, thịt voi ngọt nhưng ăn hơi dai.

Xẻ thịt ông voi xong đã gần 9 giờ tối, mọi người kẻ vác, người khiêng về nơi để xe, tập trung nấu nướng, người thì đốt lửa vừa tạo ánh sáng vừa đuổi muỗi rừng và đồng thời cũng làm cho các loại thú dữ như rắn rít không men tới ban đêm. Những đồng lửa bập bùng sáng cả một vùng rừng núi, sau khi ăn uống no nê rồi, mọi người an giấc sau những câu chuyện kể cho nhau của một ngày đi săn. Sáng hôm sau thức dậy, những ấm trà tàu được chế ra từng bát lớn đầy bọt, mọi người vừa thổi vừa húp vừa hàn huyên trăm sự cùng chuẩn bị ra về với những bao tải đầy thịt voi, chất trên mui xe lam với 2 chiếc ngà cong queo, đó là chiến lợi phẩm của kỳ đi săn này.

Lần đi săn vào tháng tám, ông Năm rượt theo con thỏ, băng qua quá cánh rừng thưa thì bỗng nghe tiếng cọp gầm, ông vội núp sau gốc cây để định hướng, cọp lại “Gầm” tiếp, ông liền men theo rừng cây tiến dần đến địa điểm, “Ông Ba Mươi” đang nằm bên một bờ nước, bất thần gió lay một nhánh cây khô gãy xuống “xào”, cọp nghe tiếng động liền đứng dậy, ông Năm thấy rõ hình dáng liền kê khẩu súng trường ngắm ngay ót con cọp và bóp cò “Bầm..bầm”, vừa nghe tiếng nổ cọp đã nháy tới trước vô phải một gốc cây, vì đã bị thương nên nó gầm thét, cào cào nát lùm cây, may nhờ có

cây ké ông Năm đã né vào đó và sẵn đà cho thêm một phát nữa, cộp từ từ nằm bẹp xuống gần lùm cây; Thế là ông năm liền bắn mấy phát tín hiệu, nghe thế biết là ông Năm đã hạ được thú rừng, mọi người chạy đến đưa cộp ra khỏi bụi rậm rồi tiếp tục làm thịt, lấy thịt bỏ vào bao, lấy bộ xương đem về nấu “Cao Hổ Cốt”, riêng bộ da, gồm có đầu và bốn chân đem về nhồi bông rồi may lại để chưng cảnh trong nhà, cho đến bây giờ tại ngôi nhà ông Năm nơi phòng khách vẫn còn ông cộp đứng nhe răng hù mọi người đến thăm “Ông” và gia đình ông Năm.

Ngồi chơi nhắc lại chuyện đi săn năm xưa, ông Năm kể: “Ông thường nằm mơ thấy Ông Ba Mươi về cào cấu trước sân nhà Ông đòi mạng, có lần ông thấy cộp rượt ông chạy bán mạng, từ con đường luồng này đến con đường luồng khác, cuối cùng ông bay lên được cao hơn ngọn tre, cao hơn nóc nhà, cộp đành thua chạy theo dưới đất nhìn lên, một lát rồi bỏ đi”.

Đi săn, lần khác ông Bộ Hiệp rượt theo một con heo rừng, Ông bắn đã bị thương ở chân và đầu đó, nhưng nó cứ chạy ngoằn ngoèo không làm sao bởi thêm một phát nữa, nó lại chun qua một bụi rậm và mất hút ở đây; Lúc này trời đã nhá nhem tối, ông tìm không được lối ra, Ông lại cứ đi lòng vòng một lúc cuối cùng rồi cũng trở lại nơi cũ, bỗng nhiên ông vấp phải một nhánh cây, nhìn kỹ thì ra đó là chân con heo rừng, nó nằm lẳng quay, đầu đút vào bụi cây thở phì.. phì.., ông bồi thêm “một phát an ủi” nữa, nó dẫy đành đạch mấy cái rồi im bặt, thế là ông hí hục kéo nhưng con heo không nhúc nhích, nhìn kỹ thì hai chân trước nó mắc vào nhánh cây; Mồ hôi ra nhễ nhại, ông đành ngồi thở rồi báo hiệu, thế là mấy người tìm lại, cùng phá bụi rậm để khiên xác chú heo rừng ra đem về nơi để xe, lúc này trời đã tối hẳn, lại không có trăng sao vì mây mù che kín, khiên đến nơi, mọi người căng tấm vải dù trên nền nhà cũ, đốt lửa cháy sáng với đống cây rừng, nghe tiếng lách tách, xào xào, trong lúc ấy ông Biện Hai và ông ba Tửu cũng đã mổ xong con heo, còn ông Bộ Hiệp thì thái nhỏ miếng thịt đùi đang xào lẳng trên bếp lửa, bữa cơm tối hôm ấy của nhóm người săn thú hòa với ánh lửa bập bùng trong trong đêm vắng, giữa cánh rừng hoang vu thật là thú vị, lại thêm với nửa xị rượu Bầu Đá còn lại đem ra uống nốt.

Trời đã sáng béc, mọi người mới thức dậy và chuẩn bị lên đường trở về, trên mui xe lam ông Chín Ngọc đã cho thịt heo vào bao tải, cột ràng kỹ lưỡng cùng với các loại đồ dùng, mọi người lên xe và chào tạm biệt cánh rừng An Trường, xe từ từ lẳng bánh xuống dốc Ngang hướng về Xóm Mới và quốc lộ 19, để lại sau lưng hòn Ông cao sừng sững và dòng sông An Tượng muôn đời chảy xiết.

Đi săn thú vui cuộc đời,
Vùng sông An Tượng tuyệt vời biết bao.
Hòn Ông núi dựng ghềnh hào,
Ngàn năm chỉ có trăng sao sáng cùng.
Chân người đầu có tương phùng,

Đỉnh cao chắt ngất lạnh lùng xiết bao.
Chóp Vung hiền hậu đón chào,
An Trường rừng thấp ngổ vào dốc Ngang.
Miền quê vui hưởng thanh nhàn,
Xa xăm đất khách muôn vàng tiếc thương.

NGUYỄN ĐỨC NHƠN
Mùa lá đỏ

Một ngày hoa lá rơi đầy ngõ
Em trở về thăm buổi tựu trường
Tôi đã yêu em từ dạo ấy
Khi tuổi đời vừa nở nụ yêu đương

Em cũng yêu tôi từ dạo ấy
Nhưng tình vội đến vội chia xa
Em lặng nhìn tôi dòng lệ ứa
Ngăn lại làm gì giọt lệ sa!

Cổng trường khép lại cuộc yêu đương
Tôi cũng ra đi vạn nẻo buồn
Từng bước chân đi từng bước nhớ
Thôi rồi chấm hết một mùa thương

Từ đó mỗi lần hoa lá đỏ
Là mỗi lần nhớ quá cổng trường xưa
Em có biết nơi phương trời xa thăm
Có một người lặng lẽ bước trong mưa

Em ở nơi nào em biết không
Đời tôi như chiếc lá sầu đông
Lặng lẽ bốn mùa bay theo gió
Ngăn lại làm gì ngọn bắc phong

Rồi lại một chiều hoa lá đỏ
Có người mang đến một tin vui
Tôi xem thiệp cưới mà như đã
Bóp nát tim mình cho máu rơi

Thôi rồi em hồi vui mùa cưới
Nhớ lại làm gì chuyện trái ngang
Tôi như hoa lá rơi đầy ngõ
Chôn chặt cuộc tình đã dở dang

Từ đó đâu còn mong gặp lại
Nhưng tình quán quít mãi không thôi
Tôi vẫn nhớ về con phố nhỏ
Có một người giẫm nát trái tim tôi

Ngày lại ngày qua tôi vẫn mơ
Mơ về phố cũ cổng trường xưa
Lặng lẽ trong tôi dòng lệ nhỏ
Cho hồn thắm đẫm một bài thơ

Em hồi làm sao tôi quên được
Một chiều trời đất nổi phong ba
Một chiều hoa lá rơi đầy ngõ
Mỗi bước ngập ngừng mỗi bước xa...

Tiểu Tử

CHUYỆN CHẲNG CÓ GÌ HẾT

Thật vậy, chuyện chẳng có gì hết. Nhưng sao nó cứ đeo theo ám ảnh tôi từ mấy hôm nay. Tôi cứ nghĩ đến nó, nhớ rõ từng chi tiết, hình ảnh, từng xúc động trong lòng mình lúc đó. Để rồi trăn trở băn khoăn, không biết những người khác – những người Việt Nam cũng lưu vong như tôi – có cùng một tâm trạng như tôi hay không, nếu họ chứng kiến câu chuyện chẳng có gì hết này. Đó là lý do tôi muốn kể lại những gì tôi đã nghe thấy cách đây mấy hôm. Và tôi nghĩ : kể lại, chắc sẽ làm nhẹ bớt những gì từ bao lâu nay tôi chất chứa trong lòng...

... Hôm đó, tôi đi mua đồ ở siêu thị. Sau khi kiểm điểm lại những gì mà vợ tôi dặn mua – một danh sách mười mấy món – tôi đẩy xe caddie lại xếp hàng để ra két. Vì đông người nên hàng thật dài, kéo sâu vào hành lang giữa hai dải kệ đầy bánh kẹo. Tôi đứng ở cuối cái đuôi, kiên nhẫn đợi, bởi vì người xếp hàng đã đông mà caddie của người nào cũng đầy ắp.

Phía trước tôi, cách hai người, có ba con đầm tuổi choai choai chắc đi chung nên thấy xô đẩy nhau cười nói. Chúng nó nói chuyện với nhau, nói lớn tiếng như chúng

đang ở ngoài đồng và như đứa này cách đứa kia hàng trăm thước ! Một đứa bỗng lấy ra một điện thoại di-động bấm nút rồi nói chuyện. Vì hai đứa kia đang nói lớn tiếng nên nó phải la lớn hơn để người đối thoại mới nghe. Đại khái, nó hỏi : " Hôm qua mày đi với thằng nào ? ... Super... Ừ ! Ừ !... Thằng Alex hả ?... Génial ! ... Ừm ! Ừm ! ... Génial ! ... Rồi mày làm sao ?...Ừm ! Ừm !...". Bỗng nó rút lên vừa nhảy cẫng vừa hét vào máy : " Ố ! Ố !...Super ! Super ! Génial !... Ố... Thôi ! Mày gọi lại tao há ! Bye ! " Nó đóng máy lại mà mắt môi vẫn còn đầy kích động ! Có vài người nhìn nó, nhưng cái nhìn dừng dừng. Chẳng thấy có ai cau mày hay lắc đầu nhẹ nhẽ để thấy họ có phản ứng, dù là gián tiếp ! Coi như chuyện bình thường...

Tôi thì tôi không chịu được! Thật là mất dạy. Mà ở xứ Pháp này, cái thứ mất dạy như vậy, đây! Chẳng còn nề nếp gì hết, chẳng còn lễ độ gì hết, chẳng còn kiêng nể gì hết. Loạn!

Chính trong lúc đó tôi nghe phía sau tôi giọng đàn bà nói tiếng Việt Nam: “Sophie! Đừng làm như vậy! Mẹ nói đừng làm như vậy!”. Ngạc nhiên, tôi nhìn lại: đứng ngay sau tôi là một thiếu phụ Việt Nam tuổi độ ba mươi và một đứa bé gái tóc vàng mắt xanh cỡ chừng bảy tám tuổi. Thấy tôi nhìn, cô ta mỉm cười gật đầu chào, rồi tiếp tục nói với đứa con: “Mẹ dạy con làm sao? Muốn cái gì cũng phải hỏi ý mẹ trước. Thứ này ở nhà con còn tới hai hộp lận, ăn chưa hết mà con lấy nữa làm gì?” Đứa bé đứng cúi đầu. Cô ta nói tiếp, giọng hơi gắt : “Sophie! Nhìn vào mắt mẹ nè!” Đứa bé ngược lên nhìn mẹ, đôi mắt xanh chớp chớp. Người mẹ vừa nói vừa chỉ hộp bánh nằm trong caddie: “Con đem hộp bánh trả lại trên kệ hàng cho mẹ! Đừng làm cho mẹ giận, Sophie!” Đứa bé làm theo lời mẹ, rồi trở về nắm ống tay áo mẹ giựt giựt nhẹ, giọng như sắp ứa nước mắt: “Mẹ đừng giận con, nghe mẹ. Mẹ đừng giận con...”

Ngạc nhiên, tôi nói: “Cháu nói tiếng Việt giỏi quá, há cô!”. Mẹ nó cười tươi: “Dạ, lúc nào nó nói chuyện với cháu nó cũng nói bằng tiếng Việt. Còn nói với ba nó thì nó nói tiếng Pháp”. Rồi cô ta quay qua nói với con: “Chào ông đi con”. Con bé khoanh tay cúi đầu: “Dạ chào ông”. Tôi đưa tay xoa đầu nó, nói được có một tiếng “Giỏi” rồi nghẹn ngang. Tôi vội nhắm mắt quay mặt đi để che giấu niềm xúc động. Nhắm mắt mà tôi vẫn thấy đứa bé khoanh tay cúi đầu chào, một cử chỉ rất tầm thường nhưng sao nó bật lên cho tôi hình ảnh quê hương, cái quê hương ngàn trùng xa cách? Từ lâu, rất lâu – có lẽ cũng gần ba mươi năm – tôi không còn thấy cái cung cách lễ độ đó. Ở Việt Nam, phần lớn các bà mẹ đều dạy con như vậy. Bây giờ, trên xứ Pháp xa xôi này, một người mẹ Việt Nam trẻ tuổi chẳng những dạy đứa con lai nói rành rọt tiếng Việt mà còn dạy cả cung cách Việt Nam nữa. Người mẹ đó bỏ xứ ra đi, đã biết mang theo những gì quý nhứt của quê hương. Hình ảnh Việt Nam bỗng ngời lên trước mắt...

Trả tiền xong, tôi quay lại nói: “Thôi! Chào cô nhen! Thấy cô dạy cháu bé như vậy, tôi thật cảm phục. Ở đây, hiếm lắm, cô biết không?”. Cô ta cười: “Dạ! Có gì đâu? Mình là người Việt Nam mà bác. Dạ! Chào bác”. Bé gái đang phụ mẹ chất đồ lên quầy cũng ngừng tay nhìn tôi cúi đầu chào... Thấy thương quá!

Trên đường về tôi miên man nghĩ tới người thiếu phụ trẻ tuổi đó và thấy quý những người như vậy vô cùng. Không phải tại vì hiếm mà quý. Mà tại vì nhờ có những người như vậy cái gốc Việt Nam vẫn còn, vẫn có trên khắp các nẻo đường lưu vong.

Rồi liên tưởng nhắc tôi một thằng bạn. Tụi tôi quen thân nhau từ nhỏ. Lớn lên, nó làm trong nhà nước, tôi làm hãng tư, nhưng vẫn thường gặp nhau. Nó di tản trước tháng tư 75 rồi định cư ở Pháp. Tôi bị kẹt lại, sống mấy năm trời lận đận. Sau đó tôi vượt biên. Rồi cũng định cư ở Pháp. Chúng tôi lại gặp nhau ở Paris. Nó làm việc cho nhà nước Pháp, cuộc đời ổn định từ lâu. Tôi lêu bêu một dạo rồi trôi qua Phi Châu mới có công ăn việc làm. Từ đó, chúng tôi bắt tin nhau...

Phải hai mươi năm sau, về Paris tôi mới lại gặp nó. Nó có nhà ở dưới tỉnh, cách Paris cả ngàn cây số. Nhân dịp lên Paris ở hai ngày để dự đám cưới thằng cháu, nó tìm gặp lại tôi ở nhà một người bạn chung. Nói chuyện suốt cả buổi chiều vẫn chưa thấy đã.

Sau đó, nó biên cho tôi địa chỉ của nó trên một tờ giấy nhỏ, tôi nhìn mà nhớ lại thuở thiếu thời. Hồi đó, nó là một trong vài thằng viết chữ đẹp nhưt lớp, cho nên ông thầy chỉ định nó mỗi buổi sáng vào lớp trước giờ học để viết trên đầu tấm bảng đen cái thứ trong tuần và ngày tháng năm. Hồi thời đó, được chỉ định như vậy, “hách” ghê lắm! Bây giờ, tuồng chữ của nó vẫn còn đẹp như xưa nhưng cứng rắn hơn.

Mấy hôm sau, tôi viết cho nó một bức thư dài, nhắc lại những kỷ niệm cũ mà hôm gặp lại nhau còn quên chưa kịp nhắc. Thằng con tôi bảo tôi viết xong đưa nó đánh vào máy vi tính rồi in ra cho tôi. Máy của nó có hệ VNI nên đánh chữ Việt Nam được. Tôi nói: “Không! Ba muốn gởi thư viết tay, nó trang trọng hơn. Ngoài ra, khi bạn của ba cầm lá thư trên tay, chưa đọc, chỉ nhìn tuồng chữ thôi, ông ta cũng sẽ thấy được ba trong từng nét bút. Còn thư đánh máy, nó không mang một bản sắc nào hết, nó cứng ngắt, vô hồn...”

Mười ngày sau, tôi nhận được lá thư hồi âm của nó. Thư đánh máy và bằng tiếng Pháp. Tôi cảm thấy thật hụt hẫng. Tôi đâu có dè nó “mất gốc” đến độ như vậy! Tôi chỉ còn nhìn ra được thằng bạn tôi ở cái chữ ký, còn lại là một thằng Tây nào đó chớ không phải một thằng Việt Nam! Tôi chưa xót, nhưng cũng ráng đọc cho hết bức

thư trước khi thả nó rơi vào sọt rác. Tình bạn mà tôi đã dành cho nó từ thời tuổi nhỏ chắc cũng đã rơi theo vào sọt rác, nghe nhẹ như hơi thở dài...

Đó! Câu chuyện không có gì hết mà tôi muốn kể lại. Suy cho cùng, chắc nó có mang một “cái gì đó” chứ không phải “không có gì hết”. Tại vì tôi không thấy. Chớ nếu nó không “nói” lên cái gì hết thì tại sao tôi cứ phải nghĩ ngợi băn khoăn?

Có lẽ tại vì lâu nay tôi thường nghe người Việt lưu vong than đã mất quê hương, mà tôi thì cứ cho là chuyện bình thường, chẳng có gì phải suy nghĩ. Chính cái cung cách khoanh tay cuối đầu chào của cô bé tóc vàng mắt xanh đã bắt tôi phải suy nghĩ. Nếu người Việt lưu vong giống thằng bạn của tôi thì đúng là họ đã để mất quê hương thật.

Còn như họ giống mẹ con người thiếu phụ trẻ tuổi mà tôi gặp trong siêu thị thì làm sao nói mất quê hương? Quê hương còn nguyên đó chớ, thể hiện bằng tư duy, bằng ngôn ngữ, bằng phong cách đặc thù Việt Nam. Đó là cái gốc mà mình đã mang theo, chỉ cần một quyết tâm gìn giữ, vun bồi là nó sẽ đâm chồi nảy lộc... Còn hay hơn nữa: mình nên bắt chước người mẹ trẻ tuổi đó, coi chuyện gìn giữ cái gốc là chuyện tự nhiên, ai ai cũng phải làm. Tôi nhớ hoài câu nói của cô ta: “Dạ! Có gì đâu? Mình là người Việt Nam mà bác!”. Và tôi tin chắc: một người như cô ta chẳng bao giờ than rằng đã mất quê hương!

Bây giờ thì tôi thấy “câu chuyện không có gì hết” thật sự không phải không có gì hết!

Vương Hồng Ngọc

Đêm Trăng Độc Ấm

(Bài Xướng)

Một mình đối bóng bạn cùng trà
Ngắm nguyệt im lìm dãy núi xa
Cuối hạ buông lơl dăm cánh lá
Tàn mùa khép lại những đời hoa

Tâm tư trải miết càng sâu lắng
Ký ức bỗng bênh chữa hiệp hòa
Đất khách đêm trăng ngồi độc ẩm
Chao ơi! Sao nhớ quá quê nhà.

Vương Hồng Ngọc

Dương Quân
Đôi Âm Tâm Tình
(Bài Họa)

Mời em đôi ẩm mây chung trà
Kể những buồn vui chuyện xứ xa
Trên đó đông về nhiều gió tuyết
Dưới này thu đến thiếu hương hoa.

Kẻ mơ cổ quốc ngày hưng thịnh
Người ước lương dân buổi thái hòa
Đêm bước tha hương chùng mệt mỏi
Tâm tư khắc khoải kẻ không nhà.

Trần Yên Thảo
Thơ Biên Tái:

1. VƯƠNG XƯƠNG LINH
(Tiếp theo kỳ trước)

1. Vào khoảng niên hiệu Khai Nguyên thứ 11 đến năm thứ 15 Đường Huyền Tông, nhà thơ Vương Xương Linh đã theo quân đến vùng biên tái. Họ Vương đã đến Tiêu Quan, Lâm Thao, Ngọc Môn Quan và đến cả Toái Diệp thành của vùng Trung Á Tế Á. Thời gian sống trong quân lữ, ông đã thực sự cảm thụ được từ phong quang đến nếp sinh hoạt vùng biên tái. Từ đó nhà thơ đã viết nhiều bài quan tái rất nổi tiếng, mô tả sống động từ cảnh vật đến nếp sống trên những khu vực biên cương dọc theo con đường tơ lụa, trong đó, trứ danh nhất là bài thất tuyệt “Xuất Tái”:

Âm:
Xuất Tái

Tần thời minh nguyệt Hán thời quan
Vạn lý trường chinh nhân vị hoàn
Đản sử Long Thành Phi tướng tại
Bất giao Hồ mã độ Âm Sơn

Dịch
Ra Quan Ải

Trăng Tần ải Hán nhiều khô
Chinh nhân vạn dặm ngày về chưa hay
Cầm bằng Lý trưởng còn đây
Thì Âm Sơn đã vui thây ngựa Hồ

“Xuất Tái” là một cự đề trong Nhạc Phủ. Ý thơ, vàng trắng và quan ải hôm nay đều là cổ vật của Tần Hán. Những đoàn quân chiến đấu ngoài quan ải nhiều năm chưa trở về. Nếu còn danh tướng Lý Quảng của Tây Hán trấn thủ Long Thành bảo vệ biên cương thì tuyệt đối không cho phép kỵ binh của người Hồ vượt núi Âm Sơn vào đánh phá Trung Nguyên.

2. Năm Thánh Lịch thứ nhất Đường Võ Tắc Thiên (CN 698) Hoằng Hóa Công Chúa qua đời, an táng tại Dương Hồn Cốc Dã thành (nay là Nam Doanh Công Xã, huyện Võ Uy, tỉnh Cam Túc. Đó là thôn Bắc núi Chủy Tử, nghĩa trang của họ Mộ Dung tộc Tiên Tuy. Mộ của Công Chúa cao 10 thước còn bảo tồn đến ngày nay. Bài thất tuyệt thứ nhất của Vương Xương Linh trong đề tài “Tòng Quân Hành” nhằm mô tả nền xưa của lãnh địa Hồ Cốc Hồn, một tiểu vương quốc từng có quá khứ huy hoàng, giờ còn để lại bên này biên cảnh hình ảnh những sĩ binh Đường Triều trấn giữ biên cương, ôm lòng nhớ quê da diết:

Âm:

Tòng Quân Hành

Phong hỏa thành Tây bách xích lâu
Hoàng hôn độc tọa Hải phong thu
Cánh xuy Khương địch “Quan san nguyệt”
Vô ná kim khuê vạn lý sầu

Dịch

Bài Hát Theo Quân

“Phong Hỏa” thành Tây trăm thước lâu
Quanh đây biển gió một chiều Thu
Sáo Khương trời khúc “Quan san nguyệt”
Vạn dặm phòng khuê vô hạn sầu

Bài thơ diễn đạt tâm tư những sĩ binh trấn giữ biên cương, hàng ngày nhìn qua nền xưa của một tiểu vương quốc đã bị Thổ Phồn chiếm lĩnh. Từ sau khi Thổ Cốc Hồn bị Thổ Phồn diệt vong, Đường quân xây một “phong hỏa đài” trên lầu cao trăm thước để quan sát địch tình. Hàng ngày sĩ binh ngồi trên phong hỏa đài, đón những làn gió

chiều thu từ hồ Thanh Hải thổi tới, cộng thêm tiếng sáo rợn Khương trỗi lên khúc nhạc thảm sầu “Quan San Nguyệt”, người lính biên cương không cầm được lòng nhớ quê. Bài thơ cũng không quên đề cập nỗi buồn vô hạn của những chinh phụ nơi cô phòng, thương nhớ chinh nhân nơi biên tái.

I. BÀI 2:

Nhà thơ Thịnh Đường Vương Xương Linh khi hành quân qua Túc Châu (Tứ Xuyên) có viết một bài thất tuyệt (bài thứ 2 trong đề tài Tòng Quân Hành), có mô tả đôi nét đặc trưng về cảnh vật và con người vùng biên tái:

Âm:

Tòng Quân Hành (Bài 2)

Thanh Hải trường vân ám Tuyết San
Cô thành diêu vọng Ngọc Môn Quan
Hoàng sa bách chiến xuyên kim giáp
Bất phá Lâu Lan chung bất hoàn

Dịch:

Bài hát theo quân

Thanh Hải mây dùn phủ Tuyết San
Cô thành trông với Ngọc Môn Quan
Hoàng sa trăm trận không rời giáp
Không về, nếu chưa diệt Lâu Lan
(Lê Nguyễn Lưu dịch)

Nhà thơ diễn tả nỗi buồn của những sĩ binh trấn thủ biên cương bằng thủ pháp hết sức độc đáo. Một đêm trăng, sĩ binh tề tựu nhảy múa theo điệu đàn tỳ bà. Khung cảnh tưởng chừng rất vui, nhưng nội tâm mỗi người là một nỗi buồn không giải được. Tiếng tỳ bà cứ tái đi tái lại khúc nhạc buồn “Quan San Nguyệt”. Những sĩ binh từ lâu nơi quan ải chưa được về nhà càng thêm tâm sầu ý loạn, trong khi vầng trăng thu vẫn chiếu xuống từ trường thành cô quạnh.

II. Bài 5:

Nhà thơ Vương Xương Linh khi qua Thiên Châu Kim Thành, hình dung lại chiến trường xưa có viết đề tài “Tòng Quân Hành” gồm một số bài thất tuyệt, trong đó, bài thứ 5 mô tả lại trận chiến với Thồ Cốc Hồn:

Âm:

Tòng Quân Hành (Bài 5)

Đại mạc phong trần nhật sắc hôn
Hồng kỳ bán quyển xuất Viên môn
Tiền quân dạ chiến Thao Hà Bắc
Dĩ báo sanh cầm Thồ Cốc Hồn

Dịch:

Bài Hát Theo Quân

Gió bụi trời chiều qua sa mạc
Quân uy cờ cuốn giục lên đường
Thao Hà đêm ấy vừa giao chiến
Đã bắt sống vua Thồ Cốc Hồn

Ý bài thơ nói gió cát chiều tà trên sa mạc mênh mông. Đoàn quân hùng hậu cuốn cờ thẳng tiến về biên tái phía Tây. Ngay đêm giao chiến đầu tiên tại Thao Hà Bắc, đã có tin báo về, đã bắt được tên thủ lĩnh Thồ Cốc Hồn.

2. CAO THÍCH

Cùng thời với Vương Chí Hoán (cùng phái Biên Tái), Nhà thơ Cao Thích cũng có bài thất tuyệt “Tái thượng thính xuy địch”, mô tả cảnh tượng bên ngoài Ngọc Môn Quan.

Âm:

Tái Thượng Thính Xuy Địch

Tuyệt tịnh Hồ thiên mục mã hoàn
Nguyệt minh Khương địch thú lâu gian
Tá Vãn Mai hoa hà xứ lạc
Phong xuy nhất dạ mãn quan san

Dịch:

Trên quan ải nghe tiếng sáo

Ngựa về tuyết lặng trời Hồ
Sáo Khương réo gọi trăng vô chiến hào
“Mai Hoa Khúc” dạt về đâu
Khắp quan ải một đêm thâu gió lửa

Buổi chiều tuyết tan trên biên ải, bò dê từ thảo nguyên trở về. Trăng đã lên, những trận gió quét tràn. Tiếng sáo của người Khương từ lầu canh chiến hào vọng xuống “Mai Hoa Lạc”. Câu “Tá vãn Mai hoa hà xứ lạc”, ý nói khúc “Mai Hoa Lạc” không biết sẽ bị gió dạt về đâu?

3. TRẦN ĐÀO

Phía đông Ngũ Nguyên, (phụ cận vùng Du Lâm tỉnh Thiểm Tây) có một con sông tên là Vô Định Hà. Sông này phát nguyên từ khu Mông Cổ tự trị Ngạc Nhĩ Đa Tư, chảy về hướng Đông Nam qua Du Lâm, huyện Mễ Chi, huyện Thanh Giản (thuộc tỉnh Thiểm Tây) rồi nhập vào Hoàng Hà. Đây là con sông nhỏ chảy rất xiết đem theo nhiều bùn cát, sâu cạn khó dò và thường khi thay đổi dòng chảy nên mới có tên là Vô Định Hà. Vô Định Hà là con sông nhỏ không có trong bản đồ, nhưng là khu vực biên tái quan trọng thời Hán Đường. Thời Hán quân Hung Nô thường theo ngã này xâm nhập và đánh phá Trung Nguyên, cho nên hai bờ sông thường xảy ra những trận chiến khốc liệt. Cho tới đời Đường, Nhà thơ Trần Đào khi qua nơi này, vẫn còn chứng kiến những bãi xương khô phơi trắng hai bờ. Ông cảm xúc hình dung những trận đánh ác liệt trên chiến trường xưa và viết bài thất tuyệt “Lũng Tây Hành”. Nhờ đó mà con sông Vô Định trở nên nổi danh.

Âm:
Lũng Tây Hành

Thệ tảo Hung Nô bất cố thân
Ngũ thiên điều cảm tang Hồ Trần
Khả liên Vô Định hà tiên cốt
Do thị xuân khuê mộng lý nhân

Dịch:
Bài hành qua đất Lũng Tây

Liều thân phá giặc biên thù
Năm ngàn tướng sĩ vui thây đất Hồ

Bờ Vô Định bãi xương khô
Mà phòng khuê vẫn mộng chờ chinh nhân

Bài thơ diễn tả lòng quyết tâm tiêu diệt Hung Nô không kể gì mạng sống. Trong trận chiến này, hàng quân mặc áo Điều Cừ của Vũ Lâm quân cũng bỏ xác thê thảm đến năm ngàn người. Tội nghiệp cho những bãi xương khô hai bên bờ sông Vô Định, trong khi những thiếu phụ nơi phòng khuê nơi quê nhà vẫn mộng nhớ người thân.

(Còn tiếp kỳ tới)
Trần Yên Thảo

TÂM THƯ CỦA VĂN HỮU THỦ QUỲ PHẠM TƯƠNG NHƯ

Kính thưa Quý bạn đọc và Văn Thi Hữu,

Tôi là Phạm Tương Như, phụ trách giao dịch và quản lý tòa soạn xin được góp chút ý kiến với niềm tin sẽ giữ nhịp tim Trầm Hương "hồi hộp" mãi trong lòng người Việt còn thích đọc báo giấy.

Nhóm Điều Hành (Nguyễn Đức Nhơn, Túy Hà, Phạm Tương Như, có thể kể thêm Vĩnh Tuấn, Như Phong) là những thành viên ứng trước và bao sau của Diễn Đàn từ mấy năm qua.

Kể từ Trầm Hương số 7 vừa in xong, Diễn Đàn cũng xin được \$400 mỹ kim quảng cáo cho mỗi số.

Nhóm Điều Hành rất cảm kích khi nhận được 4,5 hay 6 ngàn phiếu ủng hộ của quý Văn Thi sĩ. Vậy là Diễn Đàn đã xong 3 phần 5 đoạn đường tài chánh. Tôi xin phép đề nghị vài biện pháp:

1. Nếu có thể xin góp chừng 15, 20 đô cho mỗi số T H.
2. Giới thiệu bạn bè mua sách: 1 năm 4 số (Xuân, Hạ, Thu, Đông) \$30.00
3. Nếu tác giả mua thêm tặng bạn bè từ 5 quyển trở lên : \$5.00 /1 quyển (dưới giá chi phí, cần có thêm Độc giả)
4. Quảng cáo hay xin quảng cáo trên Trầm Hương
5. Vì là tổ chức bất vụ lợi (không ai trong nhóm điều hành có lợi nhuận) nên khi có đủ chi phí in ấn, nhóm sẽ thông báo ngưng nhận tiền của Văn Thi Hữu thành viên. (trường hợp con tim lớn bằng lòng ngực)

Tôi vừa trình thực trạng tài chánh của Trầm Hương và đề nghị vài biện pháp thích ứng. Kính xin những ý kiến khác của Quý Văn Thi Hữu hằng theo dõi và sinh hoạt cùng Diễn Đàn (Xin gửi ý kiến về doanthachngoc@yahoo.com hay tuyha81@yahoo.com)

Trân trọng

Phạm Tương Như
muoinhu@yahoo.com

Tong Pham
PO Box 681822
Houston Tx 77268

TRONG SỐ NÀY

Lối vào (2)

**Nguyễn Xuân Thiệp(4) – Trần Thiện Hiệp (10) – Tường Linh (11) – Phan Bá
Thụy Dương (12) – Trần Văn Sơn (18) – Võ Thanh Văn (21) – Trần Hoài
Thư (24) – Trần Văn Lệ (29) – Hạc Thành Hoa (31) – Lan Cao (32) – Thiếu
Khanh (34) – Hoàng Xuân Sơn (38) – Hoàng Định Nam (40) – Nguyễn Lương
Vỵ (41) – Trần Bang Thạch (42) – Lan Trần (49) – Trần Văn Lương (50)
– Quan Dương (53) – Lan Đàm (55) – Trần Kiên Đoàn (57) – Lãm Thúy (66)
– Diệu Thảo (68) – Võ Thị Trúc Giang (70) – Dương Thượng Trúc (76) – Mây
Ngàn (81) –Phan Các Chiêu Hằng (82) – Trần Minh Hiền (84) –Dương
Quân (86) – Phạm Thu Liễu (88) – Xuân Bích (89) – Tùng Nguyên (91) – Song
An Châu (101) – Cái Trọng Ty (104) – Yên Sơn (107) – Song Thy (115) – Luân
Tâm (116) – Túy Hà (118) – Dạ Dung Vũ (120) – Trần Yên Thụy (121) – Kim
Oanh (123) – Phạm Tương Như (125) – Đèo Văn Trán (127) – Chu Thụy
Nguyên (129) –Lê Hữu Minh Toán (130) – Chúc Anh (131) – Nguyễn Đức
Nhơn (133) – Như Phong (142) – Phạm Thị Cúc Vàng (144) – Trần Thị Dã
Quỳ (146) – Văn Nguyên Dưỡng (148) –Như Ly (150) – Nguyễn Mộng
Diệp (151) –Võ Thị Diễm Đạm (152) – Trần Việt Cường (158) – Trần Kiều
Bạc (160) – Phạm Ngọc (167) – Trần Thị Hà Thân (168) – Khai Nguyên (169)
– Đinh Yên Thảo (170) – Thái Bạch Vân (176) – Cù Hòa Phong (178) – Nguyễn
Đức Nhơn (184) – Tiểu Tử (186) – Vương Hồng Ngọc (191) – T rần Yên
Thảo (192) – Tâm thư Phạm Tương Như (199).**